



BOSCH

CATALOGUE DỤNG CỤ ĐIỆN CẦM TAY VÀ PHỤ KIỆN

Bosch Professional

Ấn phẩm năm 2025



MỤC LỤC

1	Máy dùng pin & sạc	06
2	Máy dùng điện & phụ kiện đi kèm	18
3	Máy đo laser & kỹ thuật số	28
4	Phụ kiện chuyên nghiệp	39
5	Đồ nghề chuyên nghiệp	65
6	Ngành hàng nhà cửa và dụng cụ sân vườn	67
7	Dịch vụ bảo hành & hậu mãi Bosch	75

BIỂU TƯỢNG VÀ Ý NGHĨA

						
Máy chuyên dụng	Bảo vệ động cơ không quá tải	Bảo vệ pin không bị quá nhiệt	Bụi được hút vào túi bụi tích hợp	Cách điện 2 lớp	Chống đá ngược	Chức năng thổi khí tích hợp
						
Cơ chế bảo vệ an toàn cho pin	Có chức năng đục	Có đèn LED	Có định giấy nhám nhờ hệ thống móc	Có khả năng đảo chiều	Có móc treo	Dải nhựa bao phủ thân máy
						
Đầu cấp SDS Plus truyền lực tối đa	Đầu khoan kẹp phụ	Đèn hiển thị mức pin	Động cơ điện 4 cực	Động cơ không chổi than	Dụng cụ tự tắt khi bị quá tải	Giảm lực xoắn máy lúc khởi động
						
Chức năng giảm rung	Hệ thống khử bụi nhanh	Hệ thống laser giúp việc định vị	Hộp số 2 cấp độ	Khóa trục	Không cần thêm dụng cụ để sử dụng	Làm mát trực tiếp
						
Lựa chọn được các mức tốc độ	Chức năng đá lưỡi	Trang bị thước đo theo máy	Mâm cặp không chia khóa	Ngăn máy tự khởi động	Công tắc kiểu thao tác an toàn	Chức năng ly hợp tự trượt
						
Chức năng phanh thông minh	Tấm bảo vệ lưỡi mài	Thang chỉnh độ sâu cắt	Tốc độ ổn định, không thay đổi	Dùng mũi chوại gài SDS-Max	Tương thích với cả 12V và 10.8V	Tùy chỉnh được tốc độ
						
Có giao diện sử dụng	Công nghệ Biturbo	Hỗ trợ khoan vận góc nghiêng	Kết nối với điện thoại	Dòng máy ngành gỗ	Máy gia công kim loại	Dòng máy ngành xây dựng

PROFESSIONAL
18V
SYSTEM

QUYẾT ĐỊNH LÀ CỦA BẠN

Chúng tôi mang đến 3 giải pháp tối ưu để bạn dễ dàng xây dựng đội ngũ trong mơ



KẾT HỢP THEO CÁCH CỦA BẠN

CHỌN PIN & SẠC



CHỌN CÔNG CỤ SOLO



- Mua những gì bạn cần
- Đã có pin?
Mở rộng bộ dụng cụ của bạn với các công cụ không kèm pin

HOẶC CHỌN MỘT BỘ DỤNG CỤ



- Tất cả công cụ đều có thể mua theo bộ dụng cụ
- Bao gồm 1 công cụ, 1 sạc, 2 pin trong hộp L-BOXX.

HOẶC CHỌN MỘT COMBO BỘ DỤNG CỤ



- Giải pháp chuyên nghiệp toàn diện
- Bao gồm nhiều công cụ, pin, sạc trong túi hoặc hộp đựng.
- Khám phá thêm tại vn.bosch-pt.com

VÌ BẠN KHÔNG THỂ LƯỜNG TRƯỚC MỌI TAI NẠN

Khi làm việc trong môi trường lao động nặng, bạn sẽ luôn đối mặt với những tác nhân có hại như bụi bẩn hoặc sự cố kỹ thuật, Bosch hiểu điều đó, những dòng sản phẩm của Bosch luôn được tích hợp những công nghệ bảo vệ người dùng tân tiến nhất. Với dụng cụ điện Bosch, bạn có thể làm việc với toàn bộ khả năng ngay cả khi ở trong những môi trường khắc nghiệt nhất.



PHÒNG NGỪA TỰ KHỞI ĐỘNG

Máy chỉ khởi động khi bạn muốn

Không tự khởi động, **Cơ chế ngăn dụng cụ tự vận hành** của Bosch đảm bảo trong những trường hợp máy bị ngắt điện đột ngột, sẽ không tự chạy khi nguồn điện quay trở lại.

Công nghệ này có thể tìm thấy được ở nhiều dụng cụ điện của Bosch.



KIỂM SOÁT GIẬT NGƯỢC

Giảm thiểu chấn thương

Một số công cụ điện, với lực xoắn quá mạnh, đôi lúc sẽ mất kiểm soát, bật ngược, ảnh hưởng đến cổ tay và có thể gây ra tai nạn cho người dùng.

Khi phát hiện thay đổi tốc độ quay hoặc cường độ điện bất chợt, **hệ thống cảm biến thông minh** sẽ phát hiện và tự động ngắt máy, ngăn giật ngược gây tổn hại cho người dùng.



KIỂM SOÁT RỦI

Ngăn ngừa rủi ro

Mọi người nếu có thể đánh rơi dụng cụ làm việc của mình và điều đó thật nguy hiểm nếu máy đang vận hành.

Cơ chế kiểm soát rơi sẽ nhận biết được khi dụng cụ va chạm mạnh với mặt đất và truyền tín hiệu dừng mô tơ ngay lập tức, đồng thời bật đèn đỏ báo hiệu cho người dùng.





KIỂM SOÁT TRỰC XOAY

Bảo vệ đôi tay của bạn

Một số trường hợp, khi mũi khoan bị kẹt và dụng cụ vẫn tiếp tục chạy, sẽ gây ra những tai nạn không đáng có cho người dùng.

Cơ chế kiểm soát trực xoay sẽ can thiệp khi phát hiện sự cố, tắt thiết bị và giúp người dùng kiểm soát thiết bị.



PHANH THÔNG MINH

Khi ngưng thực sự là ngưng

Khi ngưng kích hoạt hay có sự cố điện, những miếng nam châm ở trong hộp số có trang bị **Phanh thông minh** sẽ tạo ra một lực hãm từ trường.

Việc này giúp máy dừng hoạt động nhanh hơn đến 70% những máy không được trang bị **Phanh thông minh**, việc hệ thống không tạo ra ma sát sẽ làm tăng tuổi thọ chổi than cũng như máy.



CÔNG NGHỆ KHỬ BỤI

Bảo vệ sức khỏe người dùng

Làm việc trong một môi trường đầy bụi bẩn và mạt của có thể ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe của bạn.

Làm sạch môi trường làm việc của bạn với công nghệ **Click & Clean**, một số công cụ của Bosch có thể kết hợp với hệ thống hút bụi bảo vệ bạn khỏi các tác nhân gây hại.



MÁY PIN 3.6V LI-ION

BOSCH GO GEN III (SOLO)

Máy vặn vít pin



Điện áp pin	: 3.6 V
Mô-men xoắn (Tối thiểu / Mềm / Cứng)	: 0.1 / 2.5 / 5 Nm
Tốc độ	: 360 vòng/phút
Số cấp lực xoắn	: 7 + Chế độ hiệu suất tối đa
Số cách kích hoạt	: 2 (Đẩy trực máy hoặc ấn nút)
Khả năng đầu cấp	: Mũi Hex Uni ¼"
Cổng sạc	: USB type-C
Trọng lượng (Gồm pin)	: 0.32 kg
Phụ kiện kèm theo	: Cáp sạc, hộp nhựa, 1 mũi vít

Giá tham khảo
Mã hàng

1,478,000 VND
06019H2280

BOSCH GO GEN III (KIT)

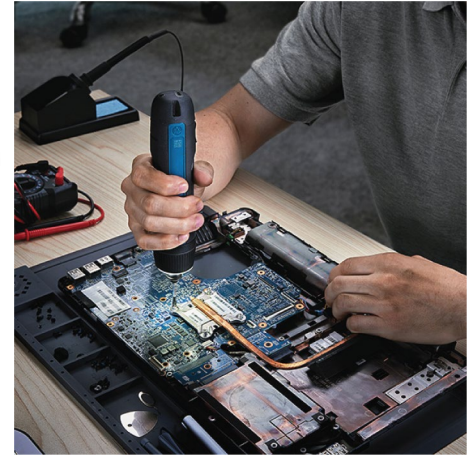
Máy vặn vít pin



Điện áp pin	: 3.6 V
Mô-men xoắn (Tối thiểu / Mềm / Cứng)	: 0.1 / 2.5 / 5 Nm
Tốc độ	: 360 vòng/phút
Số cấp lực xoắn	: 7 + Chế độ hiệu suất tối đa
Số cách kích hoạt	: 2 (Đẩy trực máy hoặc ấn nút)
Khả năng đầu cấp	: Mũi Hex Uni ¼"
Cổng sạc	: USB type-C
Trọng lượng (Gồm pin)	: 0.32 kg
Phụ kiện kèm theo	: Cáp sạc, hộp nhựa, 8 mũi vít, 1 tuýp nối

Giá tham khảo
Mã hàng

1,498,000 VND
06019H2281



MÁY PIN 12V LI-ION

GSR 120-LI GEN II

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 14 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-400 / 0-1,500 v/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 10 mm
Số cấp mô-men xoắn	: 20 + 1
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 7 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 20 / 10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,738,000 VND
06019G80K0

GSR 120-LI GEN II (kèm phụ kiện)

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 14 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-400 / 0-1,500 v/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 10 mm
Số cấp mô-men xoắn	: 20 + 1
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 7 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 20 / 10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 2.0Ah, 1 sạc, bộ mũi khoan, bộ vít, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,888,000 VND
06019G80K2

GSR 120-LI GEN II (SET 1 PIN)

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 14 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-400 / 0-1,500 v/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 10 mm
Số cấp mô-men xoắn	: 20 + 1
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 7 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 20 / 10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 Pin 2.0Ah, 1 Sạc 2 châu, bộ mũi khoan, bộ vít, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,208,000 VND
06019G80K5

GSR 12V-30

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 18 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-420 / 0-1,600 v/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 0.8 / 10 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 8 mm
Khả năng khoan tối đa (Sắt / Gỗ)	: 10 / 20 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.72 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc GAL 12V-40, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

4,478,000 VND
06019G90K0

GSB 120-LI GEN II

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 14 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-400 / 0-1,500 v/p
Tấn suất và đập tối đa	: 22,500 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 10 mm
Số cấp mô-men xoắn	: 20+2
Khả năng vặn vít tối đa	: 7 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Khối xây nề)	: 20 / 10 / 8 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,918,000 VND
06019G81K0

GSB 120-LI GEN II (SET 1 PIN)

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 14 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-400 / 0-1,500 v/p
Tấn suất và đập tối đa	: 22,500 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 10 mm
Số cấp mô-men xoắn	: 20+2
Khả năng vặn vít tối đa	: 7 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Khối xây nề)	: 20 / 10 / 8 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 Pin 2.0Ah, 1 Sạc 2 châu, bộ mũi khoan, bộ vít, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,388,000 VND
06019G81K5

GSB 12V-30

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 18 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-420 / 0-1,600 v/p
Tốc độ đập tối đa	: 24,000 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 0.8 / 10 mm
Khả năng vặn vít tối đa	: 8 mm
Khả năng khoan tối đa (Tuông / Sắt / Gỗ)	: 8 / 10 / 20 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.82 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc GAL 12V-40, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

4,548,000 VND
06019G91K0

GDR 120-LI (SOLO)

Máy vặn vít động lực pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô men xoắn tối đa	: 100 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-1,300 / 2,600 v/p
Tốc độ nhíp đập (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-1,900 / 0-3,200 l/p
Khả năng của đầu cấp	: Lực giắc trong ¼"
Khả năng vặn ốc vít tối đa	: M4-M12
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

1,678,000 VND
06019F0000

GDR 120-LI (KIT)

Máy vặn vít động lực pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô men xoắn tối đa	: 100 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-1,300 / 2,600 v/p
Tốc độ nhíp đập (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-1,900 / 0-3,200 l/p
Khả năng của đầu cấp	: Lực giắc trong ¼"
Khả năng vặn ốc vít tối đa	: M4 - M12
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 sạc GAL 12V-20, valy nhựa, 1 mũi vít

Giá tham khảo
Mã hàng

3,298,000 VND
06019F00K6

MÁY PIN 12V LI-ION

GDR 12V-110 (SOLO)

Máy vặn vít động lực pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa	: 110 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-1,200 / 0-2,600 v/p
Nhịp đập (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-2,700 / 0-3,100 l/p
Khả năng đầu cấp	: Lục giác trong ¼"
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: M4 - M12
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 139 / 177 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.9 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo **4,418,000 VNĐ**
Mã hàng **06019E0002**

GRO 12V-35 (SOLO)

Máy cắt xoay đa năng pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ định mức	: 5,000-35,000 v/p
Đường kính đầu cấp	: 3.2 mm
Đường kính ngoài tối đa (Đĩa cắt/ Phụ kiện: mài/ Bàn chải sắt/ Đĩa mài/ Mũi khoan)	: 38 / 22,5 / 20 / 20 / 3,2 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 55 / 255 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 0.65 - 0.85 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo **1,918,000 VNĐ**
Mã hàng **06019C50K1**

GKF 12V-8 (SOLO)

Máy phay mini pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ không tải	: 13,000 v/p
Đầu cấp	: 6 mm - 8 mm - ¼"
Đường kính đĩa phay tối đa	: 36 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 252 / 144 / 80 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo **4,478,000 VNĐ**
Mã hàng **06016B00L0**

GSA 12V-LI (SOLO)

Máy cưa kiếm pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ không tải	: 0-3,000 n/p
Nhịp cắt	: 14.5 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Sắt nguyên chất / Ống nước)	: 65 / 8 / 50 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 133 / 255 / 60 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 1.4 - 1.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, 1 lưỡi cưa

Giá tham khảo **2,458,000 VNĐ**
Mã hàng **060164L9L2**

GOP 12V-28 (SOLO)

Máy cắt đa năng pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ quay không tải	: 5,000-20,000 v/p
Góc dao động	: 1.4°
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 88 / 267 / 61 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 0.81 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, bộ phụ kiện

Giá tham khảo **4,118,000 VNĐ**
Mã hàng **06018B50L0**

GKS 12V-LI (SOLO)

Máy cưa đĩa pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ cắt không tải	: 1,400 v/p
Độ sâu cắt (Góc 0° / 45°)	: 26.5 / 17.0 mm
Kích thước mặt đế	: 167x88 mm
Kích thước lưỡi cưa tối đa (Đường kính / Độ dày)	: 85 / 0.7 mm
Đường kính trục lắp	: 15 mm
Độ dày răng (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.0 / 1.1 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 279 / 156 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 1.3 - 1.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, 1 lưỡi cưa

Giá tham khảo **3,488,000 VNĐ**
Mã hàng **06016A10L2**

GST 12V-LI (SOLO)

Máy cưa lọng pin



Điện áp pin	: 12 V
Số nhịp cắt khi không tải	: 1,500-2,800 n/p
Nhịp cắt	: 18 mm
Khả năng cắt tối đa (Gỗ / Nhôm / Sắt nguyên chất)	: 70 / 3 / 3 mm
Góc cắt nghiêng	: 45°
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 218 / 76 / 168 mm
Trọng lượng máy (không pin)	: 1.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, 1 khớp nối, 1 bộ lưỡi

Giá tham khảo **3,488,000 VNĐ**
Mã hàng **06015A10L1**

GLI 120-LI (SOLO)

Đèn pin



Điện áp pin	: 12 V
Thời gian phát sáng	: ~180 phút/Ah
Quang thông	: 300 lm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 320 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.15 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo **738,000 VNĐ**
Mã hàng **06014A10L0**

GAS 12-LI (SOLO)

Máy hút bụi pin



Điện áp pin	: 12 V
Dung tích chứa	: 0.4 L
Lực hút	: 45 hPa
Lưu lượng khí	: 15 l/s
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 273 / 170 mm
Trọng lượng (không pin)	: 0.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, mũi hút

Giá tham khảo **1,478,000 VNĐ**
Mã hàng **06019E3081**

GEX 12V-77 (SOLO)

Máy chà nhám pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ không tải	: 3,000 - 8,000 vòng/phút
Tần suất vòng xoay	: 6,000 - 16,000 vòng/phút
Đường kính vòng xoay	: 2.5 mm
Đường kính mặt nhám	: 77 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 123 / 198 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.55 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp giấy, 1 đế chà, 1 khóa vận

Giá tham khảo **4,918,000 VNĐ**
Mã hàng **06019L2180**

GPX 12V-125 (SOLO)

Máy đánh bóng lệch tâm pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ không tải	: 1,400 - 7,000 vòng/phút
Đường kính vòng xoay	: 2.5 mm
Đường kính đĩa đánh bóng	: 125 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 125 / 128 / 243 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.55 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp giấy, 1 đế chà, 1 tấm ni, 1 khóa vận

Giá tham khảo **5,678,000 VNĐ**
Mã hàng **06019L41K0**



MÁY PIN 18V

GSR 185-LI (SOLO)

Máy khoan vận vít pin



Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1,900 vòng/phút
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 35 / 10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.93 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, valy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,258,000 VND
06019K3083

GSR 185-LI (1 PIN)

Máy khoan vận vít pin



Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1,900 vòng/phút
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 35 / 10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.93 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 pin 2.0Ah, 1 sạc, valy

Giá tham khảo
Mã hàng

3,728,000 VND
06019K30K1

GSR 185-LI

Máy khoan vận vít pin



Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1,900 vòng/phút
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 35 / 10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.93 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 2.0Ah, 1 sạc, valy, bộ phụ kiện 23 món

Giá tham khảo
Mã hàng

4,548,000 VND
06019K30K2

GSR 18V-50

Máy khoan vận vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 28 / 50 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-460 / 0-1,800 v/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vận ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 35 / 13 mm
Trọng lượng máy (không pin)	: 1.0 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 sạc GAL18V-40, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

5,468,000 VND
06019H50K0

GSR 18V-65 (SOLO)

Máy khoan vận vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng / Tối đa)	: 31 / 63 / 76 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 600 / 0 – 2,000 vòng/phút
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vận ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 35 / 13 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 209 / 166 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.06 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,888,000 VND
06019N30K2

GSR 18V-65

Máy khoan vận vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng / Tối đa)	: 31 / 63 / 76 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 600 / 0 – 2,000 vòng/phút
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vận ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 35 / 13 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 209 / 166 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.06 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 2.0Ah, 1 sạc GAL 18V-20, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

5,548,000 VND
06019N30K0

GSR 18V-90 C (SOLO)

Máy khoan vận vít pin



Mô-men xoắn (mềm/cứng)	: 36/64 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 630 / 0 – 2,100 v/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 12 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 68 / 13 mm
Kích thước máy (Cao/ dài/ rộng)	: 210/163/77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, mach GCY

Giá tham khảo
Mã hàng

4,598,000 VND
06019K60L0

GSR 18V-150 C (SOLO)

Máy khoan vận vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (mềm / cứng)	: 80 / 100 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-550 / 0-2,200 v/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vận ốc / vít tối đa	: 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 150 / 16 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 220 / 205 / 73 mm
Trọng lượng máy (Không pin)	: 2.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp Lboxx

Giá tham khảo
Mã hàng

7,568,000 VND
06019J50L0

ISR 18V-30 P (SOLO)

Máy vận vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 9 / 30 Nm
Mô-men xoắn lý hợp	: 1.6 – 7.6 Nm
Tốc độ không tải	: 0 – 1,400 vòng/phút
Số mức điều chỉnh lý hợp	: 20
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 208 / 139 / 76 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,538,000 VND
06019M7000

ISR 18V-30 PHX (SOLO)

Máy vận vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 9 / 30 Nm
Mô-men xoắn lý hợp	: 1.6 – 7.6 Nm
Tốc độ không tải	: 0 – 1,400 vòng/phút
Số mức điều chỉnh lý hợp	: 20
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 208 / 139 / 76 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,158,000 VND
06019M7100

GTB 185-LI (SOLO)

Máy vận vít thanh cao pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm)	: 5.2 Nm
Tốc độ không tải	: 0 - 4,500
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 6 mm
Đầu cặp	: Lực giác trong ¼
Chiều cao/dài rộng	: 193/261/56 mm
Trọng lượng không bao gồm pin	: 0.95 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

3,968,000 VND
06019K70L1

GSB 183-LI (SOLO)

Máy khoan vận vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 21 / 56 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 440 / 0 – 1,650 vòng/phút
Nhịp đập	: 0 – 24,000 lần/phút
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vận ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 10 / 10 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 237 / 207 / 73 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,148,000 VND
06019K9181

MÁY PIN 18V

GSB 183-LI (SET 1 PIN)

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 21 / 56 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 440 / 0 – 1,650 vòng/phút
Nhịp đập	: 0 – 24,000 lần/phút
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 10 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 237 / 207 / 73 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 pin 2.0Ah, 1 sạc, valy nhựa

Giá tham khảo **3,458,000 VND**
Mã hàng **06019K91K1**

GSB 183-LI

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 21 / 56 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 440 / 0 – 1,650 vòng/phút
Nhịp đập	: 0 – 24,000 lần/phút
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 10 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 237 / 207 / 73 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 2.0Ah, 1 sạc, valy nhựa

Giá tham khảo **4,318,000 VND**
Mã hàng **06019K91K0**

GSB 183-LI

(1 pin + hộp công cụ + set 41 phụ kiện)
Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 21 / 56 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 440 / 0 – 1,650 vòng/phút
Nhịp đập	: 0 – 24,000 lần/phút
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 10 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 237 / 207 / 73 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 Pin 2.0Ah, 1 sạc, set phụ kiện 41 món, hộp công cụ

Giá tham khảo **4,408,000 VND**
Mã hàng **06019K91K2**

GSB 185-LI (SOLO)

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1,900 vòng/phút
Nhịp đập	: 0-27,000 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 10 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 229 / 177 / 54 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, valy

Giá tham khảo **2,448,000 VND**
Mã hàng **06019K3183**

GSB 185-LI (SET 1 PIN)

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1,900 vòng/phút
Nhịp đập	: 0-27,000 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 10 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 229 / 177 / 54 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 pin 2.0Ah, 1 sạc, valy

Giá tham khảo **3,988,000 VND**
Mã hàng **06019K31K1**

GSB 185-LI

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1,900 vòng/phút
Nhịp đập	: 0-27,000 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 10 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 229 / 177 / 54 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 2.0Ah, 1 sạc, valy, bộ phụ kiện 23 món

Giá tham khảo **4,858,000 VND**
Mã hàng **06019K31K2**

GSB 18V-50

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 28 / 50 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-460 / 0-1,800 v/p
Nhịp đập	: 0-27,000 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 13 / 13 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc GAL18V-20, valy nhựa

Giá tham khảo **5,548,000 VND**
Mã hàng **06019H5100**

GSB 18V-65 (SOLO)

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng / Tối đa)	: 31 / 65 / 76 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 550 / 0 – 2,100 vòng/phút
Nhịp đập	: 0 – 27,000 lần/phút
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 13 / 13 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.12 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, valy nhựa

Giá tham khảo **3,148,000 VND**
Mã hàng **06019N31K2**

GSB 18V-65

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn (Mềm / Cứng / Tối đa)	: 31 / 65 / 76 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0 – 550 / 0 – 2,100 vòng/phút
Nhịp đập	: 0 – 27,000 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 13 / 13 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.12 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 sạc GAL 18V-20, valy nhựa

Giá tham khảo **5,798,000 VND**
Mã hàng **06019N31K0**

GSB 18V-90 C (SOLO)

Máy khoan vặn vít pin



Mô-men xoắn (Mềm / Cứng)	: 36/64 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-630/0-2,100 vòng/phút
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 12 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 68 / 13 / 13 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.2 kg
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 210/175/77 mm
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, mạch GCY

Giá tham khảo **4,788,000 VND**
Mã hàng **06019K61L0**

GSB 18V-150 C (SOLO)

Máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (mềm / cứng)	: 84 / 100 Nm
Nhịp đập	: 0 – 30,000 lần/phút
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-550 / 0-2,200 v/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 150 / 16 / 20 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 220 / 210 / 73 mm
Trọng lượng máy (Không pin)	: 2.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp Lboxx

Giá tham khảo **8,078,000 VND**
Mã hàng **06019J51L0**

GDR 18V-215 (SOLO)

Máy vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 215 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Cấp số 2)	: 0 – 2,100 / 0 – 3,300 vòng/phút
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Cấp số 2)	: 0 – 3,000 / 0 – 3,800 lần/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M6 – M16
Đầu cấp	: Lục giác ¼"
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 210 / 126 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.0 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo **2,358,000 VND**
Mã hàng **06019N20L0**

MÁY PIN 18V

GDR 18V-215

Máy vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 215 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Cấp số 2)	: 0 – 2,100 / 0 – 3,300 vòng/phút
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Cấp số 2)	: 0 – 3,000 / 0 – 3,800 lần/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M6 – M16
Đầu cặp	: Lực góc ¼"
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 210 / 126 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.0 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc GAL 18V-20, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

5,018,000 VND
06019N20K2

GDR 18V-215 & GSB 185-LI (COMBO KIT)

Bộ máy khoan vặn vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 215 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Cấp số 2)	: 0 – 2,100 / 0 – 3,300 vòng/phút
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Cấp số 2)	: 0 – 3,000 / 0 – 3,800 lần/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M6 – M16
Đầu cặp	: Lực góc ¼"
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 210 / 126 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.0 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 thân máy GSB 185-LI, 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc GAL 18V-20, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

7,258,000 VND
06019N20K4

GDR 18V-220 C (SOLO)

Máy vặn vít động lực pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 220 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 800 / 0 – 2,300 / 0 – 3,400 v/p
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 1,500 / 0 – 3,400 / 0 – 4,000 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M6 - M16
Đầu cặp	: Lực góc ¼ "
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 201 / 113 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.0 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

5,108,000 VND
06019L60L0

GDX 18V-285 (SOLO)

Máy bắt ốc vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 285 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2)	: 0 – 2,000 / 0 – 2,800 v/p
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Số 2)	: 0 – 3,000 / 0 – 3,600 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M8 - M18
Đầu cặp	: Lực góc ¼ " / vuông ½ "
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 210 / 147 / 73 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,508,000 VND
06019N21L0

GDX 18V-285

Máy bắt ốc vít pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 285 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2)	: 0 – 2,000 / 0 – 2,800 v/p
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Số 2)	: 0 – 3,000 / 0 – 3,600 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M8 - M18
Đầu cặp	: Lực góc ¼ " / vuông ½ "
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 210 / 147 / 73 mm
Trọng lượng (không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 sạc GAL 18V-20, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

5,168,000 VND
06019N21K2

GDX 18V-200 (SOLO)

Máy vặn ốc động lực pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 200 Nm
Tốc độ không tải	: 0 – 3,400 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0 – 4,200 lần/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M6-M16
Đầu cặp	: Lực góc trong ¼"/ vuông ¼"
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 206 / 147 / 61 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,288,000 VND
06019J22L0

GDS 18V-350 (SOLO)

Máy siết ốc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 85 / 200 / 350 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 1,200 / 0 – 1,700 / 0 – 2,300 v/p
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 1,800 / 0 – 2,600 / 0 – 3,400 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M10 – M18
Đầu cặp	: Vuông ½ "
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 210 / 141 / 73 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,638,000 VND
06019M50L0

GDS 18V-350

Máy siết ốc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 85 / 200 / 350 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 1,200 / 0 – 1,700 / 0 – 2,300 v/p
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 1,800 / 0 – 2,600 / 0 – 3,400 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M10 – M18
Đầu cặp	: Vuông ½ "
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 210 / 141 / 73 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 4.0Ah, 1 sạc GAL 18V-20, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

6,688,000 VND
06019M50K1

GDS 18V-400 (SOLO)

Máy bắt ốc động lực pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 400 Nm
Tốc độ không tải	: 0-2,500 v/p
Tốc độ đập	: 0-3,700 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M10-M20
Đầu cặp	: Vuông ½ "
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 255 / 172 / 67 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.25 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

3,958,000 VND
06019K00K1

GDS 18V-780 (SOLO)

Máy siết ốc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 300 / 550 / 780 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 1,300 / 0 – 1,500 / 0 – 2,000 vòng/phút
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 1,900 / 0 – 2,100 / 0 – 2,400 lần/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M24
Đầu cặp	: Vuông ½ "
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 238 / 170 / 87 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

5,038,000 VND
06019P40L0

GDS 18V-780

Máy siết ốc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 300 / 550 / 780 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 1,300 / 0 – 1,500 / 0 – 2,000 vòng/phút
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 1,900 / 0 – 2,100 / 0 – 2,400 lần/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M24
Đầu cặp	: Vuông ½ "
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 238 / 170 / 87 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 5.0Ah, 1 sạc GAL 18V-40, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

10,358,000 VND
06019P40K1

GDS 18V-1000 (SOLO)

Máy bắt ốc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 350 / 700 / 1,000 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0 – 800 / 0 – 1,200 / 0 – 1,750 v/p
Tốc độ đập	: 0 – 1,600 / 0 – 2,400 / 0 – 2,600 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M10 - M24
Đầu cặp	: Vuông ½ "
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 240 / 222 / 86 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, đầu cặp 1/2" vuông

Giá tham khảo
Mã hàng

7,078,000 VND
06019J83L1

MÁY PIN 18V

GDS 18V-1050 H (SOLO)

Máy bắt ốc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 350 / 750 / 1,050 Nm
Tốc độ không tải (Số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0-800/0-1,200/0-1,750 v/p
Tốc độ đập	: 0-1,600/0-2,400/0-2,600 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M10-M24
Đầu cặp	: Vuông 3/4"
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 240 / 222 / 86 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, đầu cặp 3/4" vuông

Giá tham khảo **7,078,000 VND**
Mã hàng **06019J85L1**

GDS 18V-1600 HC (SOLO)

Máy bắt ốc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 600 / 1,100 / 1,600 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0-800 / 0-1,300 / 0-1,750 vòng/phút
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0-1,550 / 0-2,200 / 0-2,350 lần/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M16 - M33
Đầu cặp	: Vuông 3/4"
Trọng lượng (Không pin)	: 3,2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp L-boxx, module GCY 42, đầu cặp 3/4" vuông

Giá tham khảo **10,618,000 VND**
Mã hàng **06019M1080**

IDS 18V-200 T (SOLO)

Máy siết ốc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Siết vào / Nhà ra)	: 300 / 450 Nm
Tốc độ không tải	: 0-2,500 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0-3,500 lần/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M8 - M18
Đầu cặp	: Vuông 1/2"
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 217 / 155 / 78 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp giấy

Giá tham khảo **5,928,000 VND**
Mã hàng **06019N0080**

IDS 18V-200 T

Máy siết ốc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Siết vào / Nhà ra)	: 300 / 450 Nm
Tốc độ không tải	: 0-2,500 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0-3,500 lần/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M8 - M18
Đầu cặp	: Vuông 1/2"
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 217 / 155 / 78 mm
Trọng lượng (không pin)	: 1,2 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin ProCore 4.0Ah, 1 sạc GAL 18V-40, hộp giấy

Giá tham khảo **11,558,000 VND**
Mã hàng **06019N00K1**

GRC 18V-60 (SOLO)

Máy siết ốc góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 60 Nm
Tốc độ không tải	: 0-400 vòng/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M12
Đầu cặp	: Vuông 3/8"
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 70 / 363 / 75 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo **3,648,000 VND**
Mã hàng **06019N8080**

GRC 18V-60

Máy siết ốc góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 60 Nm
Tốc độ không tải	: 0-400 vòng/phút
Kích thước tối đa của ốc vít	: M12
Đầu cặp	: Vuông 3/8"
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 70 / 363 / 75 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc GAL 18V-20 2 châu, valy nhựa

Giá tham khảo **6,558,000 VND**
Mã hàng **06019N80K2**

GBH 18V-18 (SOLO)

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập	: 1,5 J
Tốc độ không tải	: 0-900 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0-5,000 lần/phút
Đầu cặp	: SDS Plus
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Bê tông)	: 18 / 10 / 18 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 202 / 254 / 101 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp giấy, đầu cặp SDS-Plus

Giá tham khảo **4,098,000 VND**
Mã hàng **06119270J0**

GBH 18V-18 (2 PIN 2.0Ah)

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập	: 1,5 J
Tốc độ không tải	: 0-900 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0-5,000 lần/phút
Đầu cặp	: SDS Plus
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Bê tông)	: 18 / 10 / 18 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 202 / 254 / 101 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc GAL 18V-20, valy nhựa, đầu cặp SDS-Plus

Giá tham khảo **7,698,000 VND**
Mã hàng **0611927001**

GBH 18V-18 (2 PIN 4.0Ah)

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập	: 1,5 J
Tốc độ không tải	: 0-900 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0-5,000 lần/phút
Đầu cặp	: SDS Plus
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Bê tông)	: 18 / 10 / 18 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 202 / 254 / 101 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 4.0Ah, 1 Sạc GAL 18V-20, valy nhựa, đầu cặp SDS-Plus

Giá tham khảo **8,708,000 VND**
Mã hàng **0611927002**

GBH 18V-18 X (SOLO)

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập	: 1,5 J
Tốc độ không tải	: 0-900 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0-5,000 lần/phút
Đầu cặp	: SDS Plus / HEX / Tròn
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Bê tông)	: 18 / 10 / 18 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 202 / 279 / 101 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp giấy, đầu cặp One-chuck

Giá tham khảo **5,358,000 VND**
Mã hàng **06119271J0**

GBH 18V-18 X

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập	: 1,5 J
Tốc độ không tải	: 0-900 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0-5,000 lần/phút
Đầu cặp	: SDS Plus / HEX / Tròn
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Bê tông)	: 18 / 10 / 18 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 202 / 279 / 101 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc GAL 18V-20, valy nhựa, đầu cặp One-chuck

Giá tham khảo **8,898,000 VND**
Mã hàng **06119271K0**

GBH 185-LI (SOLO)

Máy khoan búa pin



Lực đập tối đa	: 1,9 J
Tốc độ không tải	: 0-1,050 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0-4,675 l/p
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Bê tông)	: 22 / 13 / 20 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 208 / 296 / 102 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2,3 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, valy nhựa

Giá tham khảo **5,548,000 VND**
Mã hàng **06119240L0**

MÁY PIN 18V

GBH 185-LI

Máy khoan búa pin



Lực đập tối đa	: 1,9 J
Tốc độ không tải	: 0 – 1,050 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0 – 4,675 l/p
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Bê tông)	: 22 / 13 / 20 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 208 / 296 / 102 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2,3 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 4,0Ah, 1 sạc GAL 18V-40, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

10,228,000 VND
06119240K1

GBH 18V-22 X (SOLO)

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập	: 2,0 J
Tốc độ không tải	: 0 – 1,050 vòng/phút
Tốc độ đập	: 0 – 4,675 lần/phút
Đầu cặp	: SDS Plus / HEX / Tròn
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Bê tông)	: 26 / 13 / 22 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 208 / 322 / 102 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, valy nhựa, đầu cặp One-Click

Giá tham khảo
Mã hàng

5,928,000 VND
06119241J0

GBH 187-LI

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 2,4 J
Tốc độ không tải	: 0-980 v/p
Tốc độ đập	: 0 – 4,350 lần/phút
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Bê tông)	: 30 / 13 / 24 mm
Đầu cặp	: SDS Plus
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 226 / 337 / 102 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 4,0Ah, 1 sạc GAL 18V-40, valy, mạch tích hợp sẵn

Giá tham khảo
Mã hàng

13,388,000 VND
06119230K0

GBH 187-LI One Chuck (SOLO)

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 2,4 J
Tốc độ không tải	: 0-980 v/p
Tốc độ đập	: 0 – 4,350 lần/phút
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Bê tông)	: 30 / 13 / 24 mm
Đầu cặp	: 2 trong 1 (SDS plus và chuỗi tròn)
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 226 / 354 / 102 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, mạch tích hợp sẵn

Giá tham khảo
Mã hàng

8,078,000 VND
0611923181

GBH 18V-34 CF (SOLO)

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 5,8 J
Tốc độ không tải	: 0-500 v/p
Tốc độ đập	: 0-2,900 l/p
Đầu cặp	: SDS Plus
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Khối xây nề / Bê tông)	: 40 / 13 / 40-82 / 32 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 250 / 430 / 93 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 4,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, mô-đun GCY 42, đầu cặp phụ, thước, tay cầm, tuýp mỡ, valy

Giá tham khảo
Mã hàng

21,088,000 VND
0611914082

GBH 18V-36 C (SOLO)

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 7,0 J
Tốc độ không tải	: 0-500 v/p
Tốc độ đập	: 2,900 l/p
Đầu cặp	: SDS Max
Khả năng khoan tối đa (Khối xây nề / Bê tông)	: 40-90 / 35 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 250 / 460 / 93 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 5,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, mô-đun GCY 42, thước, tay cầm, tuýp mỡ, valy

Giá tham khảo
Mã hàng

19,568,000 VND
0611915082

GBH 18V-45 C (SOLO)

Máy khoan búa pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 12,5 J
Tốc độ không tải	: 0-305 v/p
Tốc độ đập	: 2,740 l/p
Đầu cặp	: SDS Max
Khả năng khoan tối đa (Khối xây nề / Bê tông)	: 125 / 45 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 266 / 545 / 131 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 8,0 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, mô-đun GCY 42, thước, tay cầm, tuýp mỡ, valy

Giá tham khảo
Mã hàng

29,588,000 VND
0611913080



MÁY PIN 18V

GWS 18V-8 100mm (SOLO)

Máy mài góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 11,000 vòng/phút
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 115 / 295 / 228 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.4 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, đường kính đĩa 100 mm

Giá tham khảo **3,018,000 VND**
Mã hàng **06019N90K0**

GWS 18V-8 (100mm)

Máy mài góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 11,000 vòng/phút
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 115 / 295 / 228 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.4 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 4.0Ah, 1 sạc GAL 18V-40, valy nhựa, đường kính đĩa 100 mm

Giá tham khảo **8,078,000 VND**
Mã hàng **06019N90K1**

GWS 18V-8 125mm (SOLO)

Máy mài góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 11,000 vòng/phút
Đường kính đĩa mài	: 125 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 115 / 295 / 228 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, đường kính đĩa 125 mm

Giá tham khảo **3,078,000 VND**
Mã hàng **06019N9000**

GWS 18V-11 S 100mm (SOLO)

Máy mài góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 3,000 – 9,000 vòng/phút
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 118 / 325 / 265 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, đường kính đĩa 100 mm

Giá tham khảo **4,288,000 VND**
Mã hàng **06019N40K0**

GWS 18V-11 S (100mm)

Máy mài góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 3,000 – 9,000 vòng/phút
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 118 / 325 / 265 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 5.0Ah, 1 sạc GAL 18V-40, valy nhựa, đường kính đĩa 100mm

Giá tham khảo **10,098,000 VND**
Mã hàng **06019N40K1**

GWS 18V-11 S 125mm (SOLO)

Máy mài góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 3,000 – 9,000 vòng/phút
Đường kính đĩa mài	: 125 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 118 / 325 / 265 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, đường kính đĩa 125 mm

Giá tham khảo **4,348,000 VND**
Mã hàng **06019N4000**

GWS 18V-15 S 100mm (SOLO)

Máy mài góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 11,000 vòng/phút
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 118 / 331 / 265 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, đường kính đĩa 100 mm

Giá tham khảo **6,748,000 VND**
Mã hàng **06019M60K0**

GWS 18V-15 S 125mm (SOLO)

Máy mài góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 11,000 vòng/phút
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 118 / 331 / 265 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.4 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, đường kính đĩa 125 mm

Giá tham khảo **6,818,000 VND**
Mã hàng **06019M6000**

GWS 18V-180 PC (SOLO)

Máy mài góc pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 7,000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 180 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 309 / 334 / 114 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, vành chắn, mạch kết nối

Giá tham khảo **9,468,000 VND**
Mã hàng **06019H601**



MÁY PIN 18V

GAS 18V-1 (SOLO)

Máy hút bụi pin



Điện áp pin	: 18 V
Dung tích chứa	: 0.7 l
Lực hút tối đa	: 60 hPa
Lưu lượng khí tối đa	: 10 l/s
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 182 / 436 / 121 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, bộ phụ kiện

Giá tham khảo
Mã hàng

2,048,000 VND
06019C62L0

GAS 18V-10 L Premium (SOLO)

Máy hút bụi pin



Điện áp pin	: 18 V
Dung tích chứa	: 10 L
Lực hút tối đa	: 90 hPa
Lưu lượng khí tối đa	: 24 l/s
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 430 / 450 / 330 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 4.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, dây móc, bánh xe, đầu chuyển, ống nối, đầu hút

Giá tham khảo
Mã hàng

4,258,000 VND
06019C63K0

GEX 185-LI (SOLO)

Máy chà nhám lệch tâm pin



Điện áp pin	: 18 V
Tần suất vòng xoay	: 12,000 – 20,000 n/p
Tốc độ xoay không tải	: 6,000 – 10,000 v/p
Đường kính vòng xoay	: 2.5 mm
Đường kính mặt nhám	: 125 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 134 / 123 / 153 mm
Trọng lượng	: 0.93 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

3,458,000 VND
06013A5080

GSS 18V-LI (SOLO)

Máy chà nhám rung pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 11,000 v/p
Nhịp rung không tải	: 22,000 n/p
Tiết diện phần chà nhám	: 114 cm ² (11.3 x 10.1 cm)
Kích thước giấy nhám (Rộng / Dài)	: 115 / 140 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 140 / 200 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 1.3 - 1.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, 1 tờ nhám

Giá tham khảo
Mã hàng

1,808,000 VND
06019D02L0

GKS 18V-44 (SOLO)

Máy cưa đĩa pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 6,400 vòng/phút
Độ sâu cắt tối đa (Góc 0° / 45°)	: 44 / 30 mm
Kích thước mặt đế	: 117 x 222 mm
Đường kính lưỡi cưa	: 125 mm
Độ dày thân lưỡi	: 0.5 – 1.8 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 158 / 328 / 160 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.0 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, 1 lưỡi cưa 125mm, chìa lục giác

Giá tham khảo
Mã hàng

3,778,000 VND
06019M30L0

GKS 185-LI (SOLO)

Máy cưa đĩa pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 5,000 v/p
Độ sâu cắt tối đa (Góc 0° / 45°)	: 57 / 41 mm
Kích thước mặt đế	: 134 x 280 mm
Đường kính lưỡi của tối đa	: 165 mm
Độ dày thân lưỡi tối đa	: 1.8 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 256 / 345 / 174 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, 1 lưỡi cưa, 1 cưa dẫn

Giá tham khảo
Mã hàng

5,168,000 VND
06016C12L1

GKM 18V-50 (SOLO)

Máy cưa kim loại pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 4,250 v/p
Độ dày thân lưỡi tối đa	: 1.6 mm
Độ sâu cắt tối đa (Góc 90°)	: 50 mm
Đường kính lưỡi của tối đa	: 136 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 214 / 310 / 180 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, 1 lưỡi cưa, 1 cữ dẫn

Giá tham khảo
Mã hàng

6,748,000 VND
06016B8080

GSA 18V-24 (SOLO)

Máy cưa kiếm pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ cưa không tải	: 0 – 3,100 nhíp/phút
Nhịp cưa	: 24 mm
Độ sâu cưa tối đa (Gỗ / Thép / Ống nước)	: 230 / 20 / 150 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 79 / 338 / 150 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp giấy, 2 lưỡi cưa

Giá tham khảo
Mã hàng

4,218,000 VND
06016A51L0

GSA 185-LI (SOLO)

Máy cưa kiếm pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ cưa không tải	: 0 – 2,900 nhíp/phút
Nhịp cưa	: 28 mm
Độ sâu cưa tối đa (Gỗ / Thép / Ống nước)	: 230 / 20 / 150 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 170 / 450 / 96 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 3.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, lưỡi cưa, valy

Giá tham khảo
Mã hàng

5,908,000 VND
06016C00L1

GST 183-LI (SOLO)

Máy cưa lọng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tần suất nhíp của không tải	: 0 – 3,300 nhíp/phút
Độ dài nhíp của	: 20 mm
Góc của nghiêng tối đa (Trái / Phải)	: 45°
Độ sâu của tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 95 / 15 / 8 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 202 / 207 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

3,208,000 VND
06015B70L0

GST 185-LI (SOLO)

Máy cưa lọng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tần suất nhíp của không tải	: 0 – 3,500 nhíp/phút
Độ dài hành trình cưa	: 26 mm
Tần suất nhíp của không tải	: 0 – 3,500 nhíp/phút
Góc của nghiêng tối đa (Trái / Phải)	: 45°
Độ sâu của tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 125 / 20 / 10 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 208 / 215 / 78 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,288,000 VND
06015B30L4

GLF 18V-8 (SOLO)

Máy phay pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 10,000 – 30,000 v/p
Đầu cạo	: 6 mm, ¼", 8 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 188 / 106 / 90.5 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, củ cạo, khớp dẫn bụi, chìa vặn

Giá tham khảo
Mã hàng

3,748,000 VND
06016C60L0

MÁY PIN 18V

GOP 18V-28 (SOLO)

Máy cắt đa năng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 8,000-20,000 v/p
Góc dao động (Trái / Phải)	: 1.4°
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 88 / 309 / 76 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, bộ phụ kiện

Giá tham khảo **5,968,000 VND**
Mã hàng **06018B6002**

GOP 185-LI (SOLO)

Máy cắt đa năng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 10,000 – 20,000 v/p
Góc dao động (Trái / Phải)	: 3.4°
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 91 / 282 / 89 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, bộ phụ kiện

Giá tham khảo **4,978,000 VND**
Mã hàng **06018G2080**

GHO 185-LI (SOLO)

Máy bào pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 14,000 vòng/phút
Độ sâu bảo	: 0 – 2.6 mm
Độ rộng bảo	: 0 – 82 mm
Độ sâu rãnh bảo	: 0 – 9 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 185 / 289 / 151 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, cũ cạp, khóa vận, hộp chứa bụi gỗ, phụ kiện mài lưỡi

Giá tham khảo **4,858,000 VND**
Mã hàng **06015B5080**

GLI 180-LI (SOLO)

Đèn pin



Điện áp pin	: 14,4-18 V
Quang thông	: 500 lm
Thời gian phát sáng tối đa (14.4V / 18V)	: 250 / 300 phút/Ah
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 163 / 116 / 78 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo **848,000 VND**
Mã hàng **06014A11L0**

GLI 18V-800 (SOLO)

Đèn pin công trình



Điện áp pin	: 18 V
Quang thông (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 800 / 500 / 250 lm
Thời gian phát sáng ở mức tối đa	: 150 phút/Ah
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 63 / 137 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo **1,758,000 VND**
Mã hàng **06014A3600**

GLA 18VH-7500 (SOLO)

Đèn pin công trường



Điện áp pin	: 18 V
Quang thông tối đa	: 7,500 lm
Thời gian phát sáng ở mức tối đa	: 12.5 phút/Ah
Số cấp độ sáng	: 3
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 366 / 225 / 225 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 4.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, hộp giấy

Giá tham khảo **7,928,000 VND**
Mã hàng **06014A5001**

GBL 18V-120 (SOLO)

Máy thổi khí pin

HEAVY DUTY



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 17,000 v/p
Tốc độ luồng khí, tối đa	: 75 mét/giây
Lưu lượng khí tối đa	: 2.0 m ³ / phút
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, bộ phụ kiện

Giá tham khảo **2,028,000 VND**
Mã hàng **06019F51L0**

GHG 18V-50 (SOLO)

Máy thổi hơi nóng pin

HEAVY DUTY



Điện áp pin	: 18 V
Nhiệt độ đầu ra (Mức số 1 / Số 2)	: 300 / 500 °C
Lưu lượng khí tối đa	: 175 lít/phút
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 209 / 183 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0.59 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, 2 mũi khò

Giá tham khảo **3,378,000 VND**
Mã hàng **06012A6580**

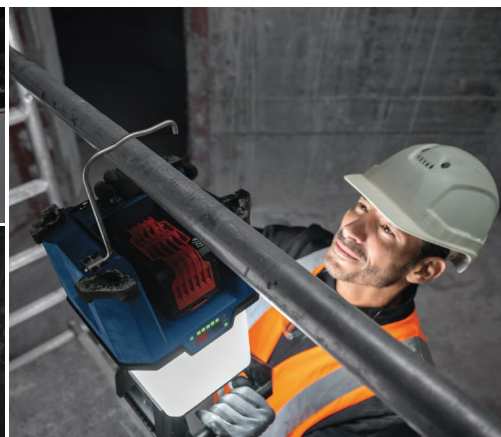
GCY 42 (SOLO)

Thiết bị kết nối Bluetooth



Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 7 / 30 / 30
Công nghệ bluetooth	: Bluetooth 4.2 (tiêu hao năng lượng thấp)
Tần số sử dụng	: 2,402 / 2,480 MHz
Công suất	: < 1 mW
Phạm vi bắt sóng tối đa	: 30 m
Trọng lượng	: 0.01 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo **768,000 VND**
Mã hàng **1600A01L2W**



PIN 12V**GBA 12V 2.0Ah**

Pin GBA 12V 2.0Ah

Giá tham khảo **778,000 VND**
Mã hàng **1600A00F6X****GBA 12V 3.0Ah**

Pin GBA 12V 3.0Ah

Giá tham khảo **1,278,000 VND**
Mã hàng **1600A028TP****GBA 12V 4.0Ah**

Pin GBA 12V 4.0Ah

Giá tham khảo **1,498,000 VND**
Mã hàng **1600A00F71****PIN 18V****GBA 18V 2.0Ah**

Pin GBA 18V 2.0Ah

Giá tham khảo **1,588,000 VND**
Mã hàng **1600A001CG****PIN 18V****GBA 18V 2.0Ah II**

Pin GBA 18V 2.0Ah II

Giá tham khảo **Liên hệ**
Mã hàng **Đang cập nhật****GBA 18V 3.0Ah**

Pin GBA 18V 3.0Ah

Giá tham khảo **2,008,000 VND**
Mã hàng **1600Z00037****GBA 18V 4.0Ah**

Pin GBA 18V 4.0Ah

Giá tham khảo **2,408,000 VND**
Mã hàng **1600A00163****GBA 18V 5.0Ah**

Pin GBA 18V 5.0Ah

Giá tham khảo **2,768,000 VND**
Mã hàng **1600A002U5****PIN 18V PROCORE****PROCORE 18V 4.0Ah**

Pin ProCORE 18V 4.0Ah

Giá tham khảo **2,568,000 VND**
Mã hàng **1600A0193L****PROCORE 18V 8.0Ah**

Pin ProCORE 18V 8.0Ah

Giá tham khảo **4,858,000 VND**
Mã hàng **1600A0193N****PROCORE 18V 12.0Ah**

Pin ProCORE 18V 12.0Ah

Giá tham khảo **6,408,000 VND**
Mã hàng **1600A0193R****BỘ PIN + SẠC****2 x GBA 12V 2.0Ah + GAL 12V-40**

Bộ Set Pin 12V 2.0Ah & Sạc nhanh GAL 12V-40

Bao gồm 1 sạc GAL 12V-40, 2 pin GBA 12V 2.0Ah
Giá tham khảo **2,288,000 VND**
Mã hàng **1600A01B8W****BỘ PIN + SẠC****2 x GBA 18V 2.0Ah II + GAL 18V-20 II**

Bộ 2 Pin 18V 2.0Ah & Sạc 18V

Bao gồm 1 sạc GAL 18V-20 (II), 2 pin GBA 18V 2.0Ah (II)
Giá tham khảo **Liên hệ**
Mã hàng **1600A03C0K****GBA 18V 2.0Ah II + GAL 18V-20 II**

Bộ 1 Pin 18V 2.0Ah & Sạc 18V

Bao gồm 1 sạc GAL 18V-20 (II), 1 pin GBA 18V 2.0Ah (II)
Giá tham khảo **Liên hệ**
Mã hàng **1600A03C0H****GBA 18V 4.0Ah + GAL 18V-40**

Bộ 1 Pin 18V 4.0Ah & Sạc nhanh 18V

Bao gồm 1 sạc GAL 18V-40, 1 pin GBA 18V 4.0Ah
Giá tham khảo **2,998,000 VND**
Mã hàng **1600A039YL****GBA 18V 5.0Ah + GAL 18V-40**

Bộ 1 Pin 18V 5.0Ah & Sạc nhanh 18V

Bao gồm 1 sạc GAL 18V-40, 1 pin GBA 18V 5.0Ah
Giá tham khảo **3,338,000 VND**
Mã hàng **1600A039YM****BỘ SẠC****GAL 12V-20**

Sạc pin 10.8V, 12V

Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo **658,000 VND**
Mã hàng **1600A021KF****GAL 12V-40**

Sạc nhanh 10.8V, 12V

Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo **758,000 VND**
Mã hàng **1600A01B8X****GAL 18V-20**

Sạc pin 14.4V, 18V

Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo **768,000 VND**
Mã hàng **1600A021KT****GAL 18V-20 II**

Sạc pin 18V

Giá tham khảo **638,000 VND**
Mã hàng **1600A03C07****GAL 12V/18V-80**

Sạc pin 12V/18V

Giá tham khảo **1,388,000 VND**
Mã hàng **1600A037CH****GAL 18V-40**

Sạc nhanh 14.4V, 18V

Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo **908,000 VND**
Mã hàng **1600A019RJ****GAL 1880 CV**

Sạc nhanh 14.4V, 18V

Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo **1,388,000 VND**
Mã hàng **1600A00B8G****GAL 18V-160**

Sạc nhanh 14.4V, 18V

Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo **2,018,000 VND**
Mã hàng **1600A02T5G****GAL 3680 CV**

Sạc nhanh 14.4V, 36V

Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo **1,788,000 VND**
Mã hàng **1600A004Z5****BITURBO**
BRUSHLESS

HƯỚNG DẪN CHỌN PIN 18V ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC HIỆU QUẢ CAO NHẤT!

Hệ thống pin tương thích từ năm 2008

GỌN NHẸ

HIỆU SUẤT

BỀN BỈ

2.0Ah



4.0Ah

Pro CORE 18V



4.0Ah



5.0Ah



5.5Ah

Pro CORE 18V



8.0Ah

Pro CORE 18V



12.0Ah

Pro CORE 18V



MÁY KHOAN VẠN VÍT & KHOAN ĐỘNG LỰC (GSR/GSB)



MÁY VẠN VÍT, SIẾT ỐC ĐỘNG LỰC (GDS/GDX/GDR)



MÁY KHOAN BÚA (GBH LỰC ĐẬP <2.0J)



MÁY KHOAN BÚA (GBH LỰC ĐẬP 2.0-4.0J)



MÁY CỬA KIỂM (GSA NHỊP CẮT <25MM)



MÁY CỬA KIỂM (GSA NHỊP CẮT >25MM)



MÁY CỬA CẮT (GKS/GKM/GKT)



MÁY HÚT BỤI (GAS DUNG TÍCH >1L)



MÁY MÀI THẲNG (GGS)



MÁY CHÀ NHÁM RUNG (GSS)



MÁY BÀO (GHO)



MÁY CẮT ĐA NĂNG (GOP) & MÁY CẮT TÔN (GSC)



MÁY MÀI GÓC (GWS)



MÁY HÚT BỤI (GAS DUNG TÍCH <1L)
& MÁY THỔI KHÍ (GBL)



MÁY CỬA ĐỂ BÀN



ĐÈN PIN (GLI) & MÁY NGHE NHẠC (GML)



MÁY KHOAN BÚA
(LỰC ĐẬP >4.0J)



MÁY CỬA LỌNG (GST) & MÁY CỬA VÒNG (GCB)



MÁY CỬA ĐA NĂNG



DỤNG CỤ LÀM VƯỜN CHUYÊN NGHIỆP (GFR)

MÁY KHOAN

GBM 6 RE

Máy khoan



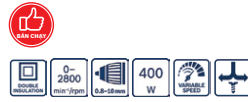
Công suất	: 350 W
Tốc độ không tải	: 0 - 4,000 v/p
Lực xoắn định mức	: 12.3 Nm
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 0.5 / 6.5 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Nhôm)	: 15 / 6.5 / 8 mm
Kích thước (Cao / Dài)	: 210 / 260 mm
Trọng lượng	: 1.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy, chìa vận

Giá tham khảo
Mã hàng

1,338,000 VND
06014725K0

GBM 400

Máy khoan



Công suất	: 400 W
Tốc độ không tải	: 0 - 2,800 v/p
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 20 / 13 / 10 mm
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1 / 10 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 195 / 240 / 65 mm
Trọng lượng	: 1.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,018,000 VND
06011C10K0

GBM 10 RE

Máy khoan



Công suất	: 450 W
Tốc độ không tải	: 0 - 2,600 v/p
Lực xoắn định mức	: 14 Nm
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1 / 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 25 / 10 / 10 mm
Kích thước (Cao / Dài)	: 290 / 255 mm
Trọng lượng	: 1.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy, chìa vận

Giá tham khảo
Mã hàng

1,358,000 VND
06014735K0

GBM 13 RE

Máy khoan



Công suất	: 600 W
Tốc độ không tải	: 0 - 2,600 v/p
Lực xoắn định mức	: 20 Nm
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 30 / 13 / 13 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 220 / 245 mm
Trọng lượng	: 1.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy, chìa vận

Giá tham khảo
Mã hàng

1,648,000 VND
06014775K0

GBM 50-2

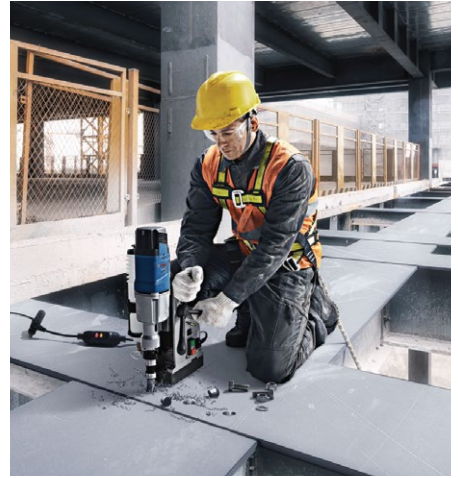
Máy khoan



Công suất	: 1,200 W
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2)	: 50 - 250 / 100 - 510 v/p
Đường kính khoét lõi tối đa	: Ø50
Đường kính khoan xoắn tối đa	: Ø23
Đường kính taro ren tối đa	: M16
Lực hút đế từ	: 14,000 N
Kích thước máy (Rộng / Dài / Cao)	: 196 / 274 / 444 mm
Trọng lượng	: 14.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, bình chứa dầu, tay quay, dây đai, chìa lực giác

Giá tham khảo
Mã hàng

30,118,000 VND
06011B40K0



MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC

GSB 600

Máy khoan động lực



Công suất	: 600 W
Tốc độ không tải	: 0-3,000 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-48,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Tường)	: 25 / 10 / 13 mm
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 201 / 290 / 67 mm
Trọng lượng	: 1.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy, tay cầm, thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

1,258,000 VND
06011A03K0

GSB 600 (Hộp công cụ)

Máy khoan động lực



Công suất	: 600 W
Tốc độ không tải	: 0-3,000 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-48,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Tường)	: 25 / 10 / 13 mm
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 201 / 290 / 67 mm
Trọng lượng	: 1.9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp công cụ, bộ phụ kiện: mũi khoan & mũi vít, tay cầm, thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

1,948,000 VND
06011A03K2

GSB 600 (Set 100 phụ kiện)

Máy khoan động lực



Công suất	: 600 W
Tốc độ không tải	: 0-3,000 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-48,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Kim loại / Tường)	: 25 / 10 / 13 mm
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 201 / 290 / 67 mm
Trọng lượng	: 2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, bộ phụ kiện 100 món, tay cầm, thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

2,068,000 VND
06011A03K1

GSB 10 RE

Máy khoan động lực



Công suất	: 500 W
Tốc độ không tải	: 0-2,600 v/p
Tần suất nhíp đập	: 41,600 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Gỗ / Thép)	: 10 / 20 / 8 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 180 / 262 mm
Trọng lượng máy	: 1.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,578,000 VND
06012161K1

GSB 10 RE (Hộp nhựa + Phụ kiện)

Máy khoan động lực



Công suất	: 500 W
Tốc độ không tải	: 0-2,600 v/p
Tần suất nhíp đập	: 41,600 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Gỗ / Thép)	: 10 / 20 / 8 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 180 / 262 mm
Trọng lượng máy	: 1.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, bộ mũi khoan, bộ mũi vít

Giá tham khảo
Mã hàng

1,668,000 VND
06012161K0

GSB 13 RE

Máy khoan động lực



Công suất	: 650 W
Tốc độ không tải	: 0-3,150 v/p
Tần suất nhíp đập	: 47,000 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Gỗ / Thép)	: 13 / 20 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 190 / 262 mm
Trọng lượng máy	: 2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy, tay cầm, thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

1,718,000 VND
06012271K0

MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC

GSB 13 RE (Set valy 100 phụ kiện)

Máy khoan động lực



Công suất	: 650 W
Tốc độ không tải	: 0-3,150 v/p
Tần suất nhíp đập	: 47,000 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Gỗ / Thép)	: 13 / 20 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 190 / 262 mm
Trọng lượng máy	: 2 kg
Hộp nhựa,	
Phụ kiện kèm theo	: bộ phụ kiện 100 món, tay cầm, thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

2,298,000 VND
06012271K3

GSB 16 RE (Valy nhựa)

Máy khoan động lực



Công suất	: 750 W
Tốc độ không tải	: 0-3,250 v/p
Tần suất nhíp đập	: 48,500 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Gỗ / Thép)	: 16 / 25 / 12 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 190 / 270 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 1.8 kg
Hộp nhựa, tay cầm,	
Phụ kiện kèm theo	: thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

1,968,000 VND
06012281K1

GSB 20-2 RE

Máy khoan động lực



Công suất	: 800 W
Mô-men xoắn định mức (Cấp số 1 / Cấp số 2)	: 5.2 / 2.0 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Cấp số 2)	: 0-1,100 / 0-3,000 v/p
Tần suất nhíp đập	: 48,000 l/p
Khả năng của đầu cấp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Xây nề / Bê tông / Gỗ / Thép) [Cấp số 1 / Cấp số 2]	: 22 [16] / 20 [13] / 40 [25] / 13 [8] mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 217 / 347 mm
Trọng lượng máy	: 2.5 kg
Hộp giấy, tay cầm,	
Phụ kiện kèm theo	: thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

3,348,000 VND
06011A21K1

MÁY KHOAN BÚA SDS+

GBH 220

Máy khoan búa



Công suất	: 720 W
Lực đập tối đa	: 2 J
Tốc độ không tải	: 0-2,000 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,800 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông, sắt, gỗ)	: 22 / 13 / 30 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 205 / 334 / 88 mm
Trọng lượng	: 2.3 kg
Valy nhựa, thước đo, tay	
Phụ kiện	: cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,628,000 VND
06112A60K0

GBH 220 (Kèm phụ kiện)

Máy khoan búa



Công suất	: 720 W
Lực đập tối đa	: 2 J
Tốc độ không tải	: 0-2,000 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,800 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông, sắt, gỗ)	: 22 / 13 / 30 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 205 / 334 / 88 mm
Trọng lượng	: 2.3 kg
Valy nhựa, thước đo, tay cầm,	
Phụ kiện	: 3 mũi plus-1-6-8-10, đầu nối hút bụi, bộ mũi khoan đa năng chuỗi kẹp, đầu cấp 13mm và trục gài SDS-plus

Giá tham khảo
Mã hàng

4,028,000 VND
06112A60K1

GBH 2-24 DRE

Máy khoan búa



Công suất	: 790 W
Lực đập tối đa	: 2.7 J
Tốc độ định mức	: 0-930 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,200 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 24 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 367 mm
Trọng lượng	: 2.8 kg
Valy nhựa, thước đo, tay cầm	
Phụ kiện kèm theo	: thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

3,968,000 VND
06112721K0

GBH 2-24 DRE (kèm phụ kiện)

Máy khoan búa



Công suất	: 790 W
Lực đập tối đa	: 2.7 J
Tốc độ định mức	: 0-930 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,200 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 24 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 367 mm
Trọng lượng	: 2.8 kg
Valy nhựa, thước đo, tay cầm,	
Phụ kiện kèm theo	: 5 mũi s3 6x50/6-8-10-12x100, 1 mũi đục nhọn

Giá tham khảo
Mã hàng

4,128,000 VND
06112721K2

GBH 2-24 RE

Máy khoan búa



Công suất	: 790 W
Lực đập tối đa	: 2.7 J
Tốc độ định mức	: 0-930 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,200 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 24 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 367 mm
Trọng lượng	: 2.8 kg
Valy nhựa, thước đo, tay cầm	
Phụ kiện kèm theo	: thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

3,668,000 VND
06112720K0

GBH 2-24 DFR

Máy khoan búa



Công suất	: 790 W
Lực đập tối đa	: 2.7 J
Tốc độ định mức	: 0-930 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,200 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 24 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 397 mm
Trọng lượng	: 2.9 kg
Valy nhựa, thước đo, tay cầm,	
Phụ kiện kèm theo	: đầu kẹp

Giá tham khảo
Mã hàng

4,268,000 VND
06112730K0

GBH 2-26 E

Máy khoan búa



Công suất	: 800 W
Lực đập tối đa	: 3 J
Tốc độ định mức	: 0-900 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 26 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 377 mm
Trọng lượng	: 2.7 kg
Valy nhựa, thước đo, tay cầm	
Phụ kiện kèm theo	: thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

4,168,000 VND
0611251604

GBH 2-26 RE

Máy khoan búa



Công suất	: 800 W
Lực đập tối đa	: 3 J
Tốc độ định mức	: 0-900 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 26 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 377 mm
Trọng lượng	: 2.7 kg
Valy nhựa, thước đo, tay cầm	
Phụ kiện kèm theo	: thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

4,298,000 VND
0611251704

GBH 2-26 DE

Máy khoan búa



Công suất	: 800 W
Lực đập tối đa	: 3 J
Tốc độ định mức	: 0-900 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 26 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 377 mm
Trọng lượng	: 2.7 kg
Valy nhựa, thước đo, tay cầm	
Phụ kiện kèm theo	: thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

4,318,000 VND
0611253604

MÁY KHOAN BÚA SDS+

GBH 2-26 DRE

Máy khoan búa



Công suất	: 800 W
Lực đập tối đa	: 3 J
Tốc độ định mức	: 0-900 v/p
Tần suất nhện đập	: 0-4,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 26 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 377 mm
Trọng lượng	: 2.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo **4,598,000 VND**
Mã hàng **0611253704**

GBH 2-28 DV

Máy khoan búa



Công suất	: 820 W
Lực đập tối đa	: 3.2 J
Tốc độ định mức	: 0-1,300 v/p
Tần suất nhện đập	: 0-5,100 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 28 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 216 / 379 mm
Trọng lượng	: 2.9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo **5,358,000 VND**
Mã hàng **0611267102**

GBH 2-28 DFV

Máy khoan búa



Công suất	: 820 W
Lực đập tối đa	: 3.2 J
Tốc độ định mức	: 0-1,300 v/p
Tần suất nhện đập	: 0-5,100 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 28 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 216 / 402 mm
Trọng lượng	: 3.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Valy nhựa, thước đo, tay cầm, đầu chuck kẹp

Giá tham khảo **5,578,000 VND**
Mã hàng **06112672K1**

GBH 3-28 DRE

Máy khoan búa



Công suất	: 800 W
Lực đập tối đa	: 3.5 J
Tốc độ định mức	: 0-900 v/p
Tần suất nhện đập	: 0-4,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 28 / 13 / 30 / 82 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 233 / 326 mm
Trọng lượng	: 3.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo **7,058,000 VND**
Mã hàng **061123A0K0**

GBH 4-32 DFR

Máy khoan búa



Công suất	: 900 W
Lực đập tối đa	: 5 J
Tốc độ định mức	: 0-760 v/p
Tần suất nhện đập	: 0-3,600 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 32 / 13 / 32 / 90 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 226 / 400 mm
Trọng lượng	: 4.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo **11,478,000 VND**
Mã hàng **06113321K0**

GBH 5-40 D

Máy khoan búa



Công suất	: 1,100 W
Lực đập tối đa	: 8.5 J
Tốc độ định mức	: 170-340 v/p
Tần suất nhện đập	: 1,500-2,900 l/p
Khả năng khoan tối đa:	
- Bê tông (với mũi khoan xoắn)	: 40 mm
- Bê tông (với mũi khoan xuyên phá)	: 55 mm
- Tường gạch (với mũi khoan lõi)	: 90 mm
Khả năng khoan rút lõi	: 90 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 272 / 490 mm
Trọng lượng	: 6.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **12,288,000 VND**
Mã hàng **06112690K0**

MÁY KHOAN BÚA SDS MAX

GBH 6-42 C

Máy khoan búa



Công suất	: 1,300 W
Lực đập tối đa	: 9.0 J
Tốc độ định mức	: 0 - 360 vòng/phút
Tần suất nhện đập	: 0 - 3,100 lần/phút
Khả năng khoan tối đa:	
- Bê tông (Với mũi khoan xoắn)	: 42 mm
- Bê tông (Với mũi khoan xuyên phá)	: 55 mm
- Tường gạch (Với mũi khoan lõi)	: 100 mm
Trọng lượng	: 2.8 kg
Phụ kiện đi kèm	: Valy nhựa, tay cầm, tuýp mỡ, khăn lau

Giá tham khảo **16,938,000 VND**
Mã hàng **06112780K0**

GBH 8-45 D

Máy khoan búa



Công suất	: 1,500 W
Lực đập tối đa	: 12.5 J
Tốc độ định mức	: 0-305 v/p
Tần suất nhện đập	: 1,380-2,720 l/p
Khả năng khoan tối đa:	
- Bê tông (với mũi khoan xoắn)	: 45 mm
- Bê tông (với mũi khoan xuyên phá)	: 80 mm
- Tường gạch (với mũi khoan lõi)	: 125 mm
Khả năng khoan rút lõi	: 125 mm
Kích thước (Cao / Dài)	: 275 / 530 mm
Trọng lượng	: 8.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **20,788,000 VND**
Mã hàng **06112651K0**

GBH 8-45 DV

Máy khoan búa



Công suất	: 1,500 W
Lực đập tối đa	: 12.5 J
Tốc độ định mức	: 0-305 v/p
Tần suất nhện đập	: 1,380-2,720 l/p
Khả năng khoan tối đa:	
- Bê tông (với mũi khoan xoắn)	: 45 mm
- Bê tông (với mũi khoan xuyên phá)	: 80 mm
- Tường gạch (với mũi khoan lõi)	: 125 mm
Kích thước (Cao / Dài)	: 279 / 540 mm
Trọng lượng	: 8.9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **22,488,000 VND**
Mã hàng **06112650K0**

MÁY ĐỤC PHÁ

GSH 3E

Máy đục phá



Công suất	: 650 W
Lực đập tối đa	: 2.6 J
Tần suất nhện đập	: 0-3,500 l/p
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 208 / 376 mm
Trọng lượng	: 3.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **8,648,000 VND**
Mã hàng **0611320703**

GSH 5 HX

Máy đục phá



Công suất	: 1,100 W
Lực đập	: 7.8 J
Tần suất nhện đập	: 2,900 lần/phút
Đầu cặp Lực giác	: 17 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 260 / 465 / 110 mm
Trọng lượng	: 5.7 kg
Phụ kiện đi kèm	: Hộp nhựa, 1 mũi đục nhọn

Giá tham khảo **6,178,000 VND**
Mã hàng **06113388K1**



MÁY ĐỤC PHÁ

GSH 500 MAX

Máy đục phá



Công suất	: 1,100 W
Lực đập tối đa	: 7.8 J
Tần suất nhịp đập	: 2,900 l/p
Đầu cấp	: SDS max
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 235 / 458 mm
Trọng lượng	: 5.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, 1 mũi đục nhọn

Giá tham khảo **6,868,000 VND**
Mã hàng **06113387K1**

GSH 5 (Kèm phụ kiện)

Máy đục phá



Công suất	: 1,100 W
Lực đập tối đa	: 7.5 J
Tần suất nhịp đập	: 2,850 l/p
Đầu cấp	: SDS MAX
Kích thước (Cao / Dài)	: 240 / 465 mm
Trọng lượng	: 5.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Valy nhựa, tuýp mỡ, 2 mũi đục nhọn, 1 kính bảo hộ

Giá tham khảo **7,678,000 VND**
Mã hàng **06113370K2**

GSH 11 E

Máy đục phá



Công suất	: 1,500 W
Lực đập tối đa	: 16.8 J
Tần suất nhịp đập	: 900-1,890 l/p
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 270 / 570 mm
Trọng lượng	: 10.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **16,028,000 VND**
Mã hàng **06113168K0**

GSH 16-30

Máy đục phá



Công suất	: 1,750 W
Lực đập tối đa	: 41 J
Tần suất nhịp đập	: 1,300 l/p
Đầu cấp	: Lục giác 30 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 255 / 760 mm
Trọng lượng	: 16.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, khăn lau, 1 mũi đục nhọn, tuýp mỡ

Giá tham khảo **25,508,000 VND**
Mã hàng **06113351K0**

GSH 11 VC

Máy đục phá



Công suất	: 1,700 W
Lực đập tối đa	: 23 J
Tần suất nhịp đập	: 900-1,700 l/p
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 236 / 680 mm
Trọng lượng	: 11.4 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **26,928,000 VND**
Mã hàng **06113360K0**

GSH 14 C

Máy đục phá



Công suất	: 1750 W
Lực đập tối đa	: 28 J
Tần suất nhịp đập	: 1,900 l/p
Đầu cấp	: Lục giác 22 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 270 / 280 / 140 mm
Trọng lượng	: 14.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, 1 mũi đục nhọn, 1 khăn, 1 tuýp mỡ

Giá tham khảo **28,948,000 VND**
Mã hàng **06113440K0**

MÁY MÀI THẲNG

GG3 30 LS

Máy mài thẳng



Công suất	: 750 W
Tốc độ không tải	: 7,000 – 33,000 v/p
Đường kính ống kẹp tối đa	: 8 mm
Đường kính đá mài tối đa	: 50 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 77 / 397 / 78 mm
Trọng lượng	: 1.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo **3,588,000 VND**
Mã hàng **06012B50K0**

GG3 30 LPS

Máy mài thẳng



Công suất	: 750 W
Tốc độ không tải	: 7,000 – 33,000 v/p
Đường kính ống kẹp tối đa	: 8 mm
Đường kính đá mài tối đa	: 50 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 92 / 398 / 77 mm
Trọng lượng	: 1.8 kg
Phụ kiện đi kèm	: Tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo **3,748,000 VND**
Mã hàng **06012B52K0**

MÁY MÀI GÓC

GWS 700

Máy mài góc



Công suất	: 710 W
Tốc độ không tải tối đa	: 12,000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục mài	: M10
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 100 / 278 / 220 mm
Trọng lượng	: 1.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, tay cầm, hộp giấy

Giá tham khảo **1,138,000 VND**
Mã hàng **06013A31K0**

MÁY MÀI GÓC

GWS 6-100 S

Máy mài góc công tắc đuôi



Công suất	: 710 W
Tốc độ không tải	: 11,000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước (Cao / Dài)	: 80 / 270 mm
Trọng lượng	: 1.7 kg
Phụ kiện đi kèm	: Vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo **1,398,000 VND**
Mã hàng **060137508M**

GWS 7-100 T

Máy mài góc



Công suất	: 720 W
Tốc độ không tải	: 9,300 v/p
Đường kính đĩa	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 103 / 305 mm
Trọng lượng	: 1.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo **1,438,000 VND**
Mã hàng **06013886K0**

GWS 7-100 ET

Máy mài góc



Công suất	: 720 W
Tốc độ không tải	: 2,800-9,300 v/p
Đường kính đĩa	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 103 / 305 mm
Trọng lượng	: 1.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo **1,728,000 VND**
Mã hàng **06013885K0**

MÁY MÀI GÓC

GWS 18-150 L

Máy mài góc



Công suất	: 1,800 W
Tốc độ không tải	: 10,000 v/p
Đường kính đĩa	: 150 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 102 / 382 mm
Trọng lượng	: 2.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,558,000 VND
06017A5000

GWS 20-125 SB

Máy mài góc



Công suất	: 2,000 W
Tốc độ không tải	: 2,800 – 10,500 v/p
Đường kính đĩa	: 125 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 107 / 336 / 265 mm
Trọng lượng	: 2.4 kg
Phụ kiện đi kèm	: Vành chắn, tán kẹp, chia vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

5,868,000 VND
06017D50K0

GWS 2200-180

Máy mài góc



Công suất	: 2,200 W
Tốc độ không tải	: 8,500 v/p
Đường kính đĩa	: 180 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 140 / 500 / 190 mm
Trọng lượng	: 5.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: Vành chắn, tán kẹp, chia vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,478,000 VND
06018C00K0

GWS 2200-230

Máy mài góc



Công suất	: 2,200 W
Tốc độ không tải	: 6,500 v/p
Đường kính đĩa	: 230 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 140 / 500 / 240 mm
Trọng lượng	: 5.4 kg
Phụ kiện kèm theo	: Vành chắn, tán kẹp, chia vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,578,000 VND
06018C10K0

GWS 24-180

Máy mài góc



Công suất	: 2,400 W
Tốc độ không tải	: 8,500 v/p
Đường kính đĩa	: 180 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 138 / 473 / 193 mm
Trọng lượng	: 5.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Vành chắn, tán kẹp, chia vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,958,000 VND
06018C20K0

GWS 24-230

Máy mài góc



Công suất	: 2,400 W
Tốc độ không tải	: 6,500 v/p
Đường kính đĩa	: 230 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 138 / 473 / 243 mm
Trọng lượng	: 5.9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Vành chắn, tán kẹp, chia vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,028,000 VND
06018C30K0

MÁY ĐÁNH BÓNG

GPO 12 CE

Máy đánh bóng



Công suất	: 1,250 W
Tốc độ không tải	: 750-3,000 v/p
Ren trục bánh mài	: M14
Đường kính tấm mài bằng cao su	: 180 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 225 / 490 mm
Trọng lượng	: 2.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Tay cầm, chia vận, miếng lông cừu, đế nhựa đánh bóng

Giá tham khảo
Mã hàng

4,198,000 VND
06013890K0

GPO 950

Máy đánh bóng



Công suất	: 950 W
Tốc độ không tải	: 600-2,100 v/p
Ren trục bánh mài	: M14
Đường kính tấm mài bằng cao su	: 180 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 224 / 325 mm
Trọng lượng	: 2.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: Tay cầm, chia vận, miếng xốp, đế nhựa đánh bóng

Giá tham khảo
Mã hàng

2,878,000 VND
06013A20K0

GPO 11-180 S

Máy đánh bóng



Công suất	: 1,100 W
Tốc độ không tải	: 900 – 3,800 v/p
Ren trục bánh mài	: M14
Đường kính tấm mài bằng cao su	: 180 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 128 / 440 / 259 mm
Trọng lượng	: 2.1 kg
Phụ kiện đi kèm	: Đế nhựa, tay cầm, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,508,000 VND
06013A23K0

MÁY PHUN HƠI NÓNG

GHG 18-60

Máy thổi hơi nóng



Công suất	: 1,800 W
Nhiệt độ đầu ra	: 50 / 300 / 600°C
Lưu lượng khí	: 200 / 350 / 500 L/p
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 243 / 238 mm
Trọng lượng	: 0.52 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,768,000 VND
06012A61K0

GHG 20-63

Máy thổi hơi nóng



Công suất	: 2,000 W
Nhiệt độ đầu ra	: 50-630°C
Lưu lượng khí	: 150-500 l/p
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 201 / 245 mm
Trọng lượng	: 0.65 kg
Phụ kiện kèm theo	: Bộ mũ khô, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,588,000 VND
06012A62K0



MÁY CẮT GẠCH / MÁY CẮT

GSG 300

Máy cắt xốp



Công suất	: 350 W
Tốc độ nhíp cắt không tải	: 3,500 v/p
Độ sâu cắt tối đa	: 300 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 76 / 245 mm
Trọng lượng	: 1.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Đế đỡ, dao vệ sinh, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

15,948,000 VND
0601575103

GDC 140 (All new)

Máy cắt gạch



Công suất	: 1,400 W
Tốc độ cắt không tải	: 13,200 v/p
Đường kính đĩa tối đa	: 110 / 115 mm
Độ dày đĩa (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.6 / 2.2 mm
Độ sâu cắt tối đa	: 32.5 / 35 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 165 / 248 / 211 mm
Trọng lượng	: 2.9 kg
Phụ kiện đi kèm	: Phụ kiện, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,688,000 VND
06013A40K0

GOP 30-28

Máy cắt đa năng



Công suất	: 300 W
Tốc độ không tải	: 8,000 - 20,000 v/p
Góc dao động (Trái / Phải)	: 1.4°
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 75 / 280 mm
Trọng lượng	: 1.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Bộ phụ kiện 4 món, lục giác, hộp nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

4,408,000 VND
06012370K0

MÁY CƯA LỌNG / CƯA ĐĨA / CƯA KIỂM

GST 680

Máy cưa lọng



Công suất	: 500 W
Tần suất nhíp cắt không tải	: 800 - 3,100 n/p
Nhíp cắt	: 20 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 68 / 10 / 3 mm
Góc cắt tối đa (Trái / Phải)	: 45°
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 205 / 257 / 70 mm
Trọng lượng	: 2.0 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 lục giác, 1 lưỡi cưa, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,728,000 VND
06015B40K0

GST 750

Máy cưa lọng



Công suất	: 520 W
Tần suất nhíp cắt không tải	: 800 - 3,200 n/p
Nhíp cắt	: 20 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 75 / 15 / 6 mm
Góc cắt tối đa (Trái / Phải)	: 45°
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 213.5 / 264 / 75 mm
Trọng lượng	: 2.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 miếng nhựa hỗ trợ cưa, 1 lưỡi cưa, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,238,000 VND
06015B41K0

GST 800E

Máy cưa lọng



Công suất	: 710 W
Tần suất nhíp cắt không tải	: 800-3,100 n/p
Nhíp cắt	: 20 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 80 / 20 / 10 mm
Góc cắt tối đa (Trái / Phải)	: 45°
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 233 / 298 mm
Trọng lượng	: 2.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Lục giác, lưỡi cưa, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,618,000 VND
06015H0K0

GST 90 BE

Máy cưa lọng



Công suất	: 650 W
Tần suất nhíp cắt không tải	: 500-3,100 n/p
Nhíp cắt	: 26 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 90 / 20 / 10 mm
Góc cắt tối đa (Trái / Phải)	: 45°
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 212 / 332 mm
Trọng lượng	: 2.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 lục giác, 2 vành che lưỡi, 1 ống thoát bụi, lưỡi cưa, hộp nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

3,338,000 VND
06015F0K0

GKS 130

Máy cưa đĩa



Công suất	: 1,300 W
Tốc độ cắt không tải	: 5,800 v/p
Độ sâu cắt tối đa (Góc 45° / 90°)	: 45 / 64 mm
Kích thước mặt đế	: 290 x 150 mm
Độ dày thân lưỡi tối đa	: 2.0 mm
Đường kính lưỡi cưa tối đa	: 184 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 241 / 352 / 232 mm
Trọng lượng máy	: 4.0 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 lục giác, 1 lưỡi cưa, 1 củ dẫn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,428,000 VND
06016C30K0

GKS 190

Máy cưa đĩa



Công suất	: 1,400 W
Tốc độ không tải	: 5,500 v/p
Độ sâu cắt tối đa (Góc 45° / 90°)	: 49 / 67 mm
Kích thước mặt đế	: 301 x 140 mm
Độ dày thân lưỡi tối đa	: 2.0 mm
Đường kính lưỡi cưa tối đa	: 190 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 270 / 320 mm
Trọng lượng	: 4.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Lục giác, lưỡi cưa, cửa song, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,808,000 VND
06016230K0

GKS 235 TURBO

Máy cưa đĩa



Công suất	: 2,050 W
Tốc độ cắt không tải	: 5,300 v/p
Độ sâu cắt tối đa (Góc 45° / 90°)	: 65 / 85 mm
Kích thước mặt đế	: 383 x 170 mm
Đường kính lưỡi cưa tối đa	: 235 mm
Độ dày thân lưỡi tối đa	: 2.2 mm
Đường kính trục	: 25 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 277 / 403 mm
Trọng lượng máy	: 7.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 lục giác, 1 lưỡi cưa, 1 củ dẫn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,218,000 VND
06015A20K0

GSA 120

Máy cưa kiểm



Công suất	: 1,200 W
Tốc độ cắt không tải	: 0-3,000 n/p
Nhíp cắt	: 29 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Kim loại / Ống nước)	: 220 / 20 / 220 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 165 / 475 mm
Trọng lượng	: 3.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Phụ kiện, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

3,618,000 VND
06016B10K0

GSA 12-30

Máy cưa kiểm



Công suất	: 1,250 W
Tốc độ cắt không tải	: 0 - 3,000 v/p
Nhíp cắt	: 30 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Kim loại / Ống nước)	: 230 / 20 / 150 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 165 / 495 / 103 mm
Trọng lượng	: 3.7 kg
Phụ kiện đi kèm	: Valy nhựa, 2 lưỡi cưa

Giá tham khảo
Mã hàng

3,648,000 VND
06016C70K0

MÁY ĐẾ BÀN

GCO 230

Máy cắt sắt



Công suất	: 2,300 W
Tốc độ cắt không tải	: 4,100 vòng/phút
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 355 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 376 / 513 / 275 mm
Độ dày đĩa cắt tối đa	: 3.3 mm
Trọng lượng	: 13.5 kg
Phụ kiện đi kèm	: Hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

3,908,000 VND
0601B560K0

GCO 14-24

Máy cắt sắt



Công suất	: 2,400 W
Tốc độ cắt không tải	: 3,800 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 355 mm
Độ dày đĩa cắt	: 3 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 400 / 520 / 256
Trọng lượng	: 17 kg
Phụ kiện kèm theo	: Tán kẹp, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,158,000 VND
0601B371K0

GCD 12 JL

Máy cắt kim loại



Công suất	: 2,000 W
Tốc độ cắt không tải	: 1,500 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 305 mm
Độ dày đĩa cắt	: 1.8 - 2.5 mm
Kích thước vật liệu tối đa khi cắt 0° (tròn / vuông / chữ nhật / L)	: 115 / 100x100 / 158x80 / 110x110 mm
Kích thước vật liệu tối đa khi cắt 45° (tròn / vuông / chữ nhật / L)	: 90 / 85x85 / 85x85 / 85x85 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 383 / 327 / 517 mm
Trọng lượng	: 20 kg
Phụ kiện kèm theo	: Đĩa cắt, tán kẹp, chìa vận, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

12,418,000 VND
0601B28000

GCM 254

Máy cửa vát



Công suất	: 1,750 W
Tốc độ không tải	: 5,000 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 254 mm
Độ dày đĩa cắt	: 1.4 - 2.5 mm
Góc nghiêng điều chỉnh (Trái / Phải)	: 47° / 52°
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 567 / 559 / 477 mm
Trọng lượng	: 11.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy, 1 lưỡi của gỗ, 1 cào kẹp, 1 hộp nhựa hỗ trợ nổi bàn cắt

Giá tham khảo
Mã hàng

7,168,000 VND
0601B520K0

GCM 254 D

Máy cửa vát trượt



Công suất	: 1,800 W
Tốc độ không tải	: 4,800 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 254 mm
Độ dày đĩa cắt	: 1.4 - 2.5 mm
Góc nghiêng điều chỉnh (Trái / Phải)	: 47° / 52°
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 580 / 772 / 531 mm
Trọng lượng	: 17.9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy, 1 lưỡi của gỗ, 1 cào kẹp, 2 hộp nhựa hỗ trợ nổi bàn cắt

Giá tham khảo
Mã hàng

10,988,000 VND
0601B530K0

GCM 12 SDE

Máy cửa đa năng



Công suất	: 1,800 W
Tốc độ không tải	: 3,100-4,000 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 305 mm
Độ dày đĩa cắt	: 1.7 - 2.5 mm
Góc nghiêng điều chỉnh (Trái / Phải)	: 52° / 60°
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 530 / 600 / 860 mm
Trọng lượng	: 28.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Lưỡi của, chìa vận, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

21,888,000 VND
0601B23100

GTS 254

Máy cửa bàn



Công suất	: 1,800 W
Tốc độ không tải	: 4,300 vòng/phút
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 254 mm
Đường kính trục đĩa cắt	: 30 mm
Kích thước bàn	: 555 / 555 mm
Độ dày đĩa cắt	: <1.8 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 1,000 / 620 / 690 mm
Chiều cao vật liệu cắt tối đa (0° / 45°)	: 80 / 55 mm
Trọng lượng	: 24.4kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 lưỡi của

Giá tham khảo
Mã hàng

8,708,000 VND
0601B450K0

GTS 10 XC

Máy cửa bàn



Công suất	: 2,000 W
Tốc độ không tải	: 4,200 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 254 mm
Đường kính trục đĩa cắt	: 30 mm
Độ dày đĩa cắt	: < 2.2 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 343 / 783 / 771 mm
Chiều cao vật liệu cắt tối đa (0° / 45°)	: 79 / 56 mm
Trọng lượng	: 35 kg
Phụ kiện kèm theo	: Lưỡi của, que đẩy, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

19,288,000 VND
0601B30400

MÁY BÀO

GHO 6500

Máy bào gỗ



Công suất	: 650 W
Tốc độ không tải	: 16,500 v/p
Độ sâu bào	: 0 - 2.6 mm
Độ rộng bào	: 0 - 82 mm
Độ sâu rãnh bào	: 0 - 9 mm
Kích thước (Cao / Dài)	: 140 / 280 mm
Trọng lượng	: 2.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Lược giác, hộp gá mài lưỡi, cứ dẫn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,048,000 VND
06015960K0

MÁY MÀI BÀN

GBG 35-15

Máy mài bàn



Công suất	: 350 W
Tốc độ không tải	: 3,000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 150 mm
Bề rộng đĩa mài	: 20 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Kích cỡ hạt	: 24 / 60
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 225 / 342 mm
Trọng lượng	: 10 kg
Phụ kiện kèm theo	: Bánh mài độ hạt 24/60, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

3,198,000 VND
060127A3K0

GBG 60-20

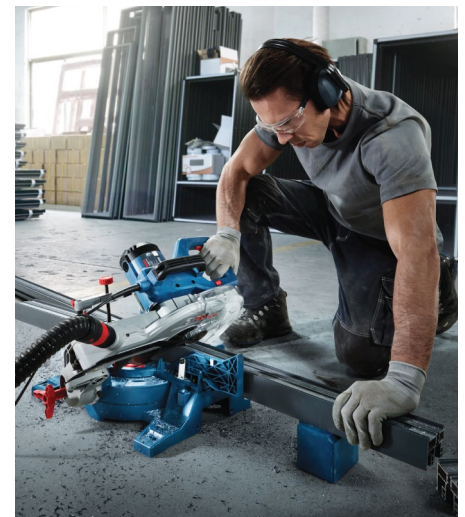
Máy mài bàn



Công suất	: 600 W
Tốc độ không tải	: 3,600 v/p
Đường kính đĩa mài	: 200 mm
Bề rộng đĩa mài	: 25 mm
Đường kính trục	: 32 mm
Kích cỡ hạt	: 24 / 60
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 230 / 370 mm
Trọng lượng	: 15 kg
Phụ kiện kèm theo	: Bánh mài độ hạt 24/60, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,818,000 VND
060127A4K0



MÁY CHÀ NHẪM / MÁY THỔI / MÁY PHAY

GSS 140 (ALL NEW)

Máy chà nhám rung



Công suất	: 220 W
Tần suất vòng xoay	: 28,000 l/p
Tốc độ xoay không tải	: 14,000 vòng/phút
Đường kính vòng xoay	: 1.5 mm
Kích cỡ giấy nhám	: 114 x 140 mm
Kích cỡ đế chà	: 101 x 112 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 139 / 125 / 112 mm
Trọng lượng	: 1.1 kg
Phụ kiện đi kèm	: Hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,118,000 VND
06012A80K1

GSS 140 A

Máy chà nhám rung



Công suất	: 220 W
Tần suất vòng xoay	: 28,000 l/p
Tốc độ xoay không tải	: 14,000 vòng/phút
Đường kính vòng xoay	: 1.5 mm
Kích cỡ giấy nhám	: 114 x 140 mm
Kích cỡ đế chà	: 101 x 112 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 142 / 256 / 112 mm
Trọng lượng	: 1.1 kg
Phụ kiện đi kèm	: Hộp giấy, túi bụi

Giá tham khảo
Mã hàng

1,348,000 VND
06012A80K2

GSS 2300

Máy chà nhám rung



Công suất	: 190 W
Tần suất vòng xoay	: 24,000 l/p
Tốc độ xoay không tải	: 12,000 v/p
Đường kính vòng xoay	: 2.0 mm
Kích cỡ giấy nhám	: 93 x 230 mm
Kích cỡ đế chà	: 92 x 182 mm
Kích thước (Cao / Dài)	: 139 / 228 mm
Trọng lượng	: 1.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: 3 miếng nhám, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,978,000 VND
06012980K0

GSS 20-18

Máy chà nhám rung



Công suất	: 200 W
Tốc độ không tải	: 12,000 v/p
Tần suất vòng xoay	: 24,000 l/p
Đường kính vòng xoay	: 2.0 mm
Kích cỡ giấy nhám	: 93 x 230 mm
Kích cỡ đế chà	: 90 x 183 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 150 / 251 / 90 mm
Trọng lượng	: 1.5 kg
Phụ kiện đi kèm	: Hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,498,000 VND
06010701K0

GSS 20-18 A

Máy chà nhám rung



Công suất	: 200 W
Tốc độ không tải	: 8,000 - 12,000 v/p
Tần suất vòng xoay	: 6,000 - 24,000 l/p
Đường kính vòng xoay	: 2.0 mm
Kích cỡ giấy nhám	: 90 x 230 mm
Kích cỡ đế chà	: 90 x 183 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 155 / 251 / 90 mm
Trọng lượng	: 1.6 kg
Phụ kiện đi kèm	: Hộp giấy, túi chứa bụi

Giá tham khảo
Mã hàng

1,728,000 VND
06010701K1

GEX 125

Máy chà lệch tâm



Công suất	: 280 W
Tốc độ xoay không tải	: 7,500 - 12,000 vòng/phút
Tần suất vòng xoay	: 15,000 - 24,000 l/p
Đường kính vòng xoay	: 2.6 mm
Đường kính mặt nhám	: 125 mm
Kích thước máy (Cao / Dài / Rộng)	: 149 / 213 / 122 mm
Trọng lượng	: 1.4 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy, túi chứa bụi

Giá tham khảo
Mã hàng

1,878,000 VND
06013A80K0

GEX 125-1 AE

Máy chà lệch tâm



Công suất	: 250 W
Tần suất vòng xoay	: 15,000-24,000 n/p
Tốc độ xoay không tải	: 7,500-12,000 v/p
Đường kính vòng xoay	: 2.5 mm
Đường kính mặt nhám	: 125 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 150 / 227 / 122 mm
Trọng lượng	: 1.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: 3 miếng nhám, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,388,000 VND
06013875K0

GBL 650

Máy thổi



Công suất	: 650 W
Tốc độ không tải	: 16,000 vòng/phút
Lưu lượng khí tối đa	: 3.7 m³/phút
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 197 / 436 / 181 mm
Trọng lượng	: 1.4 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,478,000 VND
06019M40K0

GBL 82-270

Máy thổi



Công suất	: 820 W
Tốc độ không tải	: 16,000 v/p
Lưu lượng khí tối đa	: 4.5 m³ / phút
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 215 / 500 mm
Trọng lượng	: 2.25 kg
Phụ kiện kèm theo	: Mũi thổi, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,838,000 VND
06019804K1

GKF 550

Máy phay mini



Công suất	: 550 W
Tốc độ không tải	: 33,000 v/p
Đầu cắt	: 6 mm - 1/4 inches
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 188 / 90 / 90 mm
Trọng lượng	: 1.4 kg
Phụ kiện kèm theo	: Khóa mở, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,918,000 VND
06016A00K0

GOF 130

Máy phay gỗ



Công suất	: 1,300 W
Tốc độ không tải	: 11,000-28,000 v/p
Vành kẹp tương thích	: 6-8 mm
Độ sâu phay tối đa	: 55 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 272 / 277 / 152 mm
Trọng lượng	: 3.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Chìa vận, cữ song song, đầu nổi bụi, bộ mẫu kẹp, phụ kiện khác

Giá tham khảo
Mã hàng

3,238,000 VND
06016B70K1

GTR 550

Máy chà tường



Công suất	: 550 W
Tốc độ không tải	: 340-910 v/p
Đường kính miếng chà	: 225 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 210 / 1,730 / 250 mm
Trọng lượng	: 4.8kg (1.7m) / 4.1kg (1.1m)
Phụ kiện đi kèm	: Phụ kiện cơ bản, valy

Giá tham khảo
Mã hàng

8,078,000 VND
06017D40K0

MÁY BẮT ỐC VÍT

GTB 650

Máy bắt vít thạch cao



Công suất	: 650 W
Tốc độ không tải	: 0-5,000 v/p
Đầu cặp	: Lực giác trong ¼
Đường kính vít tối đa	: 6 mm
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 190/ 283 / 68 mm
Trọng lượng	: 1.4 kg
Phụ kiện kèm theo	: Valy

Giá tham khảo **2,688,000 VND**
Mã hàng **06014A20K0**

MÁY BẮN KEO

GKP 200 CE

Máy bắn keo



Công suất (Làm nóng / Giữ nóng)	: 500 / 30 W
Nhiệt độ keo	: 200°C
Khả năng tạo keo	: 20 g/phút
Thời gian làm nóng	: 4 phút
Kích thước thanh keo (Đường kính / Độ dài)	: 11 / 45-200 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 175 / 205 mm
Trọng lượng	: 0.4 kg
Phụ kiện kèm theo	: Bộ mũi, hộp nhựa

Giá tham khảo **2,018,000 VND**
Mã hàng **0601950703**

MÁY HÚT BỤI

GAS 15

Máy hút bụi



Công suất	: 1,100 W
Dung tích khoang chứa (Tổng thể)	: 15 L
Dung tích túi bụi	: 8 L
Lực hút tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 22 / 27 kPa
Lưu lượng khí tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 33 / 53 kPa
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 440 / 360 mm
Trọng lượng	: 9.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Ống nối, đầu hút, túi chứa, hộp giấy

Giá tham khảo **4,128,000 VND**
Mã hàng **06019E50K0**

MÁY HÚT BỤI

GAS 15 PS

Máy hút bụi



Công suất	: 1,100 W
Dung tích khoang chứa (tổng thể)	: 15 L
Dung tích túi bụi	: 8 L
Lực hút tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 22 / 27 kPa
Lưu lượng khí tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 33 / 53 kPa
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 440 / 360 mm
Trọng lượng	: 9.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Ống nối, đầu hút, túi chứa, hộp giấy

Giá tham khảo **4,688,000 VND**
Mã hàng **06019E51K0**

GAS 12-25

Máy hút bụi



Công suất	: 1,250 W
Dung tích khoang chứa (Tổng thể)	: 25 L
Dung tích túi bụi	: 20 L
Lực hút tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 19 / 20 kPa
Lưu lượng khí tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 36 / 65 kPa
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 453 / 483 mm
Trọng lượng	: 8.6 kg
Phụ kiện kèm theo	: Ống nối, đầu hút, túi chứa, hộp giấy

Giá tham khảo **5,158,000 VND**
Mã hàng **060197C0K0**

GAS 12-25 PL

Máy hút bụi



Công suất	: 1,250 W
Dung tích khoang chứa (Tổng thể)	: 25 L
Dung tích túi bụi	: 20 L
Lực hút tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 19 / 20 kPa
Lưu lượng khí tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 36 / 65 kPa
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 453 / 483 mm
Trọng lượng	: 9 kg
Phụ kiện kèm theo	: Ống nối, đầu hút, túi chứa, hộp giấy

Giá tham khảo **6,258,000 VND**
Mã hàng **060197C1K0**

PHỤ KIỆN

GAS 400 A

Máy hút bụi



Công suất	: 1,200 W
Dung tích khoang chứa (Tổng thể)	: 40 L
Dung tích hút bụi (Khô / Nước)	: 28 / 20 L
Lực hút tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 20 / 23 kPa
Lưu lượng khí (Máy hút bụi / Tuabin)	: 28 / 71.5 l/s
Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 536 / 580 / 389 mm
Trọng lượng	: 14 kg

Phụ kiện kèm theo : L-Class, ống ruột gà 4m, 1 khớp nối, 1 bàn chà, 1 ống nối, túi chứa bụi

Giá tham khảo **13,138,000 VND**
Mã hàng **06019M00K0**

TÚI CÔNG CỤ (48x28x30)

Túi xách công cụ



Tương thích với	: Tất cả dụng cụ điện cầm tay & phụ kiện
Kích thước (Cao x Dài x Rộng)	: 30 x 48 x 28 mm

Giá tham khảo **848,000 VND**
Mã hàng **1600A003BJ**

TÚI CÔNG CỤ (48x30x28)

Túi xách công cụ



Tương thích với	: Tất cả dụng cụ điện cầm tay & phụ kiện
Kích thước (Cao x Dài x Rộng)	: 28 x 48 x 30 mm

Giá tham khảo **488,000 VND**
Mã hàng **1619BZ0100**

L-BOXX --- 136

Hộp đựng đa năng



Tương thích với	: Tất cả dụng cụ điện
Kích thước (Rộng x Dài x Cao)	: 442 x 357 x 151 mm
Trọng lượng	: 1.9 kg

Giá tham khảo **958,000 VND**
Mã hàng **1600A012G0**

L-BOXX --- 238

Hộp đựng đa năng



Tương thích với	: Tất cả dụng cụ điện
Kích thước (Rộng x Dài x Cao)	: 442 x 357 x 253 mm
Trọng lượng	: 2.4 kg

Giá tham khảo **978,000 VND**
Mã hàng **1600A012G2**

PHỄU CHỤP BỤI

Phễu chứa bụi máy khoan



Tương thích với	: Máy khoan búa mũi SDS Plus 18-36V (2-4 kg)
Đường kính khoan	: 13 x 10 x 24 cm
Kích thước (Cao / Dài)	: 13 x 10 x 24 cm
Trọng lượng	: 0.5 kg

Giá tham khảo **228,000 VND**
Mã hàng **1600A00D6H**

GDE 24

Đầu nối chứa bụi máy khoan



Tương thích với	: GBH 2-20, 2-22, 2-23, 2-26
Kích thước (Cao / Dài)	: 25 x 10 x 15 cm
Trọng lượng	: 0.3 kg

Giá tham khảo **198,000 VND**
Mã hàng **1600A01M9V**

GDE 12

Phụ kiện chứa bụi máy khoan pin



Tương thích với	: GBH 185-LI
Đường kính khoan tối đa	: 12 mm
Trọng lượng	: 1.1 kg

Giá tham khảo **2,008,000 VND**
Mã hàng **1600A02BW0**



BOSCH

GIẢI PHÁP ĐO LƯỜNG THỜI ĐẠI 4.0

Nâng cấp công việc của bạn với bộ sản phẩm mới có khả năng kết nối với điện thoại thông minh qua bluetooth. Việc chuyển hình ảnh nhiệt hồng ngoại, lưu trữ dữ liệu đo, hay điều khiển máy cân mực từ xa nhằm tăng độ chính xác và thuận tiện nay nằm gọn trong lòng bàn tay bạn.

Sẵn sàng và tiện lợi. Dụng cụ đo laser & Kỹ thuật số.



ỨNG DỤNG CỦA DỤNG CỤ ĐO LASER & KỸ THUẬT SỐ



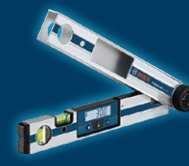
Máy đo khoảng cách laser

- Khảo sát, đo đặc phạm vi thi công; lắp đặt, trang trí nội ngoại thất
- Ước lượng vật tư như gạch lát sàn, sơn tường, độ dài dây điện, diện tích rèm cửa...
- Kiểm tra kích thước phần thô sau khi thi công
- Kiểm tra góc nghiêng (tay vịn cầu thang...), độ phẳng (mặt sàn, bậc cầu thang...)



Máy cân mực laser

- Ốp lát sàn, tường, thi công trần thạch cao...
- Đi dây / cáp điện, công tắc, ổ cắm, lắp đèn, ống nước, điều hòa nhiệt độ, lát gạch sàn/ tường...
- Trang trí nội thất: treo tủ, kệ, lắp cửa, vách ngăn...



Máy đo độ nghiêng & đo góc kỹ thuật số

- Kiểm tra độ thẳng bằng khi lắp đặt nội thất
- Đo độ nghiêng / dốc của mái nhà, thanh vịn cầu thang, mặt đường...
- Xác định / kiểm tra góc để lắp đặt, đóng khung, các vật dụng đã hoàn thiện...



Máy đo nhiệt độ

- Kiểm tra nhiệt độ bề mặt tại hòng gió điều hòa nhiệt độ, lò nung, ống nước, kho hàng, sàn nhà trước khi thi công...
- Kiểm tra nhiệt độ tủ máy, động cơ hoặc những nơi khó chạm tới...
- Kiểm tra công trình xây dựng, phát hiện rò khí / nước...



Máy dò đa năng

- Dò tìm các vật thể nằm trong tường (gỗ, kim loại...) nhằm hạn chế rủi ro khoan/đục trúng vật thể
- Hỗ trợ kiểm tra, tìm kiếm lỗi và sửa chữa các đường ống nước, dây điện, thiết bị máy móc trong công nghiệp, xe hơi, nơi góc nhỏ hẹp không thể trực tiếp nhìn vào...



Máy thủy bình

- Sử dụng trong trắc địa: xây dựng công trình, cảnh quan, kiến trúc...

BIỂU TƯỢNG VÀ Ý NGHĨA



Màn hình hiển thị có đèn



Màn hình hiển thị có màu



Có khả năng đo góc



Chức năng "Chữ số lớn"



Phản hồi rung



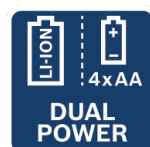
Camera / Ống ngắm



Khả năng chống bụi & tia nước



Tia / Điểm laser xanh



Sử dụng được 2 bộ nguồn



Tích hợp sẵn pin Li-ion trong máy



Tương thích với 2 loại lỗ ren



Kết nối bằng dây cáp USB



Ứng dụng MeasureOn



Ứng dụng Levelling Remote



Ứng dụng Bosch Thermal



BOSCH

BOSCH PROFESSIONAL CHẤT LƯỢNG ĐÃ ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNH

Dụng cụ kiểm tra điện – Đáng tin cậy trong từng thao tác.

Công việc về điện luôn đòi hỏi độ chính xác và độ tin cậy tuyệt đối. Đó là lý do Bosch Professional phát triển dòng thiết bị kiểm tra điện chuyên dụng – chống nước, chống bụi và chống va đập, sẵn sàng đồng hành cùng bạn trong mọi điều kiện làm việc.



THIẾT BỊ ĐO KIỂM TRA ĐIỆN

GVD 1000-17

Bút thử điện không tiếp xúc



Chỉ số bảo vệ IP	: IP67
Đo không tiếp xúc (NCV)	: Có
Chức năng đèn pin	: Có
Phản hồi âm thanh	: Có
Phản hồi rung	: Có
Điện áp xoay chiều (AC)	: 1.000 V
Cấp độ an toàn	: CAT IV 1000 V
Trọng lượng	: 50 gr
Kích thước	: 52 x 63 x 202 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

Liên hệ
0601077050

MÁY ĐO KHOẢNG CÁCH LASER

GLM 30-23

Máy đo khoảng cách laser



Loại laser	: 635 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.15 - 30 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Màu sắc laser	: laser đỏ
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR03 (AAA)
Trọng lượng	: 90 gr
Kích thước	: 100 x 43 x 24 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

1,701,000 VND
0601072XK0

GLM 40-12

Máy đo khoảng cách laser



Loại laser	: 635 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.15 - 40 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 10 phép đo
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR03 (AAA)
Trọng lượng	: 90 gr
Kích thước	: 105 x 41 x 24 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

2,314,000 VND
06010729K1

GLM 400

Máy đo khoảng cách laser



Loại laser	: 635 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.05 - 40 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 15 phép đo
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR03 (AAA)
Trọng lượng	: 100 g
Kích thước	: 106 x 45 x 24 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

2,439,000 VND
0601072RK0

GLM 50-23 G

Máy đo khoảng cách laser xanh



Loại laser	: 515 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.05 m - 50 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 30 phép đo
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 160 g
Kích thước	: 119 x 53 x 29 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,550,000 VND
0601072VK0

GLM 50-27 CG

Máy đo khoảng cách laser xanh



Loại laser	: 515 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.05 m - 50 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 30 phép đo
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 170 g
Kích thước	: 119 x 53 x 29 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,837,000 VND
0601072UK0

GLM 100-25 C

Máy đo khoảng cách laser



Loại laser	: 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.08 - 100 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 50 phép đo
Bộ nguồn	: 3 x 1.5 V LR6 (AA)
Ống ngắm kỹ thuật số	: 5 MP
Trọng lượng	: 230 g
Kích thước	: 142(176) x 64 x 28 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

5,784,000 VND
0601072YK0

GLM 150 C

Máy đo khoảng cách laser



Loại laser	: 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.08 - 150 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 50 phép đo
Bộ nguồn	: 3 x 1.5 V LR6 (AA)
Ống ngắm kỹ thuật số	: 5 MP
Trọng lượng	: 230 g
Kích thước	: 142 (176) x 64 x 28 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

8,042,000 VND
0601072FK0

THƯỚC ĐO ĐỘ NGHIÊNG / THƯỚC ĐO GÓC KỸ THUẬT SỐ

GIM 60 / 120

Thước đo độ nghiêng Kỹ thuật số



	GIM 60	GIM 120
Phạm vi đo	: 0 - 360° (4 x 90°)	: 0 - 360° (4 x 90°)
Sai số	:	:
0° / 90°	: ± 0.05°	: ± 0.05°
1° - 89°	: ± 0.2°	: ± 0.2°
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 770 g	: 1400 g
Kích thước	: 608 x 27 x 59 mm	: 1250 x 27 x 59 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,536,000 VND
0601076700

4,718,000 VND
0601076800

GIM 60 L

Thước đo độ nghiêng Kỹ thuật số kết hợp điểm Laser



Loại laser	: 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0 - 360° (4 x 90°)
Phạm vi làm việc (laser)	: 30 m
Sai số của thước đo	:
0° / 90°	: ± 0.05°
1° - 89°	: ± 0.1°
Sai số của tia laser	:
Theo hướng thẳng đứng	: ± 0.5 mm/m
Theo hướng ngang	: ± 1 mm/m
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 910 g
Kích thước	: 618 x 27 x 59 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

5,739,000 VND
0601076900

GAM 220

Thước đo góc Kỹ thuật số



Phạm vi đo	: 0 - 220°
Sai số	: ± 0.1°
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 1300 g
Kích thước	: 447 x 52 x 60 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,457,000 VND
0601076500

So sánh máy cân mực laser tia đỏ

	GLL 3-15 X	GLL 5-50 X	GLL 3-80	GCL 25	GTL 3
Số tia	3 tia: • Mặt chính diện: 2 tia vuông góc • 1 mặt bên hông: 1 tia đứng	5 tia: • Mặt chính diện: 2 tia vuông góc • 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 tia đứng • Mặt sau: 1 tia đứng	12 tia: • Mặt chính diện: 2 tia vuông góc • 2 mặt bên hông: mỗi mặt 2 tia vuông góc • Mặt sau: 2 tia vuông góc • Mặt trái: 2 tia vuông góc • Mặt sàn: 2 tia vuông góc	2 tia: • Mặt chính diện: 2 tia vuông góc	3 tia: • 2 tia vuông góc • 1 tia ở giữa tạo góc 45°
Số giao điểm vuông góc	2 giao điểm: • Mặt chính diện: 1 giao điểm • Mặt trái: 1 giao điểm	2 giao điểm: • Mặt chính diện: 1 giao điểm • Mặt trái: 1 giao điểm	6 giao điểm: • Mặt chính diện: 1 giao điểm • 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 giao điểm • Mặt sau: 1 giao điểm • Mặt trái: 1 giao điểm • Mặt sàn: 1 giao điểm	1 giao điểm: • Mặt chính diện: 1 giao điểm	Không có giao điểm
Số điểm	1 điểm: • Mặt sàn	1 điểm: • Mặt sàn	Không có điểm	5 điểm: • Mặt chính diện: 1 điểm • 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 điểm • Mặt trái: 1 điểm • Mặt sàn: 1 điểm	Không có điểm

So sánh máy cân mực laser tia xanh

	GLL 50 G	GCL 2-15 G	GCL 2-50 CG	GLL 50-15 XG	GLL 3-60 XG	GLL 3-80 CG	GRL 300 HVG	GPL 5 G
Số tia	2 tia: • Mặt chính diện: 2 tia vuông góc	2 tia: • Mặt chính diện: 2 tia vuông góc	2 tia: • Mặt chính diện: 2 tia vuông góc	5 tia: • Mặt chính diện: 2 tia vuông góc • 2 mặt bên hông: mỗi mặt một tia đứng • Mặt sau: 1 tia đứng	12 tia: • Mặt chính diện: 2 tia vuông góc • 2 mặt bên hông: mỗi mặt 2 tia vuông góc • Mặt sau: 2 tia vuông góc • Mặt trái: 2 tia vuông góc • Mặt sàn: 2 tia vuông góc	12 tia: • Mặt chính diện: 2 tia vuông góc • 2 mặt bên hông: mỗi mặt 2 tia vuông góc • Mặt sau: 2 tia vuông góc • Mặt trái: 2 tia vuông góc • Mặt sàn: 2 tia vuông góc	Không có tia	Không có tia
Số giao điểm vuông góc	1 giao điểm: • Mặt chính diện: 1 giao điểm	1 giao điểm: • Mặt chính diện: 1 giao điểm	2 giao điểm: • Mặt chính diện: 1 giao điểm • Mặt trái: 1 giao điểm	2 giao điểm: • Mặt chính diện: 1 giao điểm • Mặt trái: 1 giao điểm	6 giao điểm: • Mặt chính diện: 1 giao điểm • 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 giao điểm • Mặt sau: 1 giao điểm • Mặt trái: 1 giao điểm • Mặt sàn: 1 giao điểm	6 giao điểm: • Mặt chính diện: 1 giao điểm • 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 giao điểm • Mặt sau: 1 giao điểm • Mặt trái: 1 giao điểm • Mặt sàn: 1 giao điểm	Không có giao điểm	Không có giao điểm
Số điểm	2 điểm: • Mặt trái: 1 điểm • Mặt sàn: 1 điểm	2 điểm: • Mặt trái: 1 điểm • Mặt sàn: 1 điểm	2 điểm: • Mặt trái: 1 điểm • Mặt sàn: 1 điểm	1 điểm: • Mặt sàn: 1 điểm	Không có điểm	Không có điểm	Điểm laser xoay	5 điểm: • Mặt chính diện: 1 điểm • 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 điểm • Mặt trái: 1 điểm • Mặt sàn: 1 điểm



BOSCH

MÁY CÂN MỤC LASER TIA ĐỎ (máy vạch đường chuẩn)

GLL 3-15 X

Máy cân mục laser tia đỏ



Loại laser	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 15 m
Với điểm	: 5 m
Sai số	: ± 0.3 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 3°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 540 g
Kích thước	: 122 x 83 x 129 mm

Giá tham khảo **3,771,000 VND**
Mã hàng **0601063M80**

GLL 5-50 X

Máy cân mục laser tia đỏ



Loại laser	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 15 m
Với thiết bị nhận tia	: 50 m
Với điểm	: 5 m
Sai số	: ± 0.3 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 3°
Thời gian tự cân bằng	: 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 540 g
Kích thước	: 122 x 83 x 129 mm

Giá tham khảo **4,735,000 VND**
Mã hàng **0601063N80**

GLL 3-80

Máy cân mục laser tia đỏ



Loại laser	: 630 – 650 nm, < 10 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 30 m
Với thiết bị nhận tia	: 120 m
Sai số	: ± 0.3 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 820 g
Kích thước	: 149 x 84 x 142 mm

Giá tham khảo **13,235,000 VND**
Mã hàng **0601063500**

GCL 25

Máy cân mục laser tia & điểm đỏ



Loại laser	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 10 m
Với điểm nằm ngang	: 30 m
Với điểm trên trần	: 10 m
Với điểm dưới sàn	: 5 m
Sai số	
Tia	: ± 0.3 mm/m
Điểm	: ± 0.5 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 580 g
Kích thước	: 155 x 56 x 118 mm

Giá tham khảo **7,049,000 VND**
Mã hàng **0601066B00**

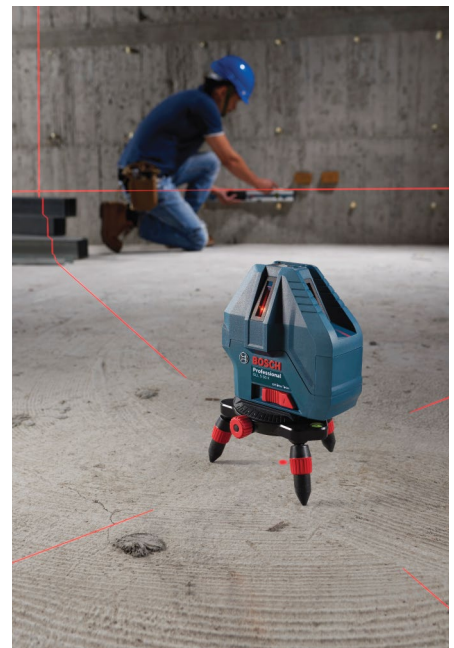
GTL 3

Máy cân vạch lát gạch 3 tia đỏ



Loại laser	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 20 m
Sai số	: ± 0.2 mm/m
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 440 g
Kích thước	: 156 x 102 x 98 mm

Giá tham khảo **3,829,000 VND**
Mã hàng **0601015200**



MÁY CÂN MỤC LASER TIA XANH (máy vạch đường chuẩn)

GLL 50 G

Máy cân mục laser tia xanh



Loại laser	: 500 – 540 nm, < 5 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 15 m
Sai số	: ± 0.6 mm/m
Cấp bảo vệ	: IP 55
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR6 (AA) / 3.7 V Li-ion
Trọng lượng	: 300 g
Kích thước	: 87 x 64 x 87 mm

Giá tham khảo **3,337,000 VND**
Mã hàng **06010653K0**

GCL 2-15 G

Máy cân mục laser tia xanh



Loại laser	
Tia	: 500 – 540 nm, < 10 mW
Điểm	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 15 m
Với điểm	: 10 m
Sai số	
Tia	: ± 0.3 mm/m
Điểm	: ± 0.7 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: 4 giây
Bộ nguồn	: 3 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 490 g
Kích thước	: 112 x 55 x 106 mm

Giá tham khảo **5,189,000 VND**
Mã hàng **0601066J00**

GCL 2-50 CG

Máy cân mục laser tia xanh



Loại laser	
Tia	: 500 – 540 nm, < 10 mW
Điểm	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 20 m
Với thiết bị nhận tia	: 50 m
Với điểm	: 10 m
Sai số	
Tia	: ± 0.3 mm/m
Điểm	: ± 0.7 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 580 g
Kích thước	: 136 x 122 x 55 mm

Giá tham khảo **6,300,000 VND**
Mã hàng **0601066H80**

GCL 15-12 XG

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	
Tia	: 510-530 nm, < 8 mW
Điểm	: 650-660 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 15 m
Sai số	
Tia	: ± 0.4 mm/m²
Điểm	: ± 1.0 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: 4 giây
Bộ nguồn	: 1 pin 3.6 V Li-Ion battery (có thể sạc lại)
Trọng lượng	: 450 g
Kích thước	: 122 x 62 x 104 mm

Giá tham khảo
Mã hàngLiên hệ
0601066TK0**GLL 50-15 XG**

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	
Tia	: 500-540 nm, < 10 mW
Điểm	: 630-650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 15 m
Với thiết bị nhận tia	: 50 m
Sai số	: ± 0.3 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 3°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 760 g
Kích thước	: 122 x 83 x 129 mm

Giá tham khảo
Mã hàngLiên hệ
06010657K0**GLL 18V-120-33 CG**

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	
Tia	: 500-540 nm, < 10 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 35 m
Với thiết bị nhận tia	: 120 m
Sai số	
Tia	: ± 0.3mm/m²
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: 3 giây
Bộ nguồn	: Pin 18 V Li-Ion, Pin 12V Li-Ion, 4 pin 1.5V LR14 (C)
Trọng lượng	: 1300 g
Kích thước	: 158 x 205 x 103 mm

Giá tham khảo
Mã hàng17,000,000 VND
06010651K0**GLL 100-33 CG**

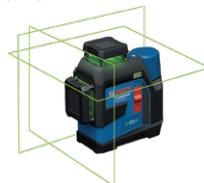
Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	
Tia	: 500-540 nm, < 10 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 30 m
Với thiết bị nhận tia	: 100 m
Sai số	
Tia	: ± 0.3mm/m²
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: 3 giây
Bộ nguồn	: Pin 12 V Li-Ion, 4 pin 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 960 g
Kích thước	: 162 x 89 x 139mm

Giá tham khảo
Mã hàngLiên hệ
06010654K0**GLL 90-33 XG**

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	
Tia	: 500-540 nm, < 10 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 27 m
Với thiết bị nhận tia	: 90 m
Sai số	
Tia	: ± 0.3mm/m²
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: 4 giây
Bộ nguồn	: Pin 12V Li-Ion, 4 pin 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 1300 g
Kích thước	: 162 x 89 x 139mm

Giá tham khảo
Mã hàngLiên hệ
06010651K0**GLL 3-60 XG**

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 30 m
Với thiết bị nhận tia	: 60 m
Sai số	: ± 0.3 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 3°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 780 g
Kích thước	: 149 x 84 x 142 mm

Giá tham khảo
Mã hàng12,129,000 VND
06010632K0**GLL 3-80 CG**

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 30 m
Với thiết bị nhận tia	: 120 m
Sai số	: ± 0.2 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 860 g
Kích thước	: 162 x 84 x 148 mm

Giá tham khảo
Mã hàng16,829,000 VND
0601063U80**GRL 300 HVG**

Máy định vị laser xoay tia xanh



Loại laser	
Cấp độ laser	: 3R
Phạm vi đo	
Với tia	: 100 m (đường kính)
Với thiết bị nhận tia	: 300 m (đường kính)
Sai số	: ± 0.1 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 8° (± 5°)
Thời gian tự cân bằng	: 15 giây
Tốc độ xoay	: 150 / 300 / 600 v/p
Góc mở	: 10 / 25 / 50°
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR20 (D)
Trọng lượng	: 1800 g
Kích thước	: 190 x 180 x 170 mm

Giá tham khảo
Mã hàng19,059,000 VND
0601061703**GPL 5 G**

Máy định vị laser 5 điểm xanh



Loại laser	
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 30 m
Sai số	: ± 0.35 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 2 x 1.5V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 350 g
Kích thước	: 115 x 50 x 113 mm

Giá tham khảo
Mã hàng3,385,000 VND
0601066P00

MÁY ĐO NHIỆT



Máy đo nhiệt độ chỉ được dùng để đo nhiệt bề mặt của vật thể, KHÔNG sử dụng để đo thân nhiệt trong các mục đích y tế.

GIS 500

Máy đo nhiệt độ



Loại laser	: 635 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Dải nhiệt bề mặt đo được	: -30...+500°C
Sai số	
-30°C ≤ t ≤ -10°C	: ± (1.8°C + 0.1 x t °C)
-10°C < t < 0°C	: ± 2.8°C
0°C ≤ t < 100°C	: ± 1.8°C
100°C ≤ t ≤ 500°C	: ± 1.8%
Hệ số phát xạ	: 0.75; 0.85; 0.95
Tỷ lệ khoảng cách đo/điểm đo	: 12:1
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 220 g
Kích thước	: 171 x 101 x 54 mm

Giá tham khảo **1,849,000 VNĐ**
Mã hàng **0601083480**

GIS 1000 C

Máy đo nhiệt độ & độ ẩm



Loại laser	: 635 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi làm việc	: 0.1 - 5 m
Nhiệt độ	
Bề mặt vùng đo	: -40...+1000°C
Tiếp xúc	: -40...+1000°C
Môi trường xung quanh	: -10...+50°C
Độ ẩm không khí tương đối	: 0...100%
Sai số	
Nhiệt độ	: ± 1°C
Độ ẩm	: ± 2%
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 560 g
Kích thước	: 136 x 89 x 214 mm

Giá tham khảo **10,019,000 VNĐ**
Mã hàng **06010833K1**

GTC 400 C

Máy đo nhiệt hồng ngoại



Độ phân giải hồng ngoại (IR)	: 160 x 120 px
Độ nhạy	: < 50 mK
Dải nhiệt bề mặt đo được	: -10...+400°C
Sai số	
-10...+10°C	: ± 3°C
+10...+100°C	: ± 3°C
> +100°C	: ± 3%
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Bộ nhớ	: 500 hình ảnh
Trọng lượng	: 540 g
Kích thước	: 235 x 95 x 63 mm

Giá tham khảo **29,829,000 VNĐ**
Mã hàng **0601083150**

GTC 600 C

Máy đo nhiệt hồng ngoại



Độ phân giải hồng ngoại (IR)	: 256 x 192 px
Độ nhạy	: < 50 mK
Dải nhiệt bề mặt đo được	: -20...+600°C
Sai số	
-20...+10°C	: ± 4°C
+10...+100°C	: ± 2°C
> +100°C	: ± 2%
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Bộ nhớ	: 600 hình ảnh
Trọng lượng	: 640 g
Kích thước	: 231 x 115 x 102 mm

Giá tham khảo **33,372,000 VNĐ**
Mã hàng **06010835K1**

MÁY DÒ ĐA NĂNG

GTC 450-13

Máy đo nhiệt hồng ngoại



Độ phân giải hồng ngoại (IR)	: 256 x 192 px
Độ nhạy	: <50 mK
Dải nhiệt bề mặt đo được	: -20...+450 °C
Sai số	: ± 2 °C
Bộ nguồn	: 4 pin AA LR6 1,5V
Bộ nhớ	: 500 hình ảnh
Trọng lượng	: 350 gr
Kích thước	: 89 x 79 x 209 mm

Giá tham khảo **Liên hệ**
Mã hàng **06010839K0**



Máy dò đa năng là công cụ hỗ trợ giảm thiểu rủi ro khi thi công, tránh khoan/đục nhầm vật thể sau tường. Đối với dây điện âm tường, có một số trường hợp máy không phát hiện do môi trường từ tính xung quanh và thiết kế dây điện. Quý khách hàng cần lưu ý & tham khảo thêm các nguồn thông tin khác như sơ đồ, bản vẽ...

GMS 120-27

Máy dò đa năng



Độ sâu dò tìm tối đa	
Kim loại không từ tính	: 120 mm
Kim loại từ tính	: 100 mm
Dây cáp có điện	: 50 mm
Gỗ	: 30 mm
Cấp bảo vệ	: IP 54
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V AA / 3.7 V Li-ion
Trọng lượng	: 270 g
Kích thước	: 186 x 86 x 33 mm

Giá tham khảo **2,890,000 VNĐ**
Mã hàng **06010817K0**

D-TECT 120

Máy dò đa năng



Độ sâu dò tìm tối đa	
Với tường gạch	: 6 cm
Với vách khô	: 6 cm
Với tường bê tông	: 12 cm
Sai số dò tìm tối thiểu vật thể	: ± 10 mm
Vật liệu có thể dò tìm được	: Kim loại
	: Gỗ
	: Ống nhựa PVC có nước
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 500 g
Kích thước	: 206 x 92 x 85 mm

Giá tham khảo **5,439,000 VNĐ**
Mã hàng **06010813K0**

D-TECT 200 C

Máy dò đa năng



Độ sâu dò tìm tối đa	
Với bê tông	: 200 mm (vật thể kim loại)
	: 80 mm (vật thể khác)
Với bê tông mới đổ	: 60 mm (vật thể kim loại)
Với tường khô	: 38 mm (vật thể gỗ)
Với tường gạch	: 50 mm
Với các loại tường khác	: 80 mm
Sai số dò tìm tối thiểu vật thể	: ± 5 mm
Vật liệu có thể dò tìm được	: Kim loại
	: Gỗ
	: Ống nhựa PVC
	: Dây điện
Bộ nguồn	: 4 x 1.5V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 640 g
Kích thước	: 231 x 112 x 106 mm

Giá tham khảo **15,598,000 VNĐ**
Mã hàng **06010816K0**

MÁY THỦY BÌNH

GIC 4-23 C

Máy camera thăm dò



Kích thước màn hình	: 4.3"
Độ phân giải màn hình	: 800 x 480 px
Độ dài dây	: 150 cm
Đường kính đầu camera	: 8.3 mm
Cấp bảo vệ	: IP 54 (dùng cụ); IP 67 (camera)
Ghi chép qua	: Hình ảnh
Truyền dữ liệu	: USB-C®
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 700 g
Kích thước	: 242 x 140 x 66 mm

Giá tham khảo **7,020,000 VNĐ**
Mã hàng **06012415K0**

GIC 5-27 C

Máy dò đa năng



Kích thước màn hình	: 5"
Độ phân giải màn hình	: 1280 x 720 px
Độ dài dây	: 150 cm
Đường kính đầu camera	: 8.3 mm
Cấp bảo vệ	: IP 54 (dùng cụ); IP 67 (camera)
Ghi chép qua	: Hình ảnh, video
Truyền dữ liệu	: USB-C®, thẻ Micro SD
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 700 g
Kích thước	: 242 x 140 x 66 mm

Giá tham khảo **8,856,000 VNĐ**
Mã hàng **06012414K0**

GOL 26 D

Máy thủy bình



Phạm vi làm việc	: 100 m
Sai số	: 1.6 mm / 30 m
Độ phóng đại	: 26 x
Trọng lượng	: 1500 g
Kích thước	: 143 x 213 mm

Giá tham khảo **5,189,000 VNĐ**
Mã hàng **0601068000**

GOL 32 D











Máy thủy bình



Phạm vi làm việc	: 120 m
Sai số	: 1 mm / 30 m
Độ phóng đại	: 32 x
Trọng lượng	: 1500 g
Kích thước	: 143 x 213 mm

Giá tham khảo **6,309,000 VNĐ**
Mã hàng **0601068500**

Phụ kiện dùng cho Dụng cụ đo laser & Kỹ thuật số

	GLM 40	GLM 400	GLM 50- 23 G	GLM 50- 27 CG	GLM 100- 25 C	GLM 150 C	GLM 3-15 X	GLM 5-50 X	GLL 3-80	GCL 25	GLL 50 G	GCL 2-15 G	GCL 2-50 CG	GLL 3-60 XG	GLL 3-80 CG	GRL 300 HVG	GPL 5 G	GOL 26 D	GOL 32 D	GMS 120-27
 BT 150 - 1/4" GTK 618,000 VND	●	●	●	●	●	●	-	-	●	●	●	●	●	●	●	-	●	-	-	-
 BT 150 - 5/8" GTK 693,000 VND	-	-	-	-	-	-	●	●	●	●	-	●	-	●	●	●	-	-	-	-
 BM 1 GTK 1,121,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	-	●	●	●	●	●	●	●	-	●	-	-	-
 MM 2 GTK 298,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	-	●	●	●	●	●	●	●	-	●	-	-	-
 RM 3 GTK 2,461,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	●	-	-	-	-	-	-	-
 LR 6 GTK 1,475,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	●	●	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
 LR 7 GTK 2,393,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	●	●	-	-	-	-	●	●	-	-	-	-	-
 BT 160 GTK 994,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	●	●	-
 GR 500 GTK 1,100,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	●	●	-
 BA 3.7V 1.0Ah A GTK 701,000 VND	-	-	●	●	-	-	-	-	-	-	●	-	-	-	-	-	-	-	-	●



BOSCH

● Phụ kiện sử dụng được với máy
— Phụ kiện không sử dụng được với máy

Tải ứng dụng
trên App Store



Tải ứng dụng
trên Google Play



SẴN SÀNG MỌI THÔNG TIN

MeasureOn – Nâng cấp hiệu suất làm việc của bạn

Chỉ cần ứng dụng này, kết hợp với máy đo khoảng cách laser sẵn có, tất cả thông tin bạn cần đều sẵn sàng, mọi lúc, mọi nơi, trên mọi thiết bị di động. Phác thảo sơ đồ mặt bằng, thêm ảnh, ghi chú, chèn kết quả phép đo cùng rất nhiều tính năng khác – tất cả sẽ gói gọn trong tầm tay bạn!



Sẵn sàng và tiện lợi. Dụng cụ đo laser & Kỹ thuật số.

MeasureOn:
Tải ứng dụng
hoàn toàn
miễn phí!

Tương thích với các máy đo khoảng cách laser sau:



GLM 50-27 CG Professional



GLM 150 C Professional



GLM 100-25 C Professional

Tải ứng dụng
trên App Store



Tải ứng dụng
trên Google Play



ỨNG DỤNG CHUYÊN BIỆT VỀ ĐO NHIỆT ĐỘ

Nâng tầm máy đo nhiệt của bạn khi kết hợp với ứng dụng Bosch Thermal. Bạn có thể ghi chú kết quả phép đo và chuyển hình ảnh từ máy đo nhiệt sang thiết bị di động trong tích tắc!



Bosch Thermal

Sẵn sàng và tiện lợi. Dụng cụ đo laser & Kỹ thuật số.



Bosch Thermal:
Tải ứng dụng
hoàn toàn
miễn phí!

Tải ứng dụng
trên App Store



Tải ứng dụng
trên Google Play



KIỂM SOÁT TỪ XA HIỆU SUẤT LÀM VIỆC

Điều khiển không cần chạm: ứng dụng Levelling Remote giúp việc sử dụng những chiếc máy cân mực đơn giản và nhanh chóng hơn bao giờ hết. Khi kết nối với điện thoại thông minh, bạn sẽ nắm toàn quyền kiểm soát máy cân mực từ xa, giúp công việc của bạn trở nên hiệu quả và thuận tiện hơn rất nhiều!



Levelling Remote

Sẵn sàng và tiện lợi. Dụng cụ đo laser & Kỹ thuật số.

Levelling Remote:
Tải ứng dụng
hoàn toàn
miễn phí!

Tương thích với các máy đo nhiệt độ sau:



GTC 400 C Professional



GTC 600 C Professional



GIS 1000 C Professional



Tương thích với các máy cân mực sau:



GCL 2-50 CG Professional



GLL 3-80 CG Professional



BOSCH

PHỤ KIỆN CHUYÊN NGHIỆP

Bosch là nhà cung cấp hàng đầu thế giới về phụ kiện dụng cụ điện cầm tay. Danh mục sản phẩm đa dạng với ba phân loại hiệu suất, đáp ứng mọi yêu cầu công việc.

Công cụ tốt nhất cho bạn - Phụ kiện chuyên nghiệp của Bosch





LỰA CHỌN VỆN TOÀN

3 Phân Loại Hiệu Suất Giúp Người Dùng Chọn Lựa Đúng Đắn Nhất

Giờ đây, người dùng sẽ dễ dàng chọn đúng phụ kiện cho công việc hơn nhờ vào phân loại hiệu suất của Bosch. Mỗi hạng hiệu suất đều được phân loại phù hợp với nhiều hoạt động khác nhau và giúp người dùng tự tin chọn ra phụ kiện phù hợp nhất

EXPERT

PRO



Hiệu suất hàng đầu

Tăng năng suất

Chất lượng đáng tin cậy



EXPERT

Hiệu suất hàng đầu

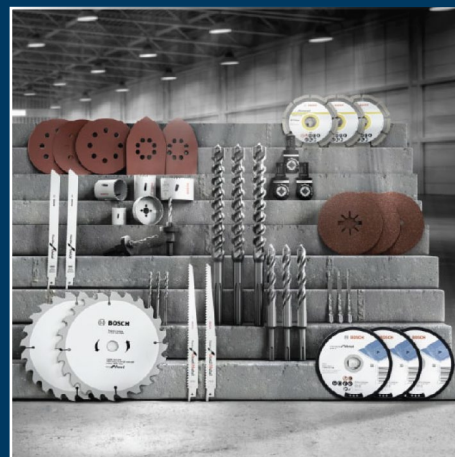
Bosch EXPERT đồng nghĩa với hiệu suất hàng đầu và công nghệ tiên tiến, phản ánh cam kết của chúng tôi về sự vượt trội và đổi mới. Dòng phụ kiện EXPERT của chúng tôi giúp bạn xử lý các vật liệu khó nhất và đáp ứng yêu cầu thi công theo tiêu chuẩn cao nhất.



PRO

Tăng năng suất

Bosch PRO cung cấp danh mục sản phẩm phụ kiện toàn diện cho mọi công việc. Mỗi phụ kiện trong dòng PRO đều được thiết kế chuyên dụng để đạt hiệu quả khi xử lý vật liệu và thi công, cho phép bạn nâng cao năng suất hơn.



Chất lượng đáng tin cậy

Bosch hoàn thiện danh mục sản phẩm và cung cấp phụ kiện có chất lượng đáng tin cậy mà người dùng trên toàn thế giới đã và vẫn tin tưởng qua nhiều thập kỷ. Các phụ kiện trong dòng này được thiết kế để giúp bạn hoàn thành công việc.

Đáp ứng mọi thử thách, vượt mọi kỳ vọng, lựa chọn vẹn toàn.

Khi bạn đối mặt với một trong những danh mục sản phẩm về phụ kiện dụng cụ điện lớn nhất thế giới, việc tìm phụ kiện phù hợp cho công việc có thể trở nên khó khăn.

Để giúp bạn dễ dàng tìm đúng dụng cụ, chúng tôi đã chia toàn bộ danh mục sản phẩm thành 3 phân loại hiệu suất riêng biệt.

Giải thích về bao bì

Thông tin kỹ thuật

2 608 900 670	
EXPERT MultiMaterial	12mm
125 Ø mm	X-LOCK
M14/Ø 22,23mm	

Vật liệu

- Bê tông cốt thép
- Bê tông
- Gạch
- Đá mềm

Công nghệ

DIAMOND TECHNOLOGY

Phù hợp với thương hiệu

UNIVERSAL BRAND FIT

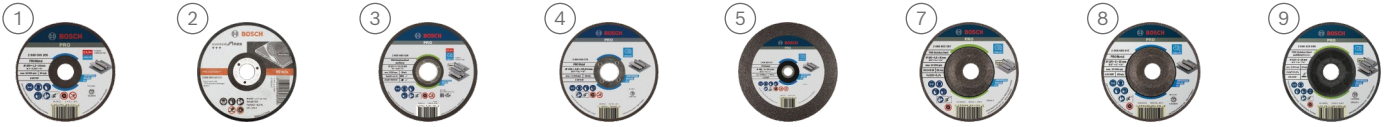
Hiệu suất

UP TO 4*

Lợi ích chính

LONG LIFE

1. ĐÁ CẮT, ĐÁ MÀI, ĐÁ NHẪM XẾP



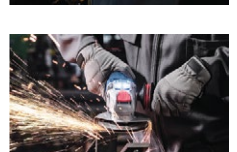
Hình	Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày (mm)	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ
ĐÁ CẮT							
Loại máy tương thích: Máy mài góc GWS							
①	2608600266	100	16.0	1.2	Sắt	PRO	PH
	2608600267	100	16.0	2.0	Sắt	PRO	PH
	2608600091	100	16.0	2.5	Sắt	PRO	PH
	2608619343	105	16.0	1.2	Sắt	BOSCH line	CN
	2608619701	105	16.0	1.2	Sắt	BOSCH line	CN
②	2608603413	105	16.0	1.0	Inox	BOSCH line	CN
③	2608600549	125	22.2	1.0	Inox	PRO	DE
	2608600094	125	22.2	2.0	Inox	PRO	TR
④	2608600270	125	22.2	2.8	Sắt	PRO	PH
	2608600854	150	22.2	2.8	Sắt	PRO	PH
	2608600095	180	22.2	2.0	Inox	PRO	EN
	2608600272	180	22.2	3.3	Sắt	PRO	PH
	2608600274	230	22.2	3.3	Sắt	PRO	PH



ĐÁ CẮT							
Loại máy tương thích: Máy cắt sắt GCO							
⑤	2608600276	305	25.4	3.0	Sắt	PRO	PH
	2608602751	355	25.4	3.0	Sắt	PRO	CN
	2608619766	355	25.4	2.8	Sắt	BOSCH line	CN



ĐÁ MÀI							
Loại máy tương thích: Máy mài góc GWS							
⑦	2608602267	100	16.0	5.8	Inox	PRO	PH
⑧	2608600017	100	16.0	6.0	Sắt	PRO	PH
	2608602488	125	22.2	6.0	Inox	PRO	DE
	2608600263	125	22.2	6.3	Sắt	PRO	PH
	2608600855	150	22.2	6.0	Sắt	PRO	PH
	2608600540	180	22.2	6.0	Inox	PRO	DE
	2608600264	180	22.2	6.6	Sắt	PRO	PH
	2608600265	230	22.2	6.0	Sắt	PRO	PH



ĐÁ MÀI LINH HOẠT							
Loại máy tương thích: Máy mài góc GWS							
⑨	2608620690	100	16.0	2.0	Inox	PRO	PH



KÉO DÀI TUỔI THỌ

Mép cắt siêu bền nhờ sử dụng công nghệ kim cương

CHỐNG HAO MÒN ĐỘ DÀI CẮT

Thân thép chắc chắn giúp duy trì độ dài cắt không đổi

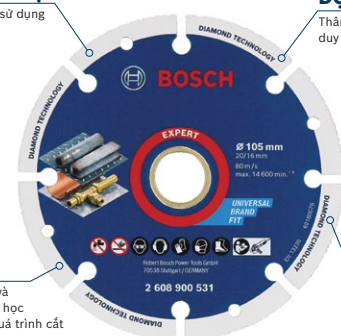
CHỐNG VỠ

Không vỡ khi va đập và không tạo ra mùi hóa học kèm bụi than trong quá trình cắt

TỐC ĐỘ CẮT ỔN ĐỊNH

Các lỗ tản nhiệt và thiết kế khe đào giúp tránh biến dạng và đảm bảo tốc độ cắt ổn định

Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Ứng dụng	Tiêu chuẩn
2608900531	105	20/16	Cắt sắt	EN 13236
2608900535	180	22.23	Cắt sắt	EN 13236
2608900536	230	22.23	Cắt sắt	EN 13236
2608900537	355	25.4	Cắt sắt	EN 13236



1. ĐÁ CẮT, ĐÁ MÀI, ĐÁ NHÁM XẾP

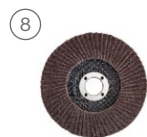
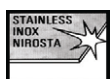


**high
SPEED**



ĐÁ CẮT & ĐÁ MÀI EN 12413 – NHÓM CHUYÊN DỤNG

Hình	Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày (mm)	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ	Loại máy tương thích
①	2608600539	115	22.2	6	Inox	PRO	EU	Máy mài góc GWS
②	2608600094	125	22.2	2	Inox	PRO	EU	
③	2608600220	125	22.2	1.6	Inox	PRO	EU	
	2608600394	125	22.2	2.5	Sắt	PRO	EU	
④	2608600549	125	22.2	1	Inox	PRO	EU	
⑤	2608602221	125	22.2	1.2	Inox	PRO	EU	
	2608602488	125	22.2	6	Inox	PRO	EU	
	2608600321	180	22.2	3	Sắt	PRO	EU	
	2608600322	180	22.2	3	Inox	PRO	EU	
	2608600540	180	22.2	6	Inox	PRO	EU	
⑥	2608600096	230	22.2	2	Inox	PRO	EU	
⑦	2608600324	230	22.2	3	Sắt	PRO	EU	
	2608600541	230	22.2	6	Inox	PRO	EU	
	2608600649	300	22.2	3.2	Sắt	PRO	EU	Máy cắt sắt GCO



ĐÁ NHÁM XẾP

Hình	Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày (mm)	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ	Loại máy tương thích
⑧	2608601675	100	16.0	36	Sắt	BOSCH line	CN	Máy mài góc GWS
	2608601676	100	16.0	60	Sắt	BOSCH line	CN	
	2608601677	100	16.0	80	Sắt	BOSCH line	CN	
⑨	2608601688	125	22.23	40	Sắt	BOSCH line	CN	
	2608601689	125	22.23	60	Sắt	BOSCH line	CN	
	2608601690	125	22.23	80	Sắt	BOSCH line	CN	
	2608601692	180	22.23	40	Sắt	BOSCH line	CN	
	2608601693	180	22.23	60	Sắt	BOSCH line	CN	
	2608601694	180	22.23	80	Sắt	BOSCH line	CN	
	2608601695	180	22.23	120	Sắt	BOSCH line	CN	



2. ĐĨA CẮT ĐÁ, BÊ TÔNG



Mã hàng	Tên sản phẩm
2608603606	Bánh mài bê tông 100mm Universal (Mới)

3. MŨI KHOAN KIM CỨNG MỚI



Hình	Mã hàng	Tên sản phẩm	Đường kính	Ứng dụng	Xuất xứ
①	2608599049	Mũi khoan kim cương 6mm	6	Khoan gạch cứng - siêu cứng	CN
	2608599050	Mũi khoan kim cương 8mm	8		CN
	2608599051	Mũi khoan kim cương 10mm	10		CN
	2608599052	Mũi khoan kim cương 12mm	12		CN
	2607011626	Mũi khoan kim cương 6+6+8mm	6+6+8		CN



GIẢI PHÁP KHOAN VƯỢT TRỘI

Tuổi thọ mũi khoan lên đến 20 lỗ

TỐC ĐỘ KHOAN ỔN ĐỊNH

Chỉ mất 20 giây để tạo ra một lỗ khoan

KHOAN ÍT TỐN SỨC

Mũi khoan sắc bén, khả năng khoan mạnh mẽ

TỐI ƯU CHO KHOAN KHÔ

Mũi khoan phủ sáp giúp hấp thụ nhiệt, làm mát mũi

MŨI KHOAN GẠCH CỨNG HEX-9 MỚI



Mã hàng	Tên sản phẩm
2608900587	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 3x90mm
2608900588	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 4x90mm
2608900589	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 5x90mm
2608900590	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 6x90mm
2608900591	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 7x90mm
2608900592	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 8x90mm
2608900593	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 10x90mm
2608900594	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 12x90mm
2608900595	Bộ 3 mũi khoan gạch cứng Hex-9 5/6/8x90mm
2608901683	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 5.5x90mm
2608900597	Bộ 5 mũi khoan gạch cứng Hex-9 4/5/6/8/10x90mm
2608902366	Bộ 2 mũi khoan gạch cứng và đa năng Hex-9 6mm
2608902367	Bộ 2 mũi khoan gạch cứng và đa năng Hex-9 8mm

TUỔI THỌ CAO

Ngay cả đối với những loại gạch cứng nhất nhờ có nhiều đầu mài cải tiến (đã được cấp bằng sáng chế)

DỄ SỬ DỤNG

Không cần làm mát mũi, ngăn ngừa trượt băng và đảm bảo quá trình khoan trơn tru

TƯƠNG THÍCH CHO NHIỀU LOẠI MÁY

Kẹp an toàn (truyền 100% điện năng) cho máy khoan và người điều khiển, nhờ vào chấu lực giác



CARBIDE TECHNOLOGY

MŨI KHOAN ĐA NĂNG HEX-9 MỚI



KHOAN CHÍNH XÁC

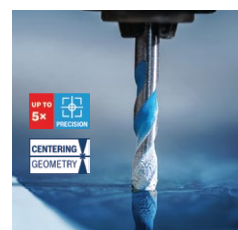
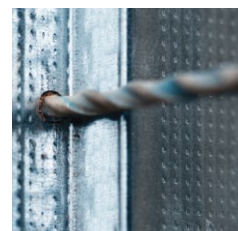
Đễ dàng khoan với độ chính xác cao nhờ Bosch Centering Geometry và mở lỗ chính xác với đầu định tâm sắc bén

KHOAN NHANH

Rãnh hút bụi tối ưu để khoan nhanh và hiệu quả

ĐỘ BỀN CAO

Đầu carbide hiệu suất cao, được chế tạo từ cơ chế mài mịn



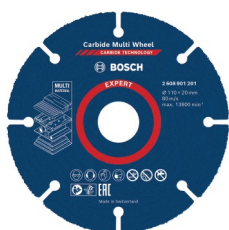
Mã hàng	Tên sản phẩm
2608900569	Mũi khoan đa năng Hex-9 (3x45x90mm)
2608900570	Mũi khoan đa năng Hex-9 (4x45x90mm)
2608900571	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5x50x100mm)
2608900572	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5.5x60x100mm)
2608900574	Mũi khoan đa năng Hex-9 (6x60x100mm)
2608900579	Mũi khoan đa năng Hex-9 (7x50x100mm)
2608900581	Mũi khoan đa năng Hex-9 (8x50x100mm)
2608900582	Mũi khoan đa năng Hex-9 (10x90x150mm)
2608900573	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5.5x90x150mm)
2608900575	Mũi khoan đa năng Hex-9 (6x90x150mm)
2608900577	Mũi khoan đa năng Hex-9 (6.5x100mm)
2608900580	Mũi khoan đa năng Hex-9 (7x90x150mm)
2608900583	Mũi khoan đa năng Hex-9 (12x90x150mm)
2608900584	Mũi khoan đa năng Hex-9 (3 mũi 5/6/8mm)
2608900585	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5 mũi 4/5/6/6/8mm)
2608900586	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5 mũi 5/5/6/7/8mm)
2608902346	Mũi khoan đa năng Hex-9 (3.5x45x90mm)
2608902347	Mũi khoan đa năng Hex-9 (4x90x150mm)

Mã hàng	Tên sản phẩm
2608902348	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5x90x150mm)
2608902353	Mũi khoan đa năng Hex-9 (6x200x250mm)
2608902349	Mũi khoan đa năng Hex-9 (6.5x90x150mm)
2608902354	Mũi khoan đa năng Hex-9 (6.5x200x250mm)
2608902355	Mũi khoan đa năng Hex-9 (7x200x250mm)
2608902350	Mũi khoan đa năng Hex-9 (8x90x150mm)
2608902356	Mũi khoan đa năng Hex-9 (8x200x250mm)
2608902362	Mũi khoan đa năng Hex-9 (8x350x400mm)
2608902351	Mũi khoan đa năng Hex-9 (9x90x150mm)
2608902357	Mũi khoan đa năng Hex-9 (10x200x250mm)
2608902363	Mũi khoan đa năng Hex-9 (10x350x400mm)
2608902352	Mũi khoan đa năng Hex-9 (11x90x150mm)
2608902358	Mũi khoan đa năng Hex-9 (12x200x250mm)
2608902364	Mũi khoan đa năng Hex-9 (12x350x400mm)
2608902359	Mũi khoan đa năng Hex-9 (14x150x200mm)
2608902360	Mũi khoan đa năng Hex-9 (14x200x250mm)
2608902361	Mũi khoan đa năng Hex-9 (16x150x200mm)
2608902365	Mũi khoan đa năng Hex-9 (16x350x400mm)

LƯỚI CỬA ĐA NĂNG



CARBIDE TECHNOLOGY



Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Ứng dụng
2608901196	76	10	Cắt đa vật liệu
2608901201	110	20/16	Cắt đa vật liệu
2608901188	115	22,23	Cắt đa vật liệu
2608901189	125	22,23	Cắt đa vật liệu

ĐỘ BỀN CAO

Đặc tính siêu bền nhờ vào công nghệ Carbide Technology của Bosch. Với kỹ thuật kết nối laser tạo liên kết siêu bền, hạt carbide được gắn rất chặt vào phần thân thép

TỐC ĐỘ CẮT ỔN ĐỊNH

Phần thân làm bằng thép cao cấp giúp đảm bảo tốc độ và độ sâu không đổi khi hoạt động.

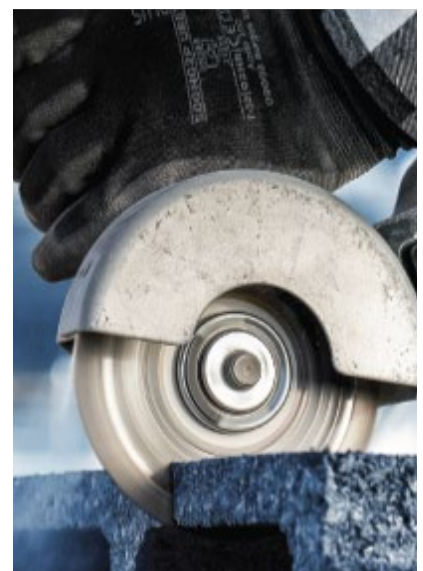


4. ĐĨA CẮT KIM CƯƠNG



Loại máy tương thích: Máy mài góc GWS/ Máy cắt gạch GDM/ GDC

Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dài me (mm)	Độ dày (mm)	Ứng dụng	Xuất xứ
2608603615	105	16	8.0	1.4	Ceramic	CN
2608603740	105	20/16	7	1.6	Đa Năng	CN
2608602468	110	20/16	12.0	2.0	Đa Năng	CN
2608603613	105	16	8.0	1.8	Đa Năng	CN
2608603726	105	20/16	7.0	1.9	Đa Năng	CN
2608603727	105	20/16	7.0	1.9	Bê Tông	CN
2608603728	105	20/16	7.0	1.9	Marble /Granite	CN
2608603729	105	20/16	7.0	1.9	Ceramic	CN
2608615111	125	22.2	10.0	2.0	Đa Năng	CN
1608615112	150	22.2	10.0	2.2	Đa Năng	CN
1608615113	180	22.2	10.0	2.4	Đa Năng	CN
1608615114	230	22.2	10.0	2.6	Đa Năng	CN
2608603329	125	22.2	11.0	2.0	Đa Năng	CN
2608603330	150	22.2	11.0	2.0	Đa Năng	CN
2608603331	180	22.2	11.0	2.2	Đa Năng	CN
2608603332	230	22.2	11.0	2.4	Đa Năng	CN
2608602199	180	22.2	11.0	2.0	Bê tông	CN
2608602197	125	22.2	11.0	1.6	Bê tông	CN
2608602200	230	22.2	11.0	2.3	Bê tông	CN



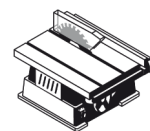
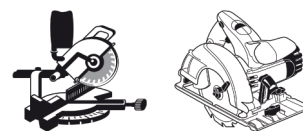
5. LƯỚI CỬA GỖ



LƯỚI CỬA GỖ - NHÓM CHUYÊN DỤNG

Loại máy tương thích: Máy cửa GKS / GCM / GTS Máy mài góc GWS

Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày me / Độ dày thân (mm)	Số răng	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ
2608901595	85	15	1.1/07	20	Gỗ	PRO	CN
2608642967	100	20	2.0/1.4	40	Gỗ	PRO	CN
2608644190	110	20	1.8/1.0	40	Gỗ	PRO	CN
2608644191	125	20	1.8/1.0	40	Gỗ	PRO	CN
2608642971	160	25.4	2.0/1.4	40	Gỗ	PRO	CN
2608642972	160	25.4	2.0/1.4	60	Gỗ	PRO	CN
2608642982	184	25.4	2.0/1.4	24	Gỗ	PRO	CN
2608642983	184	25.4	2.0/1.4	30	Gỗ	PRO	CN
2608642984	184	25.4	2.0/1.4	40	Gỗ	PRO	CN
2608642985	184	25.5	2.0/1.4	60	Gỗ	PRO	CN
2608642999	235	30	2.2/1.5	40	Gỗ	PRO	CN
2608643000	235	30	2.2/1.5	60	Gỗ	PRO	CN
2608643007	254	30	2.5/1.8	40	Gỗ	PRO	CN
2608643008	254	30	2.5/1.8	60	Gỗ	PRO	CN
2608643009	254	30	2.5/1.8	80	Gỗ	PRO	CN
2608643001	254	25.4	2.5/1.8	40	Gỗ	PRO	CN
2608643002	254	25.4	2.5/1.8	60	Gỗ	PRO	CN
2608643003	254	25.4	2.5/1.9	80	Gỗ	PRO	CN
2608643005	254	25.4	2.5/1.8	120	Gỗ	PRO	CN
2608643024	305	30	2.5/1.8	40	Gỗ	PRO	CN
2608643025	305	30	2.5/1.8	60	Gỗ	PRO	CN
2608643026	305	30	2.5/1.8	80	Gỗ	PRO	CN
2608643027	305	30	2.5/1.8	100	Gỗ	PRO	CN
2608643021	305	25.4	2.5/1.8	40	Gỗ	PRO	CN
2608643032	356	30	3.2/2.2	30	Gỗ	PRO	CN
2608643033	356	30	3.2/2.2	60	Gỗ	PRO	CN
2608643034	356	30	3.2/2.2	80	Gỗ	PRO	CN



LƯỚI CỬA GỖ - NHÓM DÂN DỤNG (TIẾT KIỆM)

Loại máy tương thích: Máy cửa GKS / GCM / GTS Máy mài góc GWS

Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày me / Độ dày thân (mm)	Số răng	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ
2608644669	110	20	1.6/1	12	Gỗ	CoolTeq	CN
260844718	184	25.4	1.6/1.1	16	Gỗ	CoolTeq	CN
260844720	235	30	2/1.4	20	Gỗ	CoolTeq	CN
260844721	254	30	2.2/1.6	24	Gỗ	CoolTeq	CN
2608644315	110	20	1.8	30	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644319	110	20	1.8	40	Đa năng	Nhóm dân dụng	CN
2608644316	110	20	1.8/1.1	40	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644317	180	25.4	2.6	40	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644318	180	25.4	2.6	60	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644303	184	25.4	2.2/1.4	24	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608833305	230	30	2.8/1.8	40	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644306	230	30	2.8/1.8	60	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644308	250	25.4	3.0/2.0	40	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644309	250	25.4	3.0/2.0	60	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644310	250	25.4	3.0/2.0	80	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644311	250	25.4	3.0/2.0	100	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644312	250	25.4	3.0/2.0	120	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN



LƯỚI CẮT NHÔM ĐA NĂNG

Loại máy tương thích: Máy cửa GCM / GTS

Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày me / Độ dày thân (mm)	Số răng	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ
2608642198	254	25.4/16	2.7/2.0	100	Nhôm	PRO	CN
2608901584	254	25.4/16	2.7/2.0	120	Nhôm	PRO	CN
2608901585	254	30/25	2.7/2.0	100	Nhôm	PRO	CN
2608901586	254	30/25	2.7/2.0	120	Nhôm	PRO	CN
2608644314	250	25.4	3.0/2.2	120	Nhôm	Nhóm tiết kiệm	CN



6. LƯỠI CỬA LỌNG

BI-METAL


①



②



③



LƯỠI CỬA LỌNG CHO GỖ (BỘ 5 LƯỠI)

Loại máy tương thích: Máy cửa lọng GST

Hình	Mã hàng	Tên hiệu	Chiều dài lưỡi (mm)	Chất liệu	Loại	Xuất xứ
①	2608900551	T 308 B - Gỗ mềm - ván ép 5-50mm	91.0	HCS	Expert 'Wood 2-side Clean'	CH
	2608900555	T 308 BO - Cắt cung tròn. Gỗ mềm - ván ép 5-50mm	91.0	HCS	Expert 'Wood 2-side Clean'	CH
	2608630031	T 101 AO - Cắt cung tròn. Gỗ mềm - ván ép 1.5~15mm	56.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630014	T 101 BR - Gỗ mềm, ván ép, ván MDF, 3~30mm	74.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630030	T 101 B - Gỗ mềm-ván ép-MDF - 3-10mm - ống plastic Ø <30mm	74.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630032	T 101 D - Gỗ mềm-ván ép-MDF - 10-45mm	74.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630040	T 144 D - Gỗ mềm 5~50mm - ván ép	74.0	HCS	Speed For Wood	CH
②	2608630058	T 244 D - Cắt cung tròn. Gỗ mềm 5~50mm - ván ép	74.0	HCS	Speed For Wood	CH
③	2608630033	T 111 C - Gỗ mềm 4~50mm - ván ép	74.0	HCS	Basic For Wood	CH
	2608631404	T 234 X - Gỗ mềm 3-65mm, ván dăm, ván ép lõi gỗ, ván sợi	117.0	HCS	Progressor for Wood	CH


 speed **FOR** Metal

④



⑤



LƯỠI CỬA LỌNG CHO SẮT (BỘ 5 LƯỠI)

Loại máy tương thích: Máy cửa lọng GST

Hình	Mã hàng	Tên hiệu	Chiều dài lưỡi (mm)	Chất liệu	Loại	Xuất xứ
④	2608655106	T 121 AFC - Sắt tấm 1~3mm	67.0	BIM	Speed For Metal	CH
	2608636705	T 321 AF - Sắt tấm 1~3mm. Sắt ống - nhôm - sợi thủy tinh <65mm	106.0	BIM	Speed For Metal	CH
⑤	2608631013	T 118 A - Sắt tấm dày trung bình 1.5~3mm	67.0	HSS	Basic For Metal	CH
	2608631014	T 118 B - Sắt tấm dày trung bình 2.5~6mm	67.0	HSS	Basic For Metal	CH
	2608634994	T 345 XF - Gỗ xây dựng có đinh - gỗ cứng < 65mm; sợi thủy tinh 3-10mm - nhôm & sắt tấm 3-10mm	106.0	BIM	Progressor for Wood and Metal	CH
	2608635177	T 113 A - Các tông, polystyrene, thảm, da, cao su <50mm	100.0	HCS	Special for Soft-Material	CH
	2608631404	T 318 B - Sắt tấm dày trung bình 2,5-6mm, Sắt ống - nhôm <65mm	106.0	HSS	Basic For Metal	CH


 special **FOR** SoftMaterial

⑥



LƯỠI CỬA LỌNG CHO INOX (BỘ 5 LƯỠI)

Loại máy tương thích: Máy cửa lọng GST

Hình	Mã hàng	Tên hiệu	Chiều dài lưỡi (mm)	Chất liệu	Loại	Xuất xứ
⑥	2608900561	T118 AHM - Inox dày trung bình 1.5~3mm (bộ 3 lưỡi)	59.0	Tungsten Carbide	Expert 'Stainless Steel'	CH
	2608631017	T127 D - Nhôm tấm dày trung bình 3~15mm - ống kim loại Ø <30mm (bộ 5 lưỡi)	74.0	HSS	Special For Alu	CH
	2608633104	T130 RIFF - Gạch men mềm - gang (5-15) - cắt thô (bộ 3 lưỡi)	59.0	HM/ TC	Special For Ceramics	CH
	2608633105	T150 RIFF - Gạch men mềm - gang (5-10) - cắt mịn (bộ 3 lưỡi)	59.0	HM/ TC	Special For Ceramics	CH



LƯỠI CẮT CẠNH

Loại máy tương thích: Máy cửa cạnh GSC

Mã hàng	Tên hiệu	Tên hiệu	Loại	Xuất xứ
2607010025	Lưỡi cắt cạnh (bộ 5 lưỡi)	Thích hợp cho kim loại mềm. Dùng với máy GSC 2.8	Shear blade sets	DE

BỘ LƯỠI CỬA LỌNG HỖN HỢP (BỘ 15 LƯỠI)

Loại máy tương thích: Máy cửa lọng GST

Mã hàng	Tên hiệu	Xuất xứ
2607011436	Bộ 15 lưỡi cửa lọng gỗ (9 lưỡi T144DP, 5 lưỡi T101BF & 1 lưỡi T144DHM)	CH
2607011438	Bộ 15 lưỡi cửa lọng đa năng (4 lưỡi T144DP, 4 lưỡi T101BF, 3 lưỡi T121BF, 1 lưỡi T367XHM & 3 lưỡi T345XF)	CH

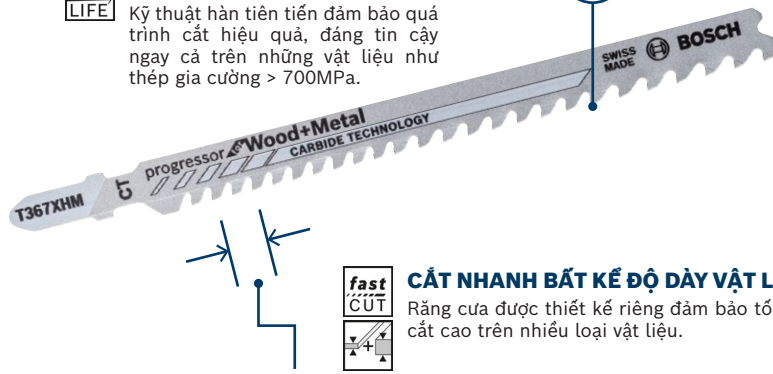
6. LƯỚI CỬA LÔNG

CÔNG NGHỆ CARBIDE TỬ BOSCH

extra
long
LIFE

TUỔI THỌ VƯỢT TRỘI

Kỹ thuật hàn tiên tiến đảm bảo quá trình cắt hiệu quả, đáng tin cậy ngay cả trên những vật liệu như thép gia cường > 700MPa.



CẮT NHANH BẤT KỂ ĐỘ DÀY VẬT LIỆU

Răng cưa được thiết kế riêng đảm bảo tốc độ cắt cao trên nhiều loại vật liệu.



Carbide Endurance - Thép không gỉ

Xuất sắc ngay cả với những loại sắt khó cắt nhất

- ▶ Thép tấm không gỉ
- ▶ Thép tấm hợp kim
- ▶ Thép gia cường



Carbide Clean - Nhựa tổng hợp

Thích hợp để cắt vật liệu nhựa composite - Gỗ nhựa tổng hợp (WPC)

- ▶ Ván lát sàn
- ▶ Hàng rào
- ▶ Ván bọc ngoài



Carbide Progressor - Gỗ và sắt

Chinh phục mọi thử thách của những vật liệu xây dựng mới:

- ▶ Gỗ tấm bọc sắt/gia cố sắt
- ▶ Gỗ có đinh cứng
- ▶ Gỗ có vít thép



Carbide Endurance - Thạch cao, vữa

Chuyên dùng cho những vật liệu xây dựng làm từ khoáng chất:

- ▶ Xi măng sợi và thạch cao tấm, Vd: Drywall, Fermacell®
- ▶ Tấm chắn được làm từ những vật liệu khoáng chất, Vd: Eternit, Hardboard
- ▶ Tấm nhựa, ống và bề mặt bằng sợi thủy tinh gia cố

TỐT NHẤT TRONG TẦM GIÁ: TỐI ƯU HIỆU SUẤT CỦA BẠN

KIM LOẠI

Endurance for SS CARBIDE TECHNOLOGY T118AHM EXPERT Stainless Steel CARBIDE TECHNOLOGY BOSCH SWISS MADE

Mã hàng	Tên	Vật liệu cắt (mm)	Độ dài (mm)	Độ cao răng (mm)	Số lượng mỗi vi
2608900561	T 118 AHM	Thép tấm không gỉ (1.5-3)	54	1.1	3
2608900562	T 118 EHM	Thép tấm không gỉ (2-5)	54	1.4	3

NHỰA VÀ VẬT LIỆU ĐẶC BIỆT

Carbide Special for Ceramics

Mã hàng	Tên	Vật liệu cắt (mm)	Độ dài (mm)	Độ cao răng (mm)	Số lượng mỗi vi
2608633104	T 130 RF	Ceramics	59		5

Clean for

Mã hàng	Tên	Vật liệu cắt (mm)	Độ dài (mm)	Độ cao răng (mm)	Số lượng mỗi vi
6208636781	T 102 BF	PMMA	68	1.8	5
6208667446	T 102 H	Tấm VC/ PA/ PS	77	2.3	5
6208667444	T 102 D	PP/ PE	77	4	5
6208667448	T 302 H	Tấm và bề mặt PVC/ PA/ PS	109	2.3	5
6208635187	T 313 AW	Thảm/ da/ cao su (<100)	129		3

Endurance for CARBIDE TECHNOLOGY T301CHM clean PlasticComposites CARBIDE TECHNOLOGY BOSCH SWISS MADE

Mã hàng	Tên	Vật liệu cắt (mm)	Độ dài (mm)	Độ cao răng (mm)	Số lượng mỗi vi
2608633175	T 141 HM	Vật liệu xi măng và sợi (5-20)	77	4.3	3
2608667450	T 301 CHM	Nhựa bề mặt rắn	89	3.3	3
2608633176	T 341 HM	Vật liệu xi măng và sợi (5-20)	109	4.3	3

Carbide Strip

Tuổi thọ vượt trội

Công nghệ Carbide của Bosch đảm bảo hiệu suất cắt trên những vật liệu rắn với tuổi thọ đáng kể.



Cắt sạch với thép tấm không gỉ
Độ cao răng độc quyền (1.1mm).



Carbide Strip

Cắt sạch trong những ứng dụng với nhựa tổng hợp

Dài lưỡi carbide chất lượng cao của Bosch mang đến những vết cắt cực kì sạch.



Tuổi thọ vượt trội

Kỹ thuật hàn tiên tiến đảm bảo kéo dài tuổi thọ lưỡi cưa.

7. LƯỚI CỦA KIẾM

PHẦN 1. CÔNG NGHỆ CARBIDE GIẢI PHÁP HOÀN HẢO CHO NHỮNG TÁC VỤ KHÓ KHĂN NHẤT

Lưỡi của kiếm mới với Công nghệ Carbide của Bosch có thể dễ dàng cắt xuyên qua kể cả các vật liệu cứng nhất như thép hợp kim, thép cứng, thép không gỉ, ống gang hoặc khung cửa sổ có vít cứng. Giải pháp hoàn hảo cho các tác vụ khó khăn nhất.

Endurance for Heavy Metal

Lý tưởng cho sắt siêu cứng



Phù hợp với:

- ▶ Thép cứng (hợp kim, không gỉ, đã rèn)
- ▶ Gang thép

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1155 CHM	225	8	2608653182
S 955 CHM	150	8	2608653180

Endurance for Vehicle Rescue

Thiết kế dành riêng cho cứu hộ giao thông



Phù hợp với:

- ▶ Khung gia cường A/B/C của xe hơi
- ▶ Kính chắn gió, cửa, khung gầm

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1157 CHM	225	8	2608653132
S 957 CHM	150	8	2608653130

Endurance for Stainless Steel

Tối ưu cho cắt Inox



Phù hợp với:

- ▶ Ống và thép tấm không gỉ

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1022 EHM	200	18	2608653098
S 922 EHM	150	18	2608653097

Progressor for Wood + Metal

Sử dụng đa năng cho mọi vật liệu



Phù hợp với:

- ▶ Gỗ có đinh hoặc ốc vít cứng
- ▶ Vật liệu tổng hợp sợi nhựa

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1156 XHM	225	6-8	2608653100
S 956 XHM	150	6-8	2608653099

Endurance for Hard Nail Pallets

Thiết kế riêng cho pallet đóng đinh



Phù hợp với:

- ▶ Sửa chữa pallet, đặc biệt là pallet đóng đinh cứng

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1122 CHM	225	8	658 327

Endurance for Wood

Tốc độ vượt trội cho gỗ dày



Phù hợp với:

- ▶ Gỗ dày các loại (cả gỗ mềm và cứng)
- ▶ Rễ cây

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1142 KHM	225	3	2608653274

Endurance for Aerated Concrete

Tuổi thọ vượt trội



Phù hợp với:

- ▶ Các khối bê tông xây dựng
- Ví dụ: YTONG, Siporex

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1241 HM	300	3	2608650972
S 2041 HM	400	2	2608650975

Endurance for Brick

Tuổi thọ vượt trội



Phù hợp với:

- ▶ Gạch đục lỗ theo chiều dọc
- Ví dụ: Gạch poroton

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1243 HM	305	2	2608650355
S 2043 HM	455	2	2608650356

Endurance for Fiber Plaster

Tuổi thọ vượt trội



Phù hợp với:

- ▶ Tấm vữa xi măng và tấm ốp mặt tiền
- ▶ Tấm thạch cao

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 641 HM	150	6	2608650970

Basic for Cast Iron

Tuổi thọ vượt trội



Phù hợp với:

- ▶ Gang dẻo hoặc gang có nốt

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1130 RF	225	30	2608650969



PHẦN 2. BI-METAL VÀ THÉP CARBON LIÊN KẾT LINH ĐỘNG VÀ BỀN CHẮT CHO TUỔI THỌ VƯỢT TRỘI

Flexible for Metal

Linh hoạt và bền bỉ



Phù hợp với:

- ▶ Sắt tấm
- ▶ Bề mặt/ ống

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1122 BF	225	14	2608656019
S 1122 EF	225	18	2608656020

Progressor for Metal

Cắt đa năng và cắt nhanh



Phù hợp với:

- ▶ Sắt tấm
- ▶ Bề mặt/ ống

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 123 XF	150	8-14	2608654402

Heavy for Metal

Vết cắt chính xác



Phù hợp với:

- ▶ Sắt tấm
- ▶ Bề mặt/ ống

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1126 BEF	225	14+18	2608657395
S 1126 CHF	225	8+10	2608657398

Endurance for Heavy

Mạnh mẽ và chính xác



Phù hợp với:

- ▶ Kim loại tấm
- ▶ Bề mặt/ ống

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1127 BEF	225	14+18	2608657524
S 1136 CHF	225	8+10	2608657526

Heavy for Metal

Lý tưởng cho việc cắt sắt dày



Phù hợp với:

- ▶ Thép tấm dày
- ▶ Ống và bề mặt cứng

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1120 CF	225	8+10	2608656255
S 920 CF	150	8+10	2608654820

Heavy for Metal

Lý tưởng cắt kim loại cỡ vừa



Phù hợp với:

- ▶ Sắt tấm cỡ vừa
- ▶ Bề mặt/ ống mỏng

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1125 VF	225	10/14	2608657408
S 925 VF	150	10/14	2608657407

Heavy for Wood and Metal

Cắt nhanh và mạnh mẽ



Phù hợp với:

- ▶ Gỗ có đinh/sắt
- ▶ Sợi thủy tinh gia cố nhựa / epoxy
- ▶ Bề mặt nhựa

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1411 DF	300	6	2608654763

Progressor for Wood and Metal

Cắt đa năng và cắt nhanh



Phù hợp với:

- ▶ Gỗ có đinh/sắt
- ▶ Sợi thủy tinh gia cố nhựa / epoxy
- ▶ Bề mặt nhôm

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 3456 XF	200	6-12	2608654406

Top for Wood

Sắc, nhanh và hiệu quả



Phù hợp với:

- ▶ Gỗ xây dựng và ván MDF
- ▶ Ván dăm, ván ép

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 644 D	150	6	2608650673

Progressor for Wood

Đa dụng và thoải mái



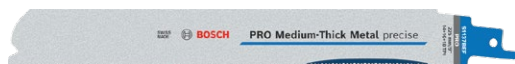
Phù hợp với:

- ▶ Gỗ xây dựng và ván MDF
- ▶ Ván dăm, ván ép

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 2345 X	200	6-10	2608654404



7. LƯỚI CỬA KIỂM



LƯỚI CỬA KIỂM

Loại máy tương thích: Máy cửa kiểm GSA

Mã hàng	Tên hiệu	Dài x ngang x dày (mm)	Chất liệu	Loại	Đóng gói	Xuất xứ
2608656014	S 922 BF - Kim loại tấm dày trung bình 3-8mm-ống kim loại đặc $\varnothing < 100\text{mm}$ ①	150 x 19 x 0.9	BIM	Flexible For Metal	Bộ 5 lưỡi	CH
2608656019	S 1122 BF - Kim loại tấm dày trung bình 3-8mm-ống kim loại đặc $\varnothing < 175\text{mm}$	225 x 19 x 0.9	BIM	Flexible For Metal	Bộ 5 lưỡi	CH
2608650676	S 1531 L - Gỗ tươi & Gỗ khô $\varnothing < 190\text{mm}$	225 x 19 x 1.25	HCS	Basic For Wood	Bộ 5 lưỡi	CH
2608651781	S 918 BF - Kim loại tấm dày trung bình 1 ~ 3 mm- ống kim loại đặc $\varnothing < 100\text{ mm}$	150 x 16 x 0.8	BIM	Basic For Wood	Bộ 5 lưỡi	CH
2608654402	S 123 XF - Cắt đa năng và cắt nhanh, phù hợp với sắt tấm hoặc bề mặt ống	150 x 19 x 0.9	BIM	Progressor for Metal	Bộ 5 lưỡi	CH
2608654404	S 2345 X - Gỗ xây dựng, ván MDF, ván dăm	200 x 19 x 1.25	HCS	Progressor for Metal	Bộ 5 lưỡi	CH
2608900360	S 922 EHM - Inox, ống thép không gỉ	150 x 19 x 1	Tungsten Carbide	Expert Thin Tough Metal	Bộ 1 lưỡi	CH
2608658994	S 1137 BEF - Kim loại tấm dày trung bình 2-6mm, ống kim loại $\varnothing < 175\text{mm}$	225 x 25 x 1.1	BIM	Medium-Thick Metal	Bộ 5 lưỡi	CH



8. PHỤ KIỆN CẮT ĐA NĂNG



MŨI KHOAN GỖ XOẮN ỐC

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB / GDR

Mã hàng	Tên hiệu	Xuất xứ
2607017034	Bộ 07 mũi khoan gỗ 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10mm	CN
2607019322	Bộ 06 mũi khoan gỗ Auger 10, 12, 14, 16, 18, 20mm	CN

8. PHỤ KIỆN CẮT ĐA NĂNG

STARLOCK

STARLOCK



AIZ 10 AB
BIM, 10×20 mm
2 608 661 641



AIZ 20 AB
BIM, 20×30 mm
2 608 661 640



AIZ 32 APB
BIM, 32×50 mm
2 608 661 644



All 65 APB
BIM, 65×40 mm
2 608 661 781



ACZ 85 EB
BIM, Ø 85 mm
2 608 661 636



ACZ 100 BB
BIM, Ø 100 mm
2 608 661 633



AIZ 32 EPC
HCS, 32×50 mm
2 608 661 637



AIZ 32 BSPC
HCS, 32×50 mm
2 608 662 360



AIZ 32 BSPB
BIM, 32×50 mm
2 608 661 645



All 65 APC
HCS, 65×40 mm
2 608 662 357



All 65 BSPB
BIM, 65×40 mm
2 608 662 017



All 65 BSPC
HCS, 65×40 mm
2 608 662 354



ACZ 85 EC
HCS, Ø 85 mm
2 608 661 643



AIZ 20 AT
Carbide, 20×40 mm
2 608 662 019



AIZ 32 AB
BIM, 32×50 mm
2 608 661 688



AIZ 32 AT
Carbide, 32×40 mm
2 608 662 018



NEW! AIZ 45 AT
Carbide, 45×40 mm
2 608 664 348



ACZ 70 RT5
Carbide, Ø 70 mm
2 608 661 692



ACZ 85 RT3
Carbide, Ø 85 mm
2 608 669 120



ACZ 85 RD4
Diamond, Ø 85 mm
2 608 661 689



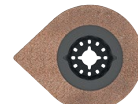
AIZ 32 RT5
Carbide, 32×30 mm
2 608 661 868



AVZ 32 RT4
Carbide, 32×50 mm
2 608 662 611



AVZ 32 RT10
Carbide, 32×50 mm
2 608 662 610



AVZ 70 RT4
Carbide, Ø 70 mm
2 608 661 757



NEW! AVZ 90 RT2
Carbide, Ø 90 mm
2 608 664 351



NEW! AVZ 90 RT4
Carbide, Ø 90 mm
2 608 662 906



NEW! AVZ 90 RT6
Carbide, Ø 90 mm
2 608 662 907



NEW! AVZ 90 RT10
Carbide, Ø 90 mm
2 608 662 908



AIZ 28 SC
HCS, 28×40 mm
2 608 661 691



ASZ 32 SC
HCS, 24×11 mm
2 608 662 431



ACZ 85 EIB
BIM-TiN, Ø 85 mm
2 608 669 125



ACZ 100 SWB
BIM, Ø 100 mm
2 608 661 693



ATZ 52 SC
HCS, 52×26 mm
2 608 661 646



ATZ 52 SFC
HCS, 52×38 mm
2 608 661 647



NEW! AYZ 53 BPB
BIM, 53×40 mm
2 608 664 202



NEW! AIZ 32 APT
Carbide, 32×50 mm
2 608 664 214



NEW! ALI 12 SC
Inox, 4×29×12 mm
2 608 664 231



AVZ 93 G
Ø 93 mm
2 608 669 125



AUZ 70 G
70×55 mm
2 608 662 346



13-piece Universal Set

Part no. **2 608 661 694**

- 1 × ACZ 85 EB
- 1 × AIZ 32 ABP
- 1 × ATZ 52 SC
- 10 × Expert for Wood and Paint



4-piece Tile Set

Part no. **2 608 661 695**

- 1 × ACZ 85 RT3
- 1 × AVZ 78 RT2
- 1 × ATZ 52 SC
- 1 × AIZ 20 AB



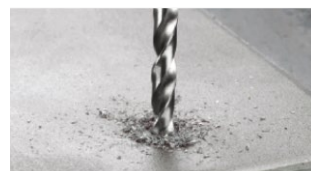
NEW! Best of Cutting 4+1

Part no. **2 608 664 131**

- 1 × AIZ 32 AT
- 1 × AIZ 32 BSPB
- 1 × AIZ 32 APB
- 1 × All 65 APB
- 1 × ACZ 85 EB

9. MŨI KHOAN SẮT & INOX

MŨI KHOAN SẮT HSS-G DIN 338



BỘ 10 MŨI

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608595049	1.0	12	34	CN
2608595050	1.5	18	40	CN
2608595051	2.0	24	49	CN
2608595052	2.2	27	53	CN
2608595053	2.5	30	57	CN
2608595054	2.8	33	61	CN
2608595055	3.0	33	61	CN
2608595056	3.2	36	65	CN
2608595057	3.3	36	65	CN
2608595058	3.5	39	70	CN
2608595332	3.6	39	70	CN
2608595059	4.0	43	75	CN
2608595060	4.2	43	75	CN
2608595333	4.4	47	80	CN
2608595061	4.5	47	80	CN
2608595334	4.8	52	86	CN
2608595062	5.0	52	86	CN
2608595063	5.2	52	86	CN
2608595064	5.5	57	93	CN
2608595065	5.8	57	93	CN
2608595066	6.0	57	93	CN
2608595067	6.2	63	101	CN
2608595335	6.4	63	101	CN
2608595068	6.5	63	101	CN
2608595336	6.7	63	101	CN
2608595069	6.8	69	109	CN
2608595070	7.0	69	109	CN
2608595337	7.2	69	109	CN
2608595071	7.5	69	109	CN

BỘ 5 MŨI

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608595072	8.0	75	117	CN
2608595073	8.5	75	117	CN
2608595074	8.8	81	125	CN
2608595075	9.0	81	125	CN
2608595076	9.5	81	125	CN
2608595338	9.8	87	133	CN
2608595077	10.0	87	133	CN
2608595078	10.5	87	133	CN
2608595079	11.0	94	142	CN
2608595080	11.5	94	142	CN
2608595081	12.0	101	151	CN
2608595082	12.5	101	151	CN
2608595083	13.0	101	151	CN

BỘ 4 MŨI

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608585593	14.0	108	160	CN
2608585594	15.0	114	169	CN
2608585595	16.0	120	178	CN

BỘ MŨI KHOAN SẮT HSS-R

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Tên hiệu	Xuất xứ
2608577349	Bộ mũi khoan HSS 13 mũi, 1.5 - 6.5 mm	CN
2608577348	Bộ mũi khoan HSS 10 mũi, 1 - 10 mm	CN

MŨI KHOAN SẮT VÀ INOX HSS - CO DIN 338



BỘ 10 MŨI

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608585872	1.0	12	34	CN
2608585873	1.5	18	40	CN
2608585874	2.0	24	49	CN
2608585875	2.5	30	57	CN
2608585876	3.0	33	61	CN
2608585877	3.2	36	65	CN
2608585878	3.3	36	65	CN
2608585879	3.5	39	70	CN
2608585880	4.0	43	75	CN
2608585881	4.1	43	75	CN
2608585882	4.2	43	75	CN
2608585883	4.5	47	80	CN
2608585884	4.8	52	86	CN
2608585885	5.0	52	86	CN
2608585886	5.1	52	86	CN
2608585887	5.2	57	93	CN
2608585888	5.5	57	93	CN
2608585889	6.0	57	93	CN
2608585890	6.5	63	101	CN
2608585891	6.8	63	109	CN
2608585892	7.0	69	109	CN
2608585893	7.5	69	109	CN

BỘ 5 MŨI

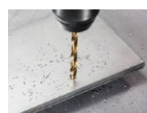
Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608585894	8.0	75	117	CN
2608585895	8.5	75	117	CN
2608585896	9.0	81	125	CN
2608585897	9.5	81	125	CN
2608585898	10.0	87	133	CN
2608585899	10.2	87	133	CN
2608585900	10.5	87	133	CN
2608585901	11.0	94	142	CN
2608585902	11.5	94	142	CN
2608585903	12.0	101	151	CN
2608585904	12.5	101	151	CN
2608585905	13.0	101	151	CN

BỘ HỖN HỢP

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM/ GSR/ GSB

Mã hàng	Tên hiệu	Xuất xứ
2607011436	Bộ mũi khoan INOX HSS-Co 13 mũi, 1.5 - 6.5mm	CN
2607017047	Bộ mũi khoan INOX HSS-Co 18 mũi, 1 - 10mm	CN



10. MŨI KHOAN TỬ CARBIDE



Loại máy tương thích: Máy khoan tử

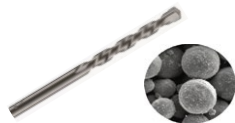
Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài (mm)	Cây định tâm	Xuất xứ	
2608577483	14	35	2608577507 (PL6035)	CN	
2608577484	16	35		CN	
2608577484	18	35		CN	
2608577486	20	35		CN	
2608577487	22	35		CN	
2608577488	24	35		CN	
2608577489	26	35		2608577508 (PL6035)	CN
2608577490	28	35			CN
2608577491	30	35			CN
2608577492	32	35			CN
2608577493	35	35			CN
2608577494	40	35			CN
2608577495	14	50	2608577509 (PL6050)	CN	
2608577496	16	50		CN	
2608577497	18	50		CN	
2608577498	20	50		CN	
2608577499	22	50		CN	
2608577500	24	50		2608577510 (PL8050)	CN
2608577501	26	50	CN		
2608577502	28	50	CN		
2608577503	30	50	CN		
2608577504	32	50	CN		
2608577505	35	50	CN		
2608577506	40	50	CN		



11. MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP



CONCRETE



MULTICONSTRUCTION



MŨI KHOAN TƯỜNG CYL 2

Loại máy tương thích: Máy khoan GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608578114	3	30	60	CN
2608578115	4	40	75	CN
2608578116	5	50	85	CN
2608578117	5.5	50	85	CN
2608578118	6	60	100	CN
2608578119	6.5	60	100	CN
2608578120	8	80	120	CN
2608578159	9	80	120	CN
2608578121	10	80	120	CN
2608578122	12	90	150	CN
2608578123	14	90	150	CN
2608578160	16	90	150	CN
2608578124	Bộ 3 mũi (Ø 6, 8, 10 mm)			CN
2608578155	Bộ 5 mũi (Ø 4, 5, 6, 8, 10 mm)			CN
2608578156	Bộ 8 mũi (Ø 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 mm)			CN

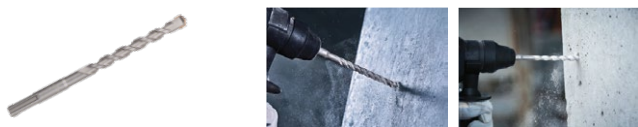
MŨI ĐA NĂNG (GỖ, NHÔM, TƯỜNG, GẠCH MEN) - CYL 4

Loại máy tương thích: Máy khoan GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608680696	3.0	40	70	CN
2608680697	4.0	40	75	CN
2608680698	5.0	50	85	CN
2608680699	5.5	50	85	CN
2608680792	6.0	60	100	CN
2608680793	6.5	60	100	CN
2608680794	7.0	60	100	CN
2608680795	8.0	80	120	CN
2608680796	10.0	80	120	CN
2608680797	12.0	90	150	CN
2608680798	Bộ 5 mũi (Ø 4, 5, 6, 8, 10 mm)			CN

12. MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI GÀI

MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI GÀI 4 KHÓA (SDS PLUS)



MŨI KHOAN PLUS 5X (Đường kính 5 - 16mm)

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (2/3/4 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608706863	5	50	110	CN
2608706864	5	100	160	CN
2608706865	5	50	210	CN
2608706869	5,5	50	110	CN
2608706870	5,5	100	160	CN
2608706871	5,5	150	210	CN
2608706875	6	50	110	CN
2608706876	6	100	160	CN
2608706877	6	150	210	CN
2608706878	6	200	260	CN
2608706881	6,5	50	110	CN
2608706882	6,5	100	160	CN
2608706883	6,5	150	210	CN
2608706884	6,5	200	260	CN
2608706886	7	50	110	CN
2608706887	7	100	160	CN
2608706888	7	150	210	CN
2608706890	8	50	110	CN
2608706891	8	100	160	CN
2608706892	8	150	210	CN
2608706893	8	200	260	CN
2608706894	8	250	310	CN
2608706895	8	300	360	CN
2608706896	8	400	460	CN
2608706898	9	100	160	CN
2608706899	9	150	210	CN
2608706901	10	50	110	CN
2608706902	10	100	160	CN
2608706903	10	150	210	CN
2608706904	10	200	260	CN
2608706905	10	250	310	CN
2608706906	10	300	360	CN
2608706907	10	400	460	CN
2608706909	11	100	160	CN
2608706910	11	150	210	CN
2608706911	11	200	260	CN
2608706912	12	100	160	CN
2608706913	12	150	210	CN
2608706914	12	200	260	CN
2608706915	12	250	310	CN
2608706916	12	300	360	CN
2608706917	12	400	460	CN
2608706920	13	100	160	CN
2608706921	13	150	210	CN
2608706922	13	200	260	CN
2608706923	14	100	160	CN
2608706924	14	150	210	CN
2608706925	14	200	260	CN
2608706926	14	250	310	CN
2608706927	14	300	360	CN
2608706928	14	400	460	CN
2608706931	15	100	160	CN
2608706932	15	200	260	CN
2608706933	15	400	460	CN
2608706934	16	150	210	CN
2608706935	16	200	260	CN
2608706936	16	250	310	CN
2608706937	16	300	360	CN
2608706938	16	400	460	CN



MŨI KHOAN PLUS 5X (Đường kính 18 - 25mm)

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (2/3/4 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608706943	18	150	200	CN
2608706945	18	400	450	CN
2608706950	20	150	200	CN
2608706951	20	250	300	CN
2608706952	20	400	450	CN
2608706954	22	200	250	CN
2608706955	22	400	450	CN
2608706957	24	200	250	CN
2608706958	24	400	450	CN
2608706959	25	200	250	CN
2608706960	25	400	450	CN



MŨI KHOAN SDS PLUS-1

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (2/3/4 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608680257	4	50	110	CN
2608680258	5	50	110	CN
2608680259	5	100	160	CN
2608680262	6	50	110	CN
2608680263	6	100	160	CN
2608680264	6	150	210	CN
2608680265	6,5	50	110	CN
2608680266	6,5	100	160	CN
2608680267	7	50	110	CN
2608680268	7	100	160	CN
2608680269	8	50	110	CN
2608680270	8	100	160	CN
2608680271	8	150	210	CN
2608680272	8	200	260	CN
2608680273	10	100	160	CN
2608680274	10	150	210	CN
2608680275	10	200	260	CN
2608680276	10	400	460	CN
2608680277	12	100	160	CN
2608680278	12	150	210	CN
2608680279	12	200	260	CN
2608680280	12	400	460	CN
2608680281	14	100	160	CN
2608680282	14	150	210	CN
2608680283	14	200	260	CN
2608680284	14	400	460	CN
2608680285	16	150	210	CN
2608680286	16	250	310	CN
2608680287	16	400	460	CN
2608680288	18	200	260	CN
2608680289	18	400	460	CN
2608680290	20	200	260	CN
2608680291	20	400	460	CN
2608680292	22	200	260	CN
2608680293	22	400	460	CN
2608680294	25	200	260	CN
2608680295	25	400	460	CN

Mã hàng	Tên hiệu	Xuất xứ
2608579911	Bộ 11 mũi khoan SDS+ plus 1 (6x110mm)	CN
2608579708	Bộ 11 mũi khoan SDS+ plus 1 (6x160mm)	CN
2608579912	Bộ 11 mũi khoan SDS+ plus 1 (8x110mm)	CN
2608579709	Bộ 11 mũi khoan SDS+ plus 1 (8x160mm)	CN
2608579710	Bộ 11 mũi khoan SDS+ plus 1 (10x160mm)	CN
2608579711	Bộ 11 mũi khoan SDS+ plus 1 (12x160mm)	CN

MŨI KHOAN SDS PLUS 7X MỚI



ĐỘ BỀN CAO

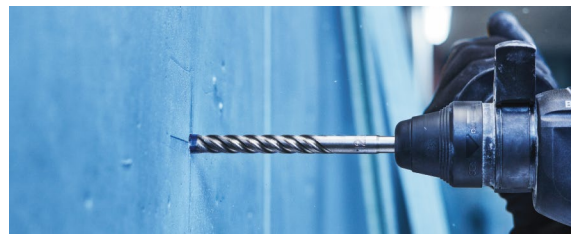
Đầu mũi khoan siêu bền nhờ công nghệ Carbide Technology của Bosch

KHOAN XUYÊN BÊ TÔNG CỐT THÉP

Cắt xuyên bê tông cốt thép với đầu mũi 4 lưỡi cắt hoàn toàn bằng carbide

KHOAN THẲNG VÀ CHÍNH XÁC

Ứng dụng công nghệ hàn của Bosch cho đầu mũi khoan có khả năng chống mài mòn cao



Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608900055	3,5	50	115	DE
2608900056	3,5	100	165	DE
2608900057	4	50	115	DE
2608900058	4	100	165	DE
2608900059	5	50	115	DE
2608900060	5	100	165	DE
2608900061	5	150	215	DE
2608900062	5	200	265	DE
2608900063	5	250	315	DE
2608900064	5	400	465	DE
2608900065	5,5	50	115	DE
2608900066	5,5	100	165	DE
2608900067	5,5	150	215	DE
2608900068	5,5	200	265	DE
2608900069	5,5	250	315	DE
2608900070	5,5	400	465	DE
2608900071	6	50	115	DE
2608900072	6	100	165	DE
2608900073	6	150	215	DE
2608900074	6	200	265	DE
2608900075	6	250	315	DE
2608900076	6	400	465	DE
2608900077	6,5	50	115	DE
2608900078	6,5	100	165	DE
2608900079	6,5	150	215	DE
2608900080	6,5	200	265	DE
2608900081	6,5	250	315	DE
2608900082	6,5	400	465	DE
2608900083	7	50	115	DE
2608900084	7	100	165	DE
2608900085	7	150	215	DE
2608900086	7	200	265	DE
2608900087	8	50	115	DE
2608900088	8	100	165	DE
2608900089	8	150	215	DE
2608900090	8	200	265	DE
2608900091	8	250	315	DE
2608900092	8	300	365	DE
2608900093	8	400	465	DE
2608900094	9	100	165	DE
2608900095	9	150	215	DE
2608900096	10	50	115	DE
2608900097	10	100	165	DE
2608900098	10	150	215	DE
2608900099	10	200	265	DE
2608900100	10	250	315	DE
2608900101	10	300	365	DE
2608900102	10	400	465	DE
2608900103	10	550	615	DE
2608900104	10	950	1000	DE
2608900105	11	100	165	DE

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608900106	11	150	215	DE
2608900107	11	200	265	DE
2608900108	12	100	165	DE
2608900109	12	150	215	DE
2608900110	12	200	265	DE
2608900111	12	250	315	DE
2608900112	12	300	365	DE
2608900113	12	400	465	DE
2608900114	12	550	615	DE
2608900115	12	950	1000	DE
2608900116	13	100	165	DE
2608900117	13	150	215	DE
2608900118	13	200	265	DE
2608900119	14	100	165	DE
2608900120	14	150	215	DE
2608900121	14	200	265	DE
2608900122	14	250	315	DE
2608900123	14	300	365	DE
2608900124	14	400	465	DE
2608900125	14	550	615	DE
2608900126	14	950	1000	DE
2608900127	15	100	165	DE
2608900128	15	200	265	DE
2608900129	15	400	465	DE
2608900130	16	150	215	DE
2608900131	16	200	265	DE
2608900132	16	250	315	DE
2608900133	16	400	465	DE
2608900134	16	550	615	DE
2608900135	16	950	1000	DE
2608900136	17	150	215	DE
2608900137	17	250	315	DE
2608900138	18	200	265	DE
2608900139	18	400	450	DE
2608900140	18	550	600	DE
2608900141	18	950	1000	DE
2608900142	20	200	265	DE
2608900143	20	400	450	DE
2608900144	20	550	600	DE
2608900145	20	950	1000	DE
2608900146	22	200	265	DE
2608900147	22	400	450	DE
2608900148	22	550	600	DE
2608900149	22	950	1000	DE
2608900150	24	400	450	DE
2608900151	25	400	450	DE
2608900152	25	550	600	DE
2608900153	25	950	1000	DE
2608900154	28	400	450	DE
2608900155	30	400	450	DE

* Nếu khách hàng có nhu cầu với kích thước mũi khác, vui lòng liên hệ Nhân viên Kinh Doanh Bosch.

12. MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI GÀI

MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI GÀI 5 KHÍA (SDS MAX)



MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS MAX - 2

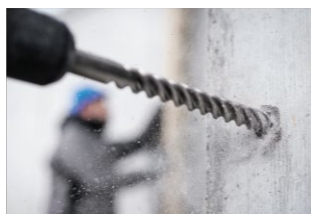
Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (5/8 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608578003	12	195	340	CN
2608578005	14	195	340	CN
2608578007	16	195	340	CN
2608578010	18	195	340	CN
2608578013	18	395	540	CN
2608578014	20	195	340	CN
2608578017	20	395	540	CN
2608578018	22	195	340	CN
2608578021	22	395	540	CN
2608578022	25	195	340	CN
2608578025	25	395	540	CN
2608578026	28	195	340	CN
2608578029	28	395	540	CN
2608578030	30	195	340	CN
2608578032	30	395	540	CN
2608578035	32	395	540	CN
2608578037	35	395	540	CN
2608578039	40	395	540	CN
2608578152	32	740	920	CN

MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS MAX - 4

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (5/8 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608685860	16	200	340	CN
2608685861	16	400	540	CN
2608685862	18	200	340	CN
2608685863	18	400	540	CN
2608685864	20	200	320	CN
2608685865	20	400	520	CN
2608685866	22	200	320	CN
2608685867	22	400	520	CN
2608685868	25	200	320	CN
2608685869	25	400	520	CN
2608685870	28	200	320	CN
2608685871	28	400	520	CN
2608685872	30	200	320	CN
2608685873	30	400	520	CN
2608685874	32	200	320	CN
2608685875	32	400	520	CN
2608685876	35	400	520	CN
2608685877	40	400	520	CN



MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS MAX - 8X

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (5/8 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608900201	12	200	340	DE
2608900202	12	400	540	DE
2608900203	12	600	740	DE
2608900204	12	800	940	DE
2608900207	14	200	340	DE
2608900208	14	400	540	DE
2608900209	14	600	740	DE
2608900210	14	800	940	DE
2608900214	16	200	340	DE
2608900215	16	400	540	DE
2608900216	16	600	740	DE
2608900217	16	800	940	DE
2608900221	18	200	340	DE
2608900222	18	400	540	DE
2608900223	18	600	740	DE
2608900224	18	800	940	DE
2608900228	20	200	340	DE
2608900229	20	400	540	DE
2608900230	20	600	740	DE
2608900231	20	800	940	DE
2608900233	22	200	320	DE

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (5/8 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608900234	22	400	520	DE
2608900235	22	600	720	DE
2608900236	22	800	920	DE
2608900238	24	200	320	DE
2608900239	24	400	520	DE
2608900240	25	200	320	DE
2608900241	25	400	520	DE
2608900242	25	600	720	DE
2608900243	25	800	920	DE
2608900245	26	200	320	DE
2608900246	26	400	520	DE
2608900247	28	200	320	DE
2608900248	28	400	520	DE
2608900249	28	600	720	DE
2608900250	28	800	920	DE
2608900252	30	200	320	DE
2608900253	30	400	520	DE
2608900254	32	200	320	DE
2608900255	32	400	520	DE
2608900256	32	600	720	DE
2608900257	32	800	920	DE

13. MŨI ĐỤC



long
LIFE



MŨI ĐỤC CHUÔI GÀ 4 KHÓA (SDS PLUS)

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (2/3/4 kg đồng D)

Mã hàng	Sản phẩm	Chiều dài (mm)	Đóng gói	Xuất xứ
2608690122	Mũi đục bút chì, đầu dẹt	160	10 chiếc	CN
2608690576	Mũi đục nhọn ①	250	1 chiếc	IT
2608690394	Mũi đục dẹt ②	250	1 chiếc	IT

MŨI ĐỤC CHUÔI GÀ 5 KHÓA (SDS MAX)

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (5/8 kg đồng D), Máy đục GSH (5/9/11 kg)

Mã hàng	Sản phẩm	Chiều dài (mm)	Đóng gói	Xuất xứ
2608690168	Mũi đục nhọn R-Tec, tự mài nhọn ③	400	10 chiếc	IT
1618600012	Mũi đục nhọn ④	600	1 chiếc	IT
2608690231	Mũi đục nhọn ⑤	400	10 chiếc	IT
2608690233	Mũi đục dẹt ⑥	400	10 chiếc	IT
2608690097	Đục bản, tự mài ⑦	350	1 chiếc	IT
2608690166	Mũi đục dẹt R-Tec ⑧	400	10 chiếc	IT



MŨI ĐỤC CHUÔI LỤC GIÁC (HEX)

Mã hàng	Sản phẩm	Chiều dài (mm)	Đóng gói	Xuất xứ	
2608690111	Mũi đục nhọn, tự mài nhọn, đường kính đuôi 30 mm (dùng cho máy GSH 16-30)	⑨	400	1 chiếc	IT
2608684884	Mũi đục nhọn, đường kính 17 mm (dùng cho máy GSH 500)	⑩	280	1 chiếc	CN
2608684885	Mũi đục nhọn, đường kính 17 mm (dùng cho máy GSH 500)	⑪	280	1 chiếc	CN
2608690188	Mũi đục nhọn, đường kính 22mm (dùng cho máy GSH 14 C)	⑫	400	1 chiếc	IT
2608690190	Mũi đục dẹt, đường kính 22mm (dùng cho máy GSH 14 C)	⑬	400	1 chiếc	IT

14. ĐẦU VẶN VÍT

ĐẦU VẶN VÍT

Loại máy tương thích: Máy GBM / GSR / GSB / GDR

Hình	Mã hàng	Sản phẩm	Xuất xứ
①	2608521042	(PH 2 - 65 mm) - Màu vàng	TW
②	2608521043	(PH 2 - 110 mm) - Màu vàng	TW
③	2608522408	PH2 - 6.35x65mm	VN
④	2608522409	PH2 - 6.35x110mm	VN
⑤	2608522410	PH2 - 6.35x150mm	VN
⑥	2608522481	PH2 Power Bit - 50mm (1 đầu)	VN
	2608522483	PZ2 Power Bit - 50mm (1 đầu)	VN
	2608522484	PZ3 Power Bit - 50mm (1 đầu)	VN
	2608522485	T10 Power Bit - 50mm (1 đầu)	VN
	2608522486	T15 Power Bit - 50mm (1 đầu)	VN
	2608522487	T20 Power Bit - 50mm (1 đầu)	VN
	2608522488	T25 Power Bit - 50mm (1 đầu)	VN
	2608522489	T30 Power Bit - 50mm (1 đầu)	VN
	2608522490	T40 Power Bit - 50mm (1 đầu)	VN



15. NHỮNG PHỤ KIỆN KHÁC



1. ĐẦU KHẤU

Mã hàng	Sản phẩm	Mã hàng	Sản phẩm
1608551002	Khẩu 1/4", đầu 6, L= 25 mm	1608556033	Khẩu 3/4", đầu 36, L = 50 mm
1608551003	Khẩu 1/4", đầu 7, L= 25 mm	1608557043	Khẩu 1", đầu 24, L = 57 mm
1608551004	Khẩu 1/4", đầu 8, L= 25 mm	1608557046	Khẩu 1", đầu 27, L = 57 mm
1608551005	Khẩu 1/4", đầu 9, L= 25 mm	1608557049	Khẩu 1", đầu 30, L = 62 mm
1608551006	Khẩu 1/4", đầu 10, L= 25 mm	1608557050	Khẩu 1", đầu 32, L = 62 mm
1608551007	Khẩu 1/4", đầu 11, L= 25 mm	1608557054	Khẩu 1", đầu 36, L = 62 mm
1608551008	Khẩu 1/4", đầu 12, L= 25 mm	1608557058	Khẩu 1", đầu 41, L = 66 mm
1608551009	Khẩu 1/4", đầu 13, L= 25 mm	1608557060	Khẩu 1", đầu 46, L = 70 mm
1608552000	Khẩu 3/8", đầu 7, L = 34	1608557063	Khẩu 1", đầu 50, L = 70 mm
1608552001	Khẩu 3/8", đầu 8, L = 34	1608557067	Khẩu 1", đầu 55, L = 75 mm
1608552003	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 10 mm	2608522307	Khẩu 1/2", đầu 21, L = 44
1608552005	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 12 mm	2608522309	Khẩu 1/2", đầu 22, L = 77 - Deep
1608552006	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 13 mm	2608522311	Khẩu 1/2", đầu 27, L = 77 - Deep
1608552008	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 15 mm	2608551098	Bộ 9 chiếc 25mm 3/8" 7,8,10,12,13,15,16,17,19
1608552009	Khẩu 3/8", đầu 16, L = 34	2608551097	Bộ 9 chiếc 50mm 1/4" 6,7,8,9,10,11,12,13,14
1608552012	Khẩu 1/2", đầu 10, L = 44	2608551096	Bộ 9 chiếc 25mm 1/4" 6,7,8,9,10,11,12,13,14
1608552013	Khẩu 1/2", đầu 11, L = 44	2608551099	Bộ 9 chiếc 60mm 3/8" 7,8,10,12,13,15,16,17,19
1608552015	Khẩu 1/2", đầu 13, L = 44	2608551102	Bộ 3 chiếc 85mm 1/2" - 17, 19, 21 L = 85
1608552019	Khẩu 1/2", đầu 17, L = 44	2608551101	Bộ 9 chiếc 75mm 1/2" 10,11,13,17,19,21,22,24,27
1608552021	Khẩu 1/2", đầu 19, L = 44	2608551100	Bộ 9 chiếc 40mm 1/2" 10,11,13,17,19,21,22,24,27
1608555024	Khẩu 1/2", đầu 22, L = 44	1608552010	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 17 mm
1608555053	Khẩu 1/2", đầu 24, L = 44	1608556029	Đầu khẩu 3/4" x 44 mm x 32 mm
1608555059	Khẩu 1/2", đầu 27, L = 44	2608522301	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 19 mm
1608555065	Khẩu 1/2", đầu 30, L = 50	2608522302	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 10 mm
1608556005	Khẩu 3/4", đầu 19, L = 50 mm	2608522303	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 11 mm
1608556011	Khẩu 3/4", đầu 22, L = 50 mm	2608522304	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 13 mm
1608556015	Khẩu 3/4", đầu 24, L = 50 mm	2608522305	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 17 mm
1608556021	Khẩu 3/4", đầu 27, L = 50 mm	2608522306	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 19 mm
1608556027	Khẩu 3/4", đầu 30, L = 50 mm	2608522310	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 24 mm



2. ĐẦU BẮN TÒN

Mã hàng	Sản phẩm
2608522351	Đầu chụp nam châm: Đầu bắn tòn 8-50mm ①
2608522352	Đầu chụp nam châm: Đầu bắn tòn 10-50mm ②
2608522353	Đầu chụp nam châm: Đầu bắn tòn 13-50mm ③

15. NHỮNG PHỤ KIỆN KHÁC



3. ĐẦU KHOAN

Hình	Mã hàng	Sản phẩm		Xuất xứ
①	2608571078	Đầu khoan có khóa 10mm	3/8" - 24	CN
	2608571079	Đầu khoan có khóa 13mm	1/2" - 20	CN
②	2608572059	Đầu khoan SDS cho máy GBH 4 DFE		DE
③	2608572213	Đầu khoan 10mm, SDS plus cho máy GBH2-26DFR		DE
④	2608572212	Đầu khoan dùng với mũi chuỗi kẹp, cho máy GBH 2-26 DFR, GBH 4-32 DFR		DE
⑤	2608572253	Đầu khoan có khóa 13mm, cho khoan búa 2kg	1/2" - 20	CN
⑥	1617000132	Khớp nối SDS PLUS	1/2" - 20 UNF	IT



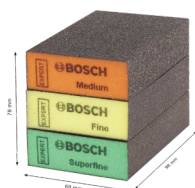
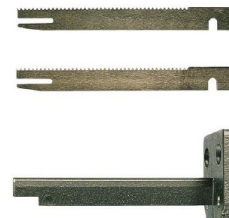
4. PHỤ KIỆN ĐÁNH BÓNG

Hình	Mã hàng	Sản phẩm	Xuất xứ	Loại máy tương thích
①	2608610001	Đĩa đánh bóng lông cừu 130mm	CH	Máy đánh bóng GPO
②	1608601006	Đĩa đánh bóng lông cừu 180mm	CH	
③	2608613005	Đĩa đánh bóng 130mm có đế dán	CH	
④	1608601006	Đĩa nhựa cho máy đánh bóng 180mm, M14	DE	
	2608601005	Đĩa nhựa dùng cho máy đánh nhám 115mm, M14	CH	Máy chà lệch tâm GEX
	2608601046	Đĩa nhựa dùng cho máy đánh nhám 100mm, M10	CH	
	1608601033	Đĩa nhựa dùng cho máy đánh nhám 125mm, M14	CH	

5. LƯỖI CẮT XỐP

Loại máy tương thích: Máy cắt xốp GSG

Mã hàng	Tên sản phẩm	Chiều dài	Số lượng đóng gói	Xuất xứ
2607018013	Lưỡi cắt	70mm (2 3/4")	2	CH
2608135023	Thanh dẫn T43D	Dùng cho lưỡi 70mm (2 3/4")	2	DE
2607018010	Lưỡi cắt	130mm (5 1/8")	2	CH
2608135020	Thanh dẫn T42A	Dùng cho lưỡi 130mm (5 1/8")	2	DE
2607018011	Lưỡi cắt	200mm (8.0")	2	DE
2608135021	Thanh dẫn T42B	Dùng cho lưỡi 200mm (8.0")	2	DE
2607018012	Lưỡi cắt	300mm (11 3/4")	2	CH
2608135022	Thanh dẫn T42C	Dùng cho lưỡi 300mm (11 3/4")	2	DE



ĐỘ BỀN CAO

Đặc tính siêu bền nhờ vào công nghệ Bosch Surface Structure, giữ vững liên kết linh hoạt giữa các hạt nhám ngay cả khi sử dụng ở những khu vực khó khăn.

TÍNH LINH HOẠT & THÍCH ỨNG TỐI ĐA

Foam tạo thành hình dạng để phân bố áp suất đều trên bề mặt, giúp dễ dàng thích ứng với bất kỳ hình dạng nào của chi tiết gia công và dễ dàng tiếp cận các khu vực khó tiếp cận nhất.

CHỐNG RÁCH

Foam cực kỳ mạnh mẽ và bền bỉ, đồng thời đảm bảo tính linh hoạt và khả năng chống rách tối ưu cho thời gian sử dụng tối đa.

GIẢI PHÁP CHÀ NHẸM BA BƯỚC

Mã màu độc đáo giúp đơn giản hóa quá trình chà nhám (loại bỏ - chuẩn bị - hoàn thiện) và phân biệt kích thước hạt nhám với nhau.

6. FOAM CHÀ GỖ EXPERT MỚI

Mã hàng	Tên sản phẩm
2608901175	Bộ nhóm Foam chà gỗ 03 miếng

16. LƯỚI KHOẾT LỖ



Loại máy tương thích: Máy vặn ốc GDR / GSR Máy khoan GBM / GSB / GBH

Mã hàng	Đường kính (mm)	Khớp nối chuỗi gài SDS	Khớp nối chuỗi lục giác Hex	Loại	Xuất xứ	Hình ảnh chuỗi gài
2608580396	14 mm	2609390035	2609390588	HSS	CN	
2608580397	16 mm			HSS	CN	
2608580398	17 mm			HSS	CN	
2608580399	19 mm			HSS	CN	
2608580400	20 mm			HSS	CN	
2608580401	21 mm			HSS	CN	
2608580402	22 mm			HSS	CN	
2608580403	24 mm			HSS	CN	
2608580404	25 mm			HSS	CN	
2608580405	27 mm			HSS	CN	
2608580406	29 mm			HSS	CN	
2608580407	30 mm			HSS	CN	
2608580408	32 mm			HSS	CN	
2608580409	33 mm			HSS	CN	
2608580410	35 mm			HSS	CN	
2608580411	37 mm			HSS	CN	
2608580412	38 mm			HSS	CN	
2608580413	40 mm			HSS	CN	
2608580414	41 mm			HSS	CN	
2608580415	43 mm			HSS	CN	
2608580416	44 mm	HSS	CN			
2608580417	46 mm	HSS	CN			
2608580418	48 mm	HSS	CN			
2608580419	51 mm	HSS	CN			
2608580420	52 mm	HSS	CN			
2608580421	54 mm	HSS	CN			
2608580422	56 mm	HSS	CN			
2608580423	57 mm	HSS	CN			
2608580424	59 mm	HSS	CN			
2608580425	60 mm	HSS	CN			
2608580426	64 mm	HSS	CN			
2608580427	65 mm	2609390036	2609390034	HSS	CN	
2608580428	67 mm			HSS	CN	
2608580429	68 mm			HSS	CN	
2608580430	70 mm			HSS	CN	
2608580431	73 mm			HSS	CN	
2608580432	76 mm			HSS	CN	
2608580433	79 mm			HSS	CN	
2608580434	83 mm			HSS	CN	
2608580435	86 mm			HSS	CN	
2608580436	89 mm			HSS	CN	
2608580437	92 mm			HSS	CN	
2608580438	95 mm			HSS	CN	
2608580439	98 mm			HSS	CN	
2608580440	102 mm			HSS	CN	
2608580441	105 mm			HSS	CN	
2608580442	108 mm			HSS	CN	
2608580443	111 mm			HSS	CN	
2608580444	114 mm			HSS	CN	
2608580445	121 mm	HSS	CN			
2608580446	127 mm	HSS	CN			
2608580447	140 mm	HSS	CN			
2608580448	152 mm	HSS	CN			



17. MŨI KHOÉT GỖ ĐUÔI CÁ EXPERT SELF CUT **MỚI**



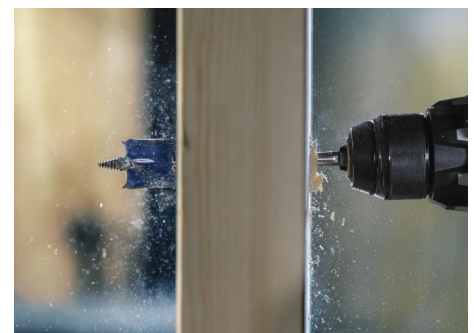
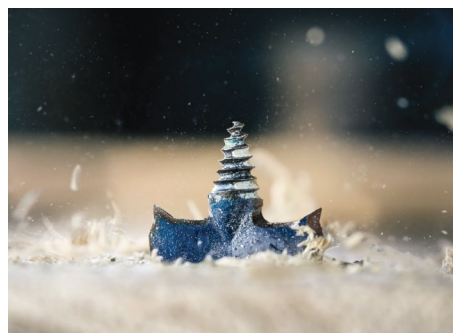
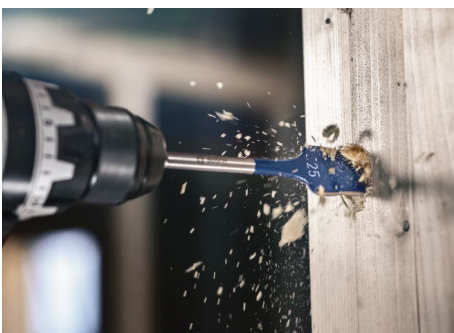
Mã hàng	Tên sản phẩm
2608900309	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 6x152mm
2608900310	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 8x152mm
2608900311	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 10x152mm
2608900312	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 12x152mm
2608900313	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 13x152mm
2608900314	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 14x152mm
2608900315	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 16x152mm
2608900316	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 17x152mm
2608900317	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 18x152mm
2608900318	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 19x152mm
2608900319	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 20x152mm
2608900320	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 22x152mm
2608900321	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 24x152mm
2608900322	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 25x152mm
2608900323	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 26x152mm
2608900324	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 28x152mm
2608900325	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 30x152mm
2608900326	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 32x152mm
2608900327	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 35x152mm
2608900328	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 36x152mm
2608900329	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 38x152mm
2608900330	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 40x152mm
2608900332	Bộ khoan gỗ đuôi cá SELFCUT 14/16/18/20/22/24mm



KHOAN DỄ DÀNG
Dễ dàng khoan nhanh nhờ Bosch Tip Technology

KHOAN NHANH
Đường ren tự dẫn tiến để có được tốc độ và dễ dàng khoan

LOẠI BỎ PHÔI NHANH
Phần đuôi cá có thiết kế lượn sóng thông minh để loại bỏ phôi nhanh



18. BỘ DỤNG CỤ

Hình	Mã hàng	Mô tả	Số chi tiết	Dòng	Xuất xứ
①	2607019510	Bộ vặn vít	10	Bỏ túi	CN
②	2607017400	Bộ vặn vít	25	Đa năng	CN
③	2607017322	Bộ vặn vít	26	Đa năng	CN
④	2607019506	Bộ vặn vít	38	Đa năng	CN
⑤	2607017164	Bộ vặn vít	43	Đa năng	CN
⑥	2607017399	Bộ vặn vít	46	Đa năng	TW
⑦	2607010608	Mũi khoan và vặn vít X-line	34	X-line	CN
⑧	2607017396	Mũi khoan và vặn vít	41	V-line	CN
⑨	2607002793	Bộ dụng cụ đa năng	12	Đa năng	CN
⑩	2607002794	Bộ dụng cụ đa năng	66	Đa năng	CN
⑪	2607002788	Bộ dụng cụ đa năng	108	Đa năng	CN



BỘ DỤNG CỤ ĐA NĂNG PICK&CLICK

Hình	Mã hàng	Mô tả	Số chi tiết
⑮	2608522421	Bộ vặn vít Pick&Click 44 món	44
⑯	2608522422	Bộ mũi khoan & vặn vít Pick&Click 20 món	20
	2608522413	Bộ vặn vít extra hard 25mm đầu PH, PZ (8 món)	
	2608522414	Bộ vặn vít extra hard 25mm đầu SL, Hex (8 món)	
	2608522415	Bộ vặn vít extra hard 25mm đầu Torx (8 món)	
	2608522416	Bộ vặn vít extra hard 25mm đầu Torx (8 món)	
	2608522423	Để giữ mũi vít	
	2608522424	Để giữ mũi vít (bao gồm đầu Hex)	
	2608522364	Hộp trống	
	2608522419	Đầu vặn vít extra hard 65mm (5 món) và bộ 3 mũi khoan HSS PointTeQ	
	2608522420	Đầu vặn vít extra hard 65mm (5 món) và bộ 3 mũi khoan Multi-construction	
	2608522417	Bộ vặn vít extra hard 65mm PH2 PZ SL6 T15,20,25, H3,4 (8 món)	
	2608522362	Hộp đựng size M	
	2608522363	Hộp đựng size L	
	2608522418	Đầu vặn ốc 6, 8, 10 và để giữ	



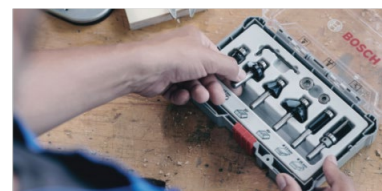
BỘ DỤNG CỤ ĐA NĂNG PICK&CLICK IMPACT MỚI

Hình	Mã hàng	Mô tả	Số chi tiết
	2607017570	Bộ mũi khoan Hex-9 và đầu vặn vít Pick and Click 35 món	35
⑰	2607017568	Bộ đầu vặn vít Pick and Click Impact Control 36 món	36
	2608522470	Bộ 3 đầu vặn vít Impact Control 25mm (PH1, PH2, PH3)	3
	2608522491	Bộ 3 đầu vặn vít Impact Control 50mm (PH1, PH2, PH3)	3
	2608522324	Bộ 8 đầu vặn vít Impact Control 25mm (PH2)	8
	2608522330	Bộ 8 đầu vặn vít Impact Control 50mm (PH2)	8
	2608522328	Bộ 8 đầu vặn vít Impact Control 50mm PH1, PH2 (3x), PH3, PZ2 (2x), PZ3	8
⑱	2608522337	Bộ 8 đầu vặn vít Impact Control 65mm (PH2) 65mm (PH2-PH2)	8
	2608522334	Bộ 8 đầu vặn vít Impact Control 65mm (PH2) 65mm (PH2-PH2) kèm đầu nam châm	8



19. BỘ MŨI PHAY

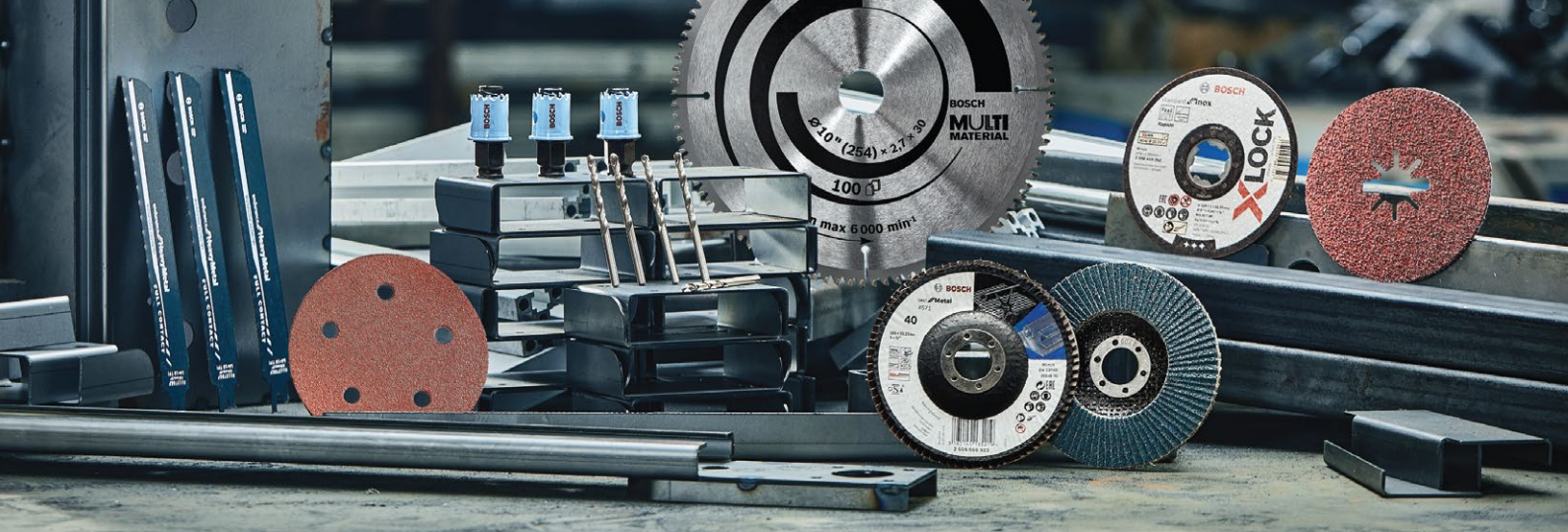
Hình	Mã hàng	Mô tả	Số chi tiết	Dòng	Xuất xứ
⑫	2607017470	Bộ mũi phay góc 6 món	6	Carbide	CN
⑬	2607017467	Bộ mũi phay thẳng 6 món	6	Carbide	CN
⑭	2607017473	Bộ mũi phay thẳng và phay góc	15	Carbide	CN



PHỤ KIỆN CHUYÊN NGHIỆP BOSCH
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG



PHỤ KIỆN CHUYÊN NGHIỆP BOSCH
GIA CÔNG KIM LOẠI



PHỤ KIỆN CHUYÊN NGHIỆP BOSCH
GIA CÔNG GỖ





BOSCH



ĐỒ NGHỀ CHUYÊN NGHIỆP BOSCH PROFESSIONAL HAND TOOLS

Đồ Nghề Chuyên Nghiệp Bosch - Pro Hand Tools

Sản phẩm	Mã hàng
Bộ tua vít 6 món đầu SL / PH	1600A016BF
Bộ tua vít 6 món đầu bóng Torx	1600A01V09
Bộ tua vít 6 món đầu SL/PH/TX/PZ	1600A02CV3
Tua vít đầu chữ thập PH1 x 100 mm	1600A01TG2
Tua vít đầu chữ thập PH2 x 125 mm	1600A01TG3
Tua vít đầu hoa thị PZ2 x 125 mm	1600A01V08
Tua vít đầu dẹp SL3.5 x 75 mm	1600A01TF8
Tua vít đầu dẹp SL4.5 x 100 mm	1600A01TF9
Tua vít đầu dẹp SL5.5 x 100 mm	1600A01TG0
Tua vít đầu dẹp SL6.5 x 125 mm	1600A01TG1
Tua vít đầu bóng TX10 x 75 mm	1600A01V0A
Tua vít đầu bóng TX15 x 75 mm	1600A01V0B
Tua vít đầu bóng TX20 x 100 mm	1600A01V0C
Tua vít đầu bóng TX25 x 100 mm	1600A01V0D
Tua vít đầu bóng TX30 x 125 mm	1600A01V0E
Tua vít đầu bóng TX40 x 125 mm	1600A01V0F
Kềm cắt 160 mm	1600A01TH9
Kềm mũi nhọn 200 mm	1600A01TH8
Kềm đầu bằng 180 mm	1600A01TH7
Kềm tuốt dây điện	1600A01V03
Bộ kềm cắt 3 món	1600A016BG
Thước cuộn 5m	1600A016BH
Thước cuộn 8m (Autolock)	1600A01V3S
Hộp 10 lưỡi dao đa năng	1600A016ZH
Dao cắt đa năng	1600A01V3H
Dao cắt ron	1600A016BL
Dao rọc cáp 175 mm	1600A01TH6
Bộ dao cắt 2 món kèm lưỡi (Dao rọc cáp & Dao cắt ron)	1600A016BM
Bộ dao đa năng 3 món	1600A027M4
Thước thủy 25 cm	1600A016BN
Thước thủy 60 cm	1600A01V3Y
Thước thủy 120 cm	1600A01V3Z
Búa chuyên dụng cho thợ nề	1600A016BT
Bộ cờ lê 10 món thép trắng	1600A02AU0
Bộ cờ lê 10 món thép đen	1600A016BU
Bộ chìa vặn 9 món đầu lục giác chữ L	1600A01TH5
Bộ chìa vặn 9 món đầu bóng chữ L	1600A01TH4
Kềm kẹp mỏ quạ 250mm	1600A02W3N
Kềm siết mỏ quạ 250mm	1600A02W3R
Kềm siết mỏ quạ dạng góc 45° 420mm	1600A02W3T
Kềm kẹp mỏ quạ dạng góc 90° 420mm	1600A02W3V
Bộ 8 thước cuộn 5m	1600A02YB3
Bộ 8 thước cuộn 8m *	1600A02YB2
Bộ 14 dao cắt ron *	1600A02YA9
Bộ 16 dao cắt đa năng *	1600A02YB0
Bộ 10 hộp lưỡi dao đa năng (50 lưỡi/hộp) *	1600A02YB1
Hộp 50 lưỡi dao đa năng *	1600A01V3J
Bộ đồ nghề chuyên nghiệp 13 món *	1600A027M3
Bộ đồ nghề chuyên nghiệp đa năng *	06159902R
Bộ tua vít & đồ nghề đa năng *	06159902S
Bộ đồ nghề chuyên nghiệp kèm túi đồ nghề GWT20 *	1600A02H5B
Bộ đồ nghề chuyên nghiệp kèm túi đựng đồ nghề *	1600A02H5C

Đồ Nghề Cách Điện VDE Bosch - VDE Hand Tools

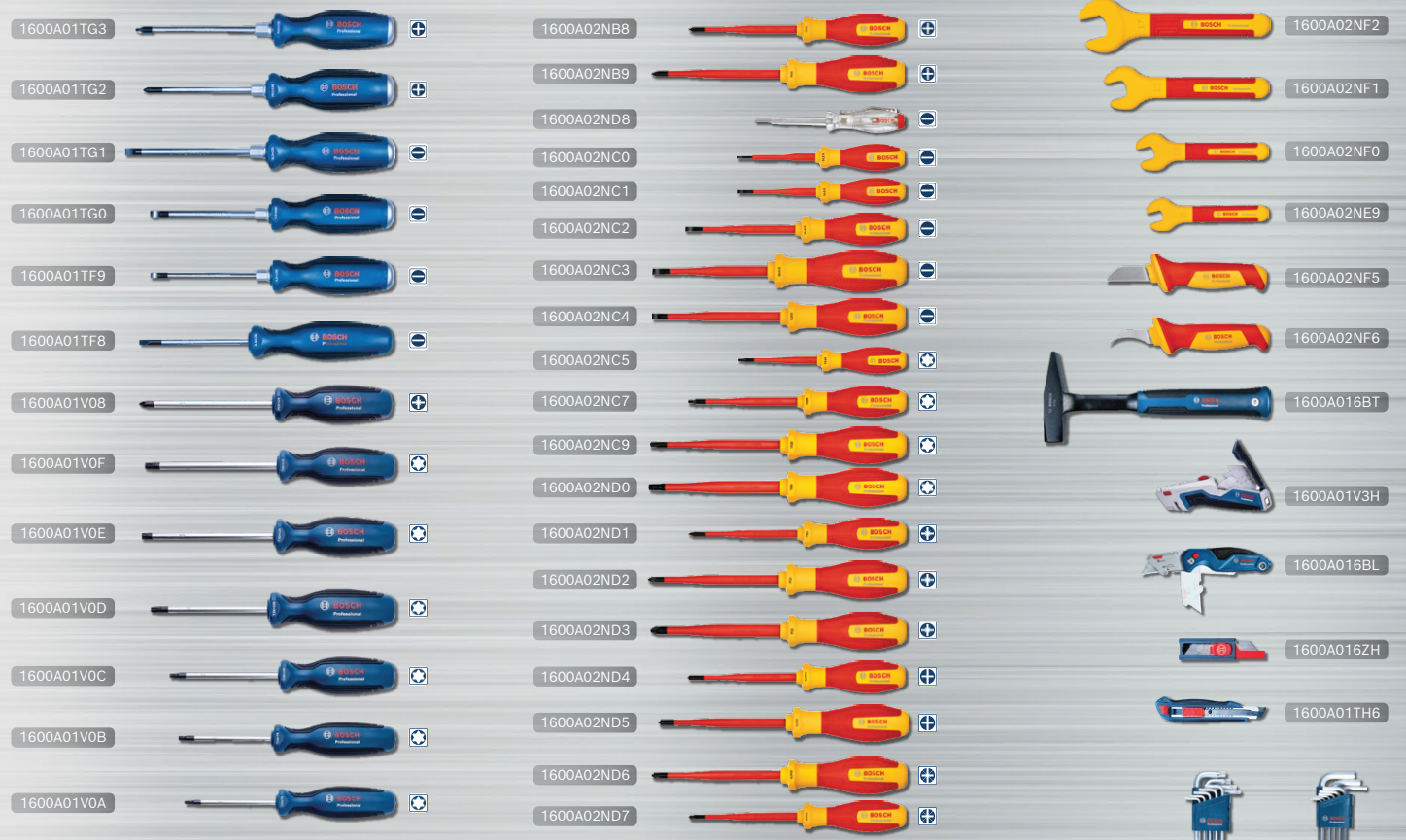
Sản phẩm	Mã hàng
Tua vít cách điện VDE đầu chữ thập PH 1 x 100mm	1600A02NB8
Tua vít cách điện VDE đầu chữ thập PH 2 x 125mm	1600A02NB9
Tua vít cách điện VDE đầu dẹp SL 2.5 x 75mm	1600A02NC0
Tua vít cách điện VDE đầu dẹp SL 3.5 x 75mm	1600A02NC1
Tua vít cách điện VDE đầu dẹp SL 4.5 x 100mm	1600A02NC2
Tua vít cách điện VDE đầu dẹp SL 5.5 x 100mm	1600A02NC3
Tua vít cách điện VDE đầu dẹp SL 6.5 x 125mm	1600A02NC4
Tua vít cách điện VDE đầu bóng TX 10 x 75mm	1600A02NC5
Tua vít cách điện VDE đầu bóng TX 15 x 75mm	1600A02NC6
Tua vít cách điện VDE đầu bóng TX 20 x 100mm	1600A02NC7
Tua vít cách điện VDE đầu bóng TX 25 x 100mm	1600A02NC8
Tua vít cách điện VDE đầu bóng TX 30 x 125mm	1600A02NC9
Tua vít cách điện VDE đầu bóng TX 40 x 125mm	1600A02ND0
Tua vít cách điện VDE đầu hoa thị PZ 1 x 100mm	1600A02ND1
Tua vít cách điện VDE đầu hoa thị PZ 2 x 125mm	1600A02ND2
Tua vít cách điện VDE đầu hoa thị PZ 3 x 125mm	1600A02ND3
Tua vít cách điện VDE đầu SL / PH 1 x 100mm	1600A02ND4
Tua vít cách điện VDE đầu SL / PH 2 x 125mm	1600A02ND5
Tua vít cách điện VDE đầu SL / PZ 1 x 100mm	1600A02ND6
Tua vít cách điện VDE đầu SL / PZ 2 x 125mm	1600A02ND7
Bút thử điện đầu dẹp SL3 SL 3 x 75mm	1600A02ND8
Cờ lê cách điện VDE 8mm	1600A02NE9
Cờ lê cách điện VDE 10mm	1600A02NF0
Cờ lê cách điện VDE 13mm	1600A02NF1
Cờ lê cách điện VDE 17mm	1600A02NF2
Bộ cờ lê cách điện VDE 4 món	1600A02NE8
Bộ đầu tuýp cách điện VDE 6 món (lục giác)	1600A02NF3
Bộ tua vít cách điện VDE 7 món đầu SL/PH	1600A02NF7
Bộ tua vít cách điện VDE 7 món đầu bóng TX	1600A02NF8
Bộ tua vít cách điện VDE 14 món	1600A02NF9
Kềm cắt cách điện VDE 160 mm	1600A02ND9
Kềm đầu bằng cách điện VDE 180 mm	1600A02NE1
Kềm cắt chéo cách điện VDE 200 mm	1600A02NE2
Kềm mũi nhọn cách điện VDE 200 mm	1600A02NE3
Kềm mỏ dài mũi cong (40°) cách điện VDE 200 mm	1600A02NE4
Kềm mỏ quạ cách điện VDE 250 mm	1600A02NE5
Kềm bấm cách điện VDE 180 mm	1600A02NE6
Kềm tuốt dây cách điện VDE 160 mm	1600A02NE7
Kềm cắt cáp cách điện VDE 200 mm	1600A02NF4
Bộ kềm cách điện VDE đa năng 4 món	1600A02NG1
Dao rọc cáp cách điện VDE	1600A02NF5
Dao rọc cáp lưỡi cong cách điện VDE	1600A02NF6
Bộ đồ nghề cách điện VDE đa năng 5 món	1600A02NG2
Bộ đồ nghề cách điện VDE đa năng 7 món	1600A02NG3
Bộ kềm cách điện 3 món *	1600A02NG0
Bộ đồ nghề đa năng 38 món *	1600A02NG4

* Sản phẩm hiện chưa được phân phối tại Việt Nam. Xin vui lòng theo dõi các thông báo từ Bosch để cập nhật thông tin mới nhất

Phòng Dục cụ điện cầm tay Bosch Việt Nam
Hotline: 1900 99 88 50
Email: Tuvankhachhang-pt@vn.bosch.com
Website: <https://vn.bosch-pt.com/vn/vi/>



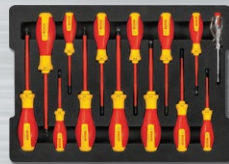
Quét mã QR tải ứng dụng Bosch BeConnected để nhận thêm nhiều ưu đãi từ Bosch



1600A02NG3 + 1600A02NF3



1600A02NG1 + 1600A02NG2



1600A02NF9



1600A02AU0



1600A01V3Z



1600A01V3Y



1600A016BN



1600A02W3T



1600A02W3V



1600A016BH



1600A01V3S



1600A01TH9



1600A01V03



1600A01TH7



1600A01TH8



1600A02NE2



1600A02NE6



1600A02NE1



1600A02NE3



1600A02NF4



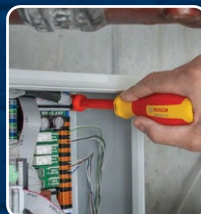
1600A02NE5



1600A02W3N



1600A02W3R





BOSCH

Sáng tạo vì cuộc sống



NGÀNH HÀNG NHÀ CỬA VÀ DỤNG CỤ SÂN VƯỜN

ĐA DẠNG - LINH HOẠT - TIỆN DỤNG

Hãy cùng Bosch chăm sóc nhà cửa và sân vườn của bạn bằng cách dễ dàng và thú vị nhất!



Dòng máy phun xịt rửa áp lực cao - gia dụng

EasyAquatak 100

Easy



Thông số kỹ thuật	
Áp lực	100 bar
Lưu lượng dòng chảy	270 l/h
Công suất	1,100 W
Trọng lượng máy	3 kg
Chiều dài ống xịt	3 m

Mã hàng **06008A7EK0**
Giá tham khảo **2,545,727 VND**



EasyAquatak 100LL

Easy



Thông số kỹ thuật	
Áp lực	100 bar
Lưu lượng dòng chảy	270 l/h
Công suất	1,100 W
Trọng lượng	3 kg
Chiều dài ống xịt	3 m

Mã hàng **06008A7EK1**
Giá tham khảo **2,609,690 VND**



EasyAquatak 110

Easy



Thông số kỹ thuật	
Áp lực	110 bar
Lưu lượng dòng chảy	300 l/h
Công suất	1,300 W
Trọng lượng	3.8 kg
Chiều dài ống xịt	3 m

Mã hàng **06008A7FK0**
Giá tham khảo **2,801,579 VND**



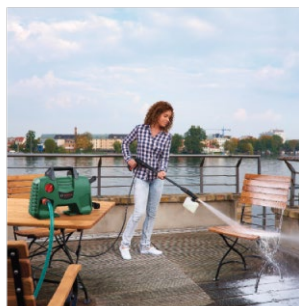
EasyAquatak 120

Easy



Thông số kỹ thuật	
Áp lực	120 bar
Lưu lượng dòng chảy	350 l/h
Công suất	1,500 W
Trọng lượng	4 kg
Chiều dài ống xịt	5 m

Mã hàng **06008A79K1**
Giá tham khảo **3,313,283 VND**



Dòng máy phun xịt rửa áp lực cao - gia dụng

UniversalAquatak 125

Universal



Thông số kỹ thuật

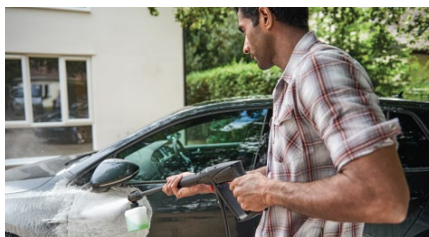
Áp lực	125 bar
Lưu lượng dòng chảy	360 l/h
Công suất	1,500 W
Trọng lượng	6.8 kg
Chiều dài ống xịt	5 m

Mã hàng

06008A7AK0

Giá tham khảo

4,080,839 VNĐ



AdvancedAquatak 140

Advanced



Thông số kỹ thuật

Áp lực	140 bar
Lưu lượng dòng chảy	450 l/h
Công suất	2100 W
Trọng lượng	18 kg
Chiều dài ống xịt	8 m

Mã hàng

06008A7DK0

Giá tham khảo

8,443,116 VNĐ



Phụ kiện dòng máy phun xịt rửa

Phụ kiện chà rửa sân Aquasurf 250



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar

Mã hàng **F016800486**
Giá tham khảo **703,593 VND**

Đầu lọc nước



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy Xịt rửa Bosch

Mã hàng **F016800577**
Giá tham khảo **235,980 VND**

Đầu phun xịt 3 trong 1



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatak 100)

Mã hàng **F016800579**
Giá tham khảo **434,948 VND**

Đầu phun 90 độ



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatak 100)

Mã hàng **F016800581**
Giá tham khảo **358,193 VND**

Ống phun áp lực nối dài 6m



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar

Mã hàng **F016800361**
Giá tham khảo **511,704 VND**

Đầu hút nước



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy Xịt rửa Bosch, ngoại trừ EasyAquatak 100

Mã hàng **F016800356**
Giá tham khảo **729,178 VND**

Đầu phun xịt có bình xà phòng

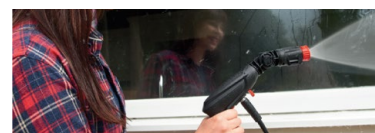


Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatak 100)

Mã hàng **F016800509**
Giá tham khảo **422,156 VND**

Súng ngắn xoay áp lực cao 360 độ



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar

Mã hàng **F016800536**
Giá tham khảo **652,423 VND**

Dây áp lực 6m

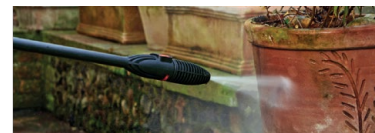


Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar

Mã hàng **F016800360**
Giá tham khảo **511,704 VND**

Đầu phun xoay



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatak 100)

Mã hàng **F016800580**
Giá tham khảo **358,193 VND**

Đầu phun điều chỉnh tia



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatak 100)

Mã hàng **F016172551**
Giá tham khảo **287,834 VND**

Phụ kiện hỗ trợ hút nước



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy Xịt rửa Bosch

Mã hàng **F016800421**
Giá tham khảo **479,723 VND**

Bàn chải



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy Xịt rửa Bosch, ngoại trừ EasyAquatak 100

Mã hàng **F016800359**
Giá tham khảo **243,059 VND**

Phụ kiện rửa ống 10m



Dùng được với máy

Tất cả các máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatak 100)

Mã hàng **F016800362**
Giá tham khảo **652,423 VND**

Dòng máy làm vườn gia dụng

Máy cắt cỏ cầm tay EasyGrassCut 23



Thông số kỹ thuật

Công suất động cơ	280 W
Chiều dài dây	6 m
Kích thước cắt	23 cm
Hệ thống cắt	Bán tự động
Tốc độ cắt	12.500 vòng/phút
Ống cước	1,6 mm x 4 m
Kích thước dụng cụ	790 x 263 x 902 mm
Kích thước đóng gói	470 x 215 x 130 mm
Trọng lượng	2 kg
Trọng lượng đóng gói	2,5 kg
Xuất xứ	Trung Quốc
Đóng gói	1 máy cắt cỏ, 1 cuộn cước 1.6mm*4m



Mã hàng **06008C1H01**
Giá tham khảo **1,085,370 VND**



Máy cắt cỏ điện Bosch Rotak 32



Thông số kỹ thuật

Công suất động cơ	1.200 W
Chiều rộng lưỡi dao	32 cm
Mô-men xoắn	13 Nm
Chiều cao cắt	20 – 60 mm; gấp 3 lần
Lược cỏ	Có
Dung tích hộp cỏ	31 L
Loại tay cầm	Tiêu chuẩn
Tay cầm mang tích hợp	Không
Hệ thống cắt	Lưỡi quay
Cáp nguồn	10 M
Kích thước (L x W x H)	Sản phẩm: 59,8 x 28 x 39 cm / Bao bì: 60 x 39 x 27,5 cm
Trọng lượng máy	8,6 kg
Trọng lượng đóng gói	10,2 kg
Đóng gói	1 x Máy cắt cỏ quay chạy điện Bosch Rotak 32-12
Xuất xứ	Trung Quốc



Mã hàng **0600885B00**
Giá tham khảo **2,816,224 VND**



Máy xén cành cầm tay Easyshear



Thông số kỹ thuật

Loại pin	Lithium-ion
Điện áp pin	3,6V
Thời gian sạc pin	3h
Hoạt động với dung lượng pin	1,5Ah
Thời gian chạy không tải	lên tới 40 phút
Chiều dài lưỡi dao	12cm (cây bụi)
Chiều rộng lưỡi	8cm (cỏ)
Khoảng cách răng	8mm
Diện tích cắt mỗi lần sạc pin	tối đa: 22 mét vuông
Trọng lượng	0,530kg
Xuất xứ	Hungary
Đóng gói	1 x máy tỉa cành, 1 x Cáp Micro USB, 1 x Lưỡi cây bụi, 120 mm (F016800588), 1 x Lưỡi cắt cỏ, 100 mm (F016800589)



Mã hàng **0600833341**
Giá tham khảo **1,918,309 VND**

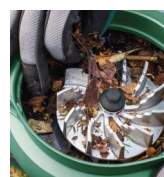


Máy thổi và hút lá chạy điện Bosch UniversalGardenTidy 3000



Thông số kỹ thuật

Công suất động cơ	1.600 - 3.000 W
Tốc độ thổi	165 - 285 km/giờ
Dung tích túi chứa lá	50 l
Tỷ lệ bám lá	12:01
Kích thước dụng cụ (L x W x H)	670x230x1150mm
Trọng lượng máy	4,7 kg
Xuất xứ	Trung Quốc
Đóng gói	1 máy, 1 ống thổi, 1 túi đựng 50 L, dây đeo hỗ trợ



Mã hàng **06008B1001**
Giá tham khảo **3,005,907 VND**



Kéo cắt cành dùng pin



Thông số kỹ thuật

Điện áp Pin	3.6V
Khả năng cắt lên đến	25mm
Số lần cắt tối đa/1 lần sạc	450
Hệ thống cắt	Bypass
Thời gian sạc	3.5 giờ
Cổng sạc	USB
Trọng lượng	0.49 kg

Mã hàng **06008B2100**
Giá tham khảo **2,896,850 VND**



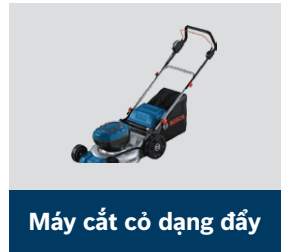
SẴN SÀNG CHO CÔNG VIỆC NGOÀI TRỜI: HỆ THỐNG CHUYÊN NGHIỆP 18V

Công Việc Của Bạn. Không Gian Của Bạn. Đã đến lúc mở rộng Hệ Thống Chuyên Nghiệp 18V – với dòng sản phẩm ngoài trời hoàn toàn mới, hiệu suất cao và thoải mái vượt trội.

MỞ RỘNG HỆ THỐNG CHUYÊN NGHIỆP 18V VƯỢT RA KHỎI CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG



KHÁM PHÁ CÁC DỤNG CỤ LÀM VƯỜN 18V



THIẾT KẾ BỞI CÁC CHUYÊN GIA



LÀM VIỆC THOẢI MÁI

Thiết kế nhẹ, cân bằng tốt và ít tiếng ồn giúp bạn làm việc ngoài trời thoải mái, hiệu quả. Dụng cụ luôn vừa vặn trong tay, mang lại cảm giác làm việc nhẹ nhàng và dễ dàng hơn.

HIỆU SUẤT ĐỘNG CƠ KHÔNG CHỐI THAN

Động cơ không chối than mạnh mẽ mang lại hiệu suất cao cho các dụng cụ làm vườn, giúp bạn xử lý dễ dàng những bãi cỏ và hàng rào lớn, đồng thời đảm bảo thời gian vận hành và tuổi thọ tối ưu.



MỘT PIN CHO TẤT CẢ

Bạn có thể dùng chung pin và sạc Bosch Professional 18V cho cả dụng cụ làm vườn và các thiết bị dùng tại công trình. Hệ Thống Chuyên Nghiệp 18V đã hoàn toàn tương thích từ năm 2008 và là một phần của liên minh AMPShare – cho phép sử dụng pin đa thương hiệu.

Dòng máy làm vườn chuyên nghiệp (sản phẩm mới 2025)



Máy thổi dùng Pin GBL 18V-750 (SOLO)

Thông số kỹ thuật	
Điện thế Pin	18.0 V
Tốc độ khí tối đa	198 km/h
Lưu lượng khí tối đa	780 m ³ /h
Trọng lượng không bao gồm Pin	2.8 kg
Thông tin đóng gói (Rộng x dài x cao)	254 x 510 x 325 mm
Giá trị rung động phát ra	2.5 m/s ²
Độ không đảm bảo K	1.5 m/s ²



Mã hàng **0 600 8D2 000**
Giá tham khảo **TBC**



Máy cắt cỏ cầm tay dùng Pin GFR 18V-23 (Solo)

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống cắt	3-tooth blade, Pro Tap
Điện áp Pin	18.0 V
Kích thước đóng gói (rộng x dài x cao)	220 x 1650 x 136 mm
Đường kính cắt	33 cm
Trọng lượng không gồm Pin	3.6 kg
Tốc độ không tải	4500 - 6400 rpm
Đường kính lưỡi cắt	23 cm
Độ dày lưỡi cắt	2 mm
Đường kính phạm vi cắt	25.4 mm
Giá trị rung động phát ra	3.6 m/s ²
Độ không đảm bảo K	1.3 m/s ²



Mã hàng **0 600 8D1 000**
Giá tham khảo **TBC**



Máy cắt tia hàng rào dùng Pin GHE 18V-60 (Solo)

Thông số kỹ thuật	
Điện thế Pin	18.0 V
Độ dài lưỡi cắt	60 cm
Khoảng cách giữa 2 răng cưa	23 mm
Trọng lượng đóng gói (Rộng x dài x cao)	268 x 1199 x 210 mm
Tốc độ cắt không tải	1,500 rpm
Khu vực vận hành/lấn sạc Pin (4Ah)	Lên tới 400m ²
Thời gian vận hành tối đa/lấn sạc (4Ah)	180 phút
Tốc độ đá lưỡi không tải	3,000 spm
Trọng lượng không bao gồm Pin	3 kg
Giá trị rung động phát ra	2.5 m/s ²
Độ không đảm bảo K	1.5 m/s ²

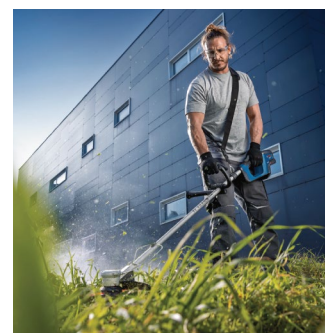


Mã hàng **0 600 8C9 000**
Giá tham khảo **TBC**



Máy xén cỏ cầm tay dùng Pin GRT 18V-33 (SOLO)

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống cắt	Pro Tap
Điện áp Pin	18.0 V
Kích thước đóng gói (rộng x dài x cao)	220 x 1625 x 136 mm
Đường kính cắt	33 cm
Đường kính dây	2.4 mm
Loại tay cầm	D-Shape
Trọng lượng không gồm Pin	3.5 kg
Tốc độ không tải	4500 - 6400 rpm
Giá trị rung động phát ra	4.3 m/s ²
Độ không đảm bảo K	1.8 m/s ²



Mã hàng **0 600 8D0 000**
Giá tham khảo **TBC**



Dòng máy phun xịt rửa áp lực cao - Chuyên nghiệp

Máy phun xịt rửa cao áp GHP 5-55



Thông số kỹ thuật

Công suất	2200W
Lưu lượng dòng chảy	500 l/h
Áp lực nước định mức	11.5MPa
Trọng lượng	22kg
Chiều dài ống xịt	8m

Mã hàng 06009104K0
Giá tham khảo 13,396,847 VND



Máy phun xịt rửa cao áp GHP 5-75



Thông số kỹ thuật

Công suất	2600W
Lưu lượng dòng chảy	560 l/h
Áp lực nước định mức	14MPa
Trọng lượng	26.7kg
Chiều dài ống xịt	10m

Mã hàng 06009107K0
Giá tham khảo 18,860,808 VND



Máy cắt cỏ dùng pin GRA 18V2-46 (SOLO)

MỚI



Thông số kỹ thuật

Chiều rộng cắt	46 cm
Phạm vi điều chỉnh độ cao cắt	30 – 70 mm
Dung tích hộp chứa cỏ	60 lít
Cấp độ bảo vệ IP	IPX4
Đường kính bánh xe (Trước/Sau)	170 / 240 mm
Bộ nhớ	500
Điện áp / Dung lượng	18.0 V
Kích thước	580 x 855 x 420 mm

Mã hàng 06008C8000
Giá tham khảo TBC



Máy cưa xích dùng pin GRA 18V2-46 (SOLO)

MỚI



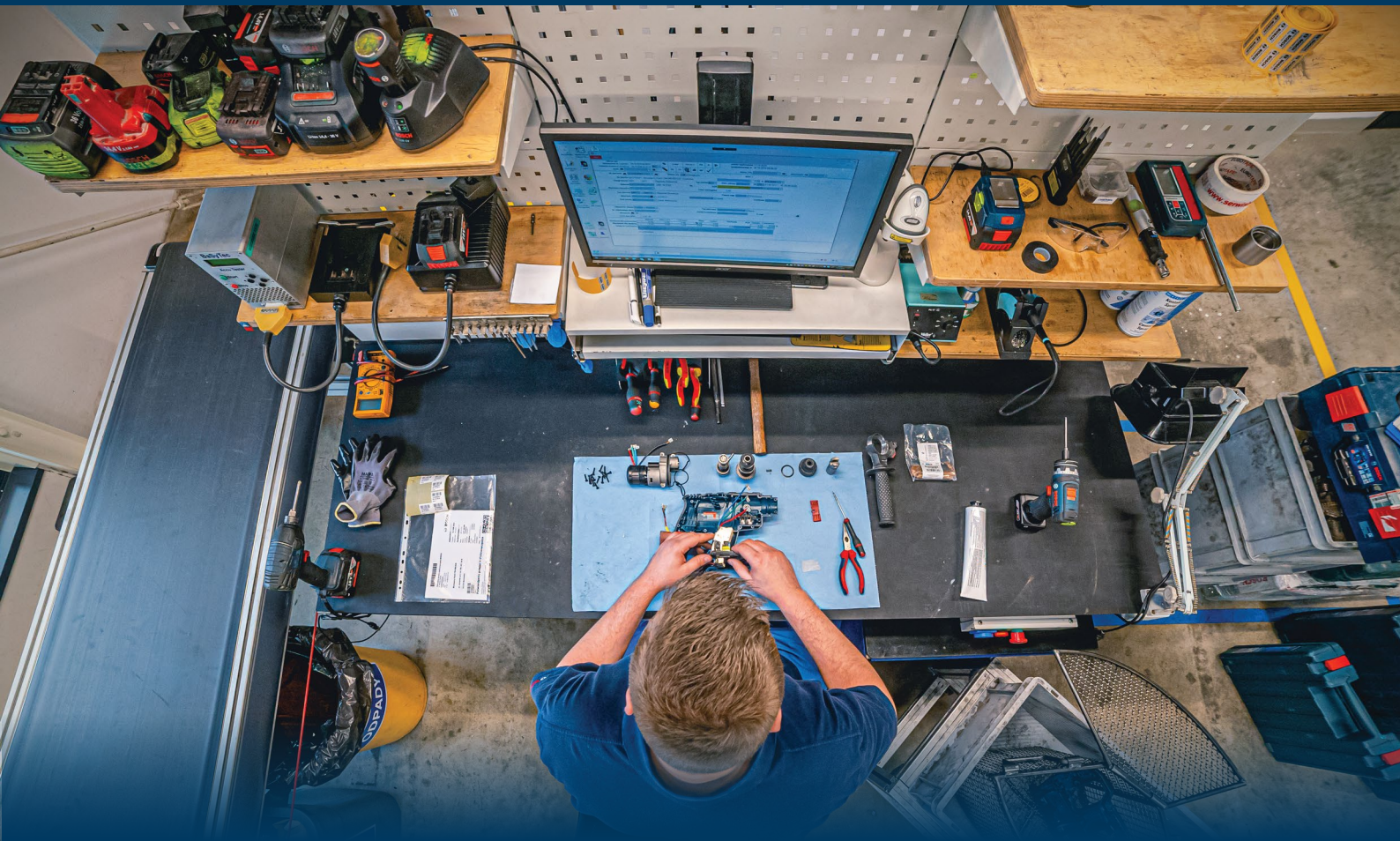
Thông số kỹ thuật

Chiều rộng cắt	46 cm
Bước xích	3/8" (9,52 mm)
Tốc độ xích	12,4 m/s
Độ dày má xích	1,1 mm
Mức áp suất âm thanh	91 dB(A)
Mức công suất âm thanh	99 dB(A)
Điện áp / Dung lượng	18.0 V

Mã hàng 06008D3000
Giá tham khảo TBC



DỊCH VỤ BẢO HÀNH & HẬU MÃI BOSCH CHUYÊN NGHIỆP – ĐÁNG TIN CẬY



“ Từ tháng 9/2025, Bosch chính thức ngưng phát hành phiếu bảo hành giấy và chuyển đổi hoàn toàn sang hình thức bảo hành điện tử, Quý khách hàng vui lòng quét các mã QR dưới đây để xem các thông tin về chính sách bảo hành, hướng dẫn kích hoạt bảo hành điện tử và các thông tin khác. ”



**Chính sách
bảo hành**



**Hướng dẫn kích hoạt
bảo hành điện tử**

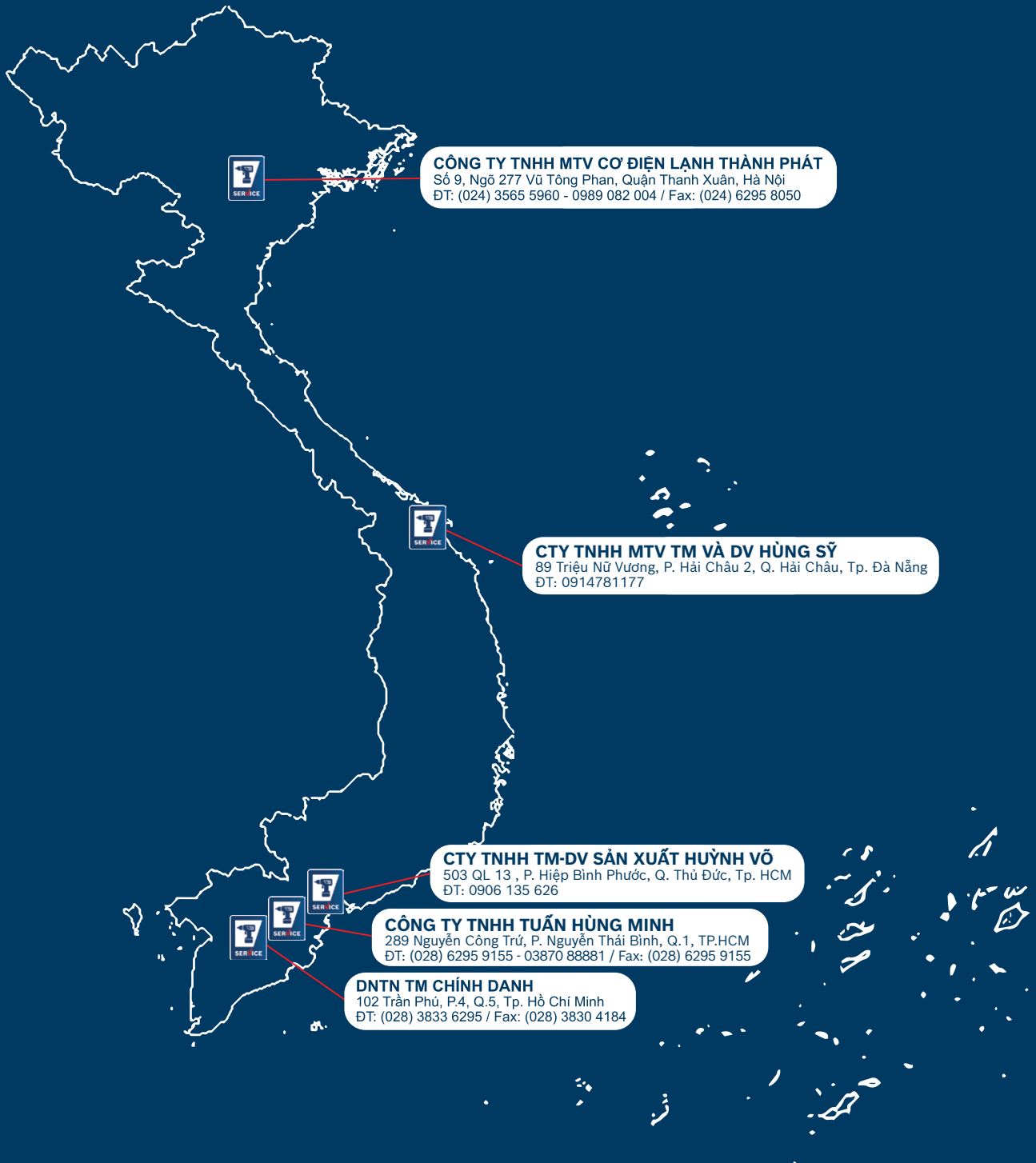


**Danh sách
Trung tâm BH**



**Tra cứu
phụ tùng chính hãng**

TRUNG TÂM BẢO HÀNH ỦY QUYỀN & ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI PHỤ TÙNG BOSCH CHÍNH HÃNG LỚN NHẤT TOÀN QUỐC



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH BOSCH VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tầng 8, tòa nhà The Mett, 15 Trần Bạch Đằng, P. Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP.HCM

ĐT: (84 28) 6258 3690 - Fax: (84 28) 6258 3692 / (84 28) 6258 3694

Hotline: 1900 99 88 50
tuvankhachhang-pt@vn.bosch.com

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH BOSCH VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

Tháp 1, Tầng 14, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

ĐT: (84 24) 3939 3119 - Fax: (84 24) 3936 2899

<http://www.facebook.com/BoschPowerToolsVietNam>
www.bosch-pt.com.vn
<http://www.shopbosch.com/>